

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Kính gửi: Chính phủ

(Gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định)

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/5/2023 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2023 và kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Thông báo số 176/TB-VPCP ngày 15/5/2023 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo để áp dụng từ năm học 2023-2024 (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP). Bộ GDĐT kính báo cáo Chính phủ như sau:

I. VỀ CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP

1. Căn cứ pháp lý

Tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/5/2023 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2023 đã giao Bộ GDĐT chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) và các cơ quan khẩn trương sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 theo trình tự, thủ tục rút gọn đề địa phương và các cơ sở giáo dục và đào tạo kịp thời có căn cứ quyết định mức thu học phí năm học 2023 - 2024.

Tại Thông báo số 176/TB-VPCP ngày 15/5/2023 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp về vấn đề học phí và sách giáo khoa cho năm học mới đã yêu cầu Bộ GDĐT tập trung triển khai Nghị quyết số 74/NQ-CP; khẩn trương sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP trình Chính phủ trước 30/5/2023 đề địa phương và các cơ sở giáo dục, đào tạo có căn cứ quyết định thời điểm, mức thu học phí năm học 2023-2024.

2. Căn cứ thực tiễn và sự cần thiết sửa đổi, bổ sung

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP được Chính phủ ban hành từ ngày 27/8/2021 và có hiệu lực từ ngày 15/10/2021. Tuy nhiên, từ đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nặng nề đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và khả năng thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 165/2022/NQ-CP ngày 20/12/2022 về học phí của các cơ sở GDĐT công lập năm học 2022-2023; theo đó mức học phí của cơ sở giáo dục công lập tiếp tục được giữ ổn định so với năm học 2021-2022. Như vậy, lộ trình học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đến năm học 2022-2023 đã chưa được áp dụng; mức thu học phí đã không tăng qua 03 năm học (từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023)¹.

Nghị quyết số 165/NQ-CP chỉ áp dụng cho năm học 2022-2023. Nếu năm 2023 không có quy định khác thì mức học phí năm học 2023-2024 sẽ áp dụng theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, theo đó sẽ tăng cao so với mức học phí năm học 2022-2023 (do mức học phí đã giữ ổn định trong 3 năm, đến năm học 2022-2023). Cụ thể, mức trần học phí GDĐH công lập năm học 2023-2024 sẽ tăng bình quân 45,7% so với năm học 2022-2023, đặc biệt khối ngành Y dược tăng 93%, khối ngành Nhân văn, khoa học xã hội tăng 53%).

Qua phản ánh và thảo luận, góp ý của các cơ quan trung ương, địa phương, học phí năm học 2023-2024 cần phải được điều chỉnh tăng để đảm bảo nguồn lực nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất trong điều kiện nguồn lực đầu tư hạn chế, ngân sách chi thường xuyên bị cắt giảm hàng năm. Đặc biệt đối với các cơ sở GDĐH công lập, thu từ học phí chiếm tỷ trọng chủ yếu (trên 80% tổng nguồn thu của trường), khả năng khai thác từ các nguồn thu khác còn rất hạn chế, hợp tác, chuyên giao công nghệ, liên doanh, liên kết giữa cơ sở GDĐH còn chậm triển khai. Nhiều cơ sở giáo dục đại học đề nghị cần được áp dụng mức thu học phí theo lộ trình quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để có thể bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên, nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện lộ trình tự chủ. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng nếu học phí năm học 2023-2024 thực hiện theo mức quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP sẽ gây khó khăn cho phụ huynh, học sinh và phản ứng của dư luận xã hội. Theo đó, hầu hết các ý kiến thống nhất đề nghị cần tăng học phí so với năm học 2022-2023 nhưng có thể chậm lại 01 năm so với lộ trình tăng học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP

- Thực hiện mục tiêu tính giá dịch vụ sự nghiệp công đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập².

¹ Mức học phí năm học 2021-2022 giữ ổn định bằng học phí năm học 2020-2021 theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Mức học phí năm học 2022-2023 giữ ổn định bằng học phí năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị quyết số 165/2022/NQ-CP.

² Giai đoạn đến năm 2021, hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan như Luật Giáo dục nghề nghiệp (2014), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDDH (2018), Luật Giáo dục (2019), Luật NSNN (2015), Luật Giá (2012), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó: dịch vụ giáo dục, đào tạo (bao gồm học phí) tại cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc danh mục nhà nước định giá, do Chính phủ quy định theo lộ trình bảo đảm chi phí.

- Xây dựng lộ trình học phí phù hợp với mục tiêu điều hành phát triển kinh tế - xã hội, kiểm soát lạm phát của Chính phủ; đảm bảo mức thu học phí từng bước bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và thực hiện lộ trình tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục. Trong đó: lộ trình thu học phí đối giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông phù hợp với khả năng chi trả của người dân; lộ trình thu học phí giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp phù hợp, sớm áp dụng chính sách học phí theo hướng tính đúng, tính đủ để thúc đẩy, nâng cao chất lượng giáo dục đại học, nghề nghiệp. Đồng thời, có các cơ chế hỗ trợ đối với các đối tượng chính sách, người nghèo, yếu thế, địa bàn khó khăn để hỗ trợ học sinh, sinh viên; kế thừa khung và mức học phí đã được tính toán, ban hành tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

- Nội dung, phạm vi sửa đổi đảm bảo phù hợp với trình tự, thủ tục rút gọn để trình Chính phủ sớm ban hành, làm cơ sở đề địa phương và các cơ sở giáo dục, đào tạo có căn cứ quyết định thời điểm, mức thu học phí năm học 2023-2024.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ban hành Quyết định số 1427/QĐ-BGDĐT ngày 19/5/2023 về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành có liên quan: Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ LĐTBXH (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp), Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Sở GDĐT Thành phố Hà Nội.

2. Ban soạn thảo và Bộ GDĐT đã thực hiện: xây dựng dự thảo Nghị định; lấy ý kiến góp ý của các bộ ngành, địa phương, các cơ sở GDDH công lập bằng văn bản và tổ chức 02 Hội nghị³ và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

3. Bộ GDĐT đã gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ Nghị định tại Công văn số ... BGDĐT-KHTC ngày Căn cứ ý kiến của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số ... ngày ..., Bộ GDĐT đã tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định và hoàn thiện dự thảo Nghị định (Báo cáo tiếp thu, giải trình kèm theo).

³ Tại các Công văn: số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023, số 2553/BGDĐT-KHTC ngày 25/5/2023 gửi các Bộ ngành, UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; số 1929/BGDĐT-KHTC ngày 28/4/2023 gửi Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp; số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 gửi các cơ sở GDDH công lập; số 2195/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 gửi Tổng cục Thống kê; số 2196/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023, số 2534/BGDĐT ngày 25/5/2023 gửi Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính; 02 Hội nghị xin ý kiến các Bộ, cơ quan trung ương, các Sở GDĐT 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và một số cơ sở GDĐT công lập.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Tên gọi của dự thảo Nghị định: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP như sau:

2.1. Điều chỉnh lộ trình học phí: chậm lại 01 năm so với lộ trình quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Cụ thể:

a) *Học phí cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập*

- Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Mức trần học phí đối với cơ sở GDMN, GDPT công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên năm học 2023-2024 bằng mức trần năm học 2022-2023 tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Mức sàn học phí đối với cơ sở GDMN, GDPT công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên năm học 2023-2024 được điều chỉnh giảm so với mức sàn năm học 2022-2023 tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để phù hợp với đề xuất, điều kiện thực tế của các địa phương (căn cứ theo đề xuất của các địa phương và số liệu tổng hợp mức thu học phí năm học 2022-2023 của các địa phương). Cụ thể như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2023 - 2024			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	Từ 100 đến 540	Từ 100 đến 540	Từ 100 đến 650	Từ 100 đến 650
Nông thôn	Từ 50 đến 220	Từ 50 đến 220	Từ 50 đến 270	Từ 70 đến 330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Từ 30 đến 110	Từ 30 đến 110	Từ 30 đến 170	Từ 30 đến 220

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí.

Khung học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định tại điểm này dùng làm căn cứ để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

- Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng 2 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này;

- Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Tối đa bằng 2,5 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này;

- Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT quy định thì được tự xác định mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ sở giáo dục ban hành; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt mức thu học phí.

- Từ năm học 2024 - 2025 trở đi, khung và mức học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định.

b) Học phí cơ sở GDDH công lập

Mức trần học phí đối với cơ sở GDDH công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên năm học 2023-2024 bằng mức trần học phí năm học 2022-2023 tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và dự kiến tính đủ chi phí vào năm học 2026-2027. Cụ thể như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

Khối ngành	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
Khối ngành I: Khoa học GDĐT giáo viên	1.250	1.410	1.590	1.790
Khối ngành II: Nghệ thuật	1.200	1.350	1.520	1.710
Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.250	1.410	1.590	1.790
Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	1.350	1.520	1.710	1.930
Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.450	1.640	1.850	2.090
Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	1.850	2.090	2.360	2.660
Khối ngành VI.2: Y dược	2.450	2.760	3.110	3.500

Khối ngành	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	1.200	1.500	1.690	1.910

c) Học phí cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập:

Mức trần học phí đối với cơ sở GDNN công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên năm học 2023-2024 bằng mức trần học phí năm học 2022-2023 tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và dự kiến tính đủ chi phí vào năm học 2026-2027. Cụ thể như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh	1.248	1.328	1.360	1.600
2	Khoa học, pháp luật và toán	1.326	1.411	1.445	1.700
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870	1.992	2.040	2.400
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	1.794	1.909	1.955	2.300
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	1.287	1.370	1.400	1.650
6	Sức khỏe	2.184	2.324	2.380	2.800
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	1.560	1.660	1.700	2.000
8	An ninh, quốc phòng	1.716	1.820	1.870	2.200

2.2. Về hồ sơ, thủ tục miễn giảm học phí

Trong quá trình thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, một số từ ngữ tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP còn dẫn đến cách hiểu khác nhau dẫn đến việc triển khai ở địa phương, cơ sở gặp khó khăn, vướng mắc. Ngoài ra, nhiều quy định mới được ban hành (như: Luật cư trú, Luật căn cước công dân...) nên Bộ LĐTBXH đề xuất chuẩn hóa và chính xác hóa lại các quy định nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện thời gian tới. Cụ thể như sau:

a) Tại khoản 8 Điều 10 và khoản 10 Điều 11

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 8 Điều 10 như sau: “8. Đối với các cơ sở GDNN do các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước quản lý trực tiếp: Thủ trưởng các cơ sở GDNN quy định mức thu học phí từng năm học theo từng ngành, nghề đào tạo nhưng không vượt quá mức trần học phí theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này.

Ngân sách nhà nước thực hiện cấp bù học phí cho người học thuộc diện được miễn, giảm học phí đang học tại các cơ sở GDNN do các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước trực tiếp quản lý **theo mức học phí của cơ sở GDNN, tối đa bằng**

mức trần học phí tương ứng với ngành đào tạo của cơ sở GDNN công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này.”

Lý do: Theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, nhiều địa phương, cơ sở giáo dục và đào tạo hiểu không chính xác việc cấp bù, lấy mức trần học phí để cấp mặc dù học phí thực tế thu thấp hơn mức trần.

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 17 Điều 15 như sau:

“17. Người tốt nghiệp trung học cơ sở (**không giới hạn thời gian sau bao lâu kể từ khi có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, chưa tốt nghiệp khóa học nào khác**) học tiếp lên trình độ trung cấp (**gồm cả đối tượng vừa học trung cấp vừa học khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc vừa học trung cấp vừa học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông**)”.

Lý do: Rất nhiều cơ sở GDNN và địa phương hiện nay báo cáo gặp khó khăn trong việc xác định đối tượng của chính sách này. Việc nêu rõ đối tượng được hưởng chính sách (không bổ sung, mở rộng đối tượng) sẽ xử lý được các vướng mắc mà nhiều địa phương đang gặp phải, đồng thời thể hiện được rõ chủ trương, định hướng phát triển GDNN của Đảng, Chính phủ⁴; Đảm bảo chính sách và quyền lợi đối với người học⁵; Đáp ứng nhu cầu thực tiễn: Giai đoạn 2016-2020, số lượng học sinh tốt nghiệp THCS vào học GDNN được 980.620 học sinh, chiếm khoảng 66.83% so với tổng số học sinh vào học trung cấp, tương ứng mỗi năm có khoảng trên 196.124 học sinh tốt nghiệp THCS vào học trình độ trung cấp. Hiện nay, nhu cầu và số lượng người học vừa học văn hóa vừa học nghề ngày càng lớn. Tuy nhiên, đa phần các đối tượng này đều thuộc các gia đình không có điều kiện về kinh tế.

c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 19 Điều 15 như sau:

“19. Người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật GDNN.”

Lý do: Theo quy định của Luật GDNN (điểm c khoản 2 Điều 62) thì thẩm quyền ban hành Danh mục các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh thuộc Chính phủ.

⁴ Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/05/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng GDNN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu: “Thực hiện tốt việc phân luồng, tăng tỉ lệ học sinh sau trung học cơ sở và GDNN; thực hiện vừa đào tạo nghề vừa dạy văn hóa ở các cơ sở GDNN, để học sinh tốt nghiệp vừa có bằng trung học phổ thông vừa có bằng nghề đảm bảo chất lượng”; “Đẩy nhanh lộ trình phổ cập nghề cho thanh niên, công nhân, nông dân và người lao động thông qua các hình thức hỗ trợ phù hợp”.

- Luật GDNN quy định “Từng bước phổ cập nghề cho thanh niên”.

- Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội cũng giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương “Có chính sách hỗ trợ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học các trình độ GDNN (miễn học phí hoặc hỗ trợ học phí, chi phí học tập văn hóa phổ thông) phù hợp với điều kiện của địa phương và các quy định của pháp luật...”

⁵ Luật GDNN chỉ quy định: “Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp” được miễn học phí. Không giới hạn sau thời gian bao lâu, không giới hạn việc vừa học trung cấp vừa học văn hóa.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 về đối tượng hỗ trợ chi phí học tập như sau: “4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông ***có nơi thường trú*** ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”.

Lý do đề xuất: Bổ sung quy định “***có hộ khẩu thường trú***” để hướng dẫn thống nhất đối với các cơ quan có thẩm quyền trong xét duyệt hồ sơ, xác nhận đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập. Trong thời gian vừa qua, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và một số địa phương⁶ đề nghị cần quy định rõ việc xác nhận đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập là “***trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có nơi thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền***” hay là “***trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông học tại các cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền***”.

2.3. Về sửa đổi, bổ sung các quy định dẫn chiếu có liên quan

Bộ GDĐT đã rà soát, điều chỉnh quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về mức trần giá dịch vụ giáo dục và quy định về tổ chức thực hiện (khoản 3 Điều 31 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) để phù hợp với nội dung điều chỉnh về học phí ở mục 2.1 nêu trên.

V. TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT

1. Tác động đối với NSNN

Khi xây dựng Nghị định 81/2021/NĐ-CP, Bộ GDĐT đã báo cáo đánh giá tác động tăng học phí theo lộ trình tới kinh phí cấp bù miễn giảm học phí từ NSNN, cụ thể: Với lộ trình tăng học phí theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP và bổ sung thêm các đối tượng chính sách mới được hưởng hỗ trợ miễn, giảm học phí theo lộ trình thì NSNN sẽ phải cấp bù kinh phí miễn, giảm học phí tăng thêm 5.859 tỷ đồng trong giai đoạn năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026. Do Nghị định 81 đã được ban hành, vì vậy hàng năm Ngân sách Nhà nước đã cân đối đảm bảo thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định.

Tại dự thảo Nghị định đề xuất lùi 01 năm so với lộ trình học phí tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP nên mức trần học phí quy định tại Nghị định 81 không thay đổi mà chỉ chậm lại một năm, vì vậy không làm phát sinh tăng thêm kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí từ NSNN so với số kinh phí NSNN hàng năm đã cân đối để thực hiện cấp bù, miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

2. Tác động đối với chỉ số giá tiêu dùng CPI

⁶ Sở GDĐT tỉnh Ninh Thuận.

- Học phí năm học 2022-2023 (từ tháng 09/2022 đến tháng 08/2023): Ngày 20/12/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 165/NQ-CP về học phí của các cơ sở GDĐT công lập năm học 2022-2023, theo đó Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo các cơ sở GDĐT thuộc phạm vi quản lý giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022-2023 bằng mức học phí năm học 2021-2022. Vì vậy, mức học phí của các cơ sở giáo dục công lập năm học 2022-2023 sẽ giữ ổn định như năm học 2021-2022 (đến hết tháng 08/2023) nên không tác động đến chỉ số CPI 08 tháng đầu năm 2023.

- Học phí từ năm học 2023-2024 (từ tháng 09/2023):

Theo ý kiến của Tổng cục Thống kê, nếu các địa phương đều áp dụng mức sàn học phí năm 2023-2024 bằng mức sàn học phí năm học 2022-2023 theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP thì sẽ tác động làm CPI bình quân cả nước năm 2023 tăng khoảng 1,4 điểm phần trăm (thực tế mức độ ảnh hưởng đến CPI sẽ thấp hơn do mức sàn học phí quy định tại dự thảo được điều chỉnh thấp hơn so với mức sàn học phí năm học 2022-2023 theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP). Trường hợp các địa phương đều áp dụng mức trần học phí như dự thảo Nghị định sẽ tác động làm CPI bình quân cả nước năm 2023 tăng khoản 2,3 điểm phần trăm.

Đồng thời, theo ý kiến của đại diện Tổng cục Thống kê trong Ban soạn thảo, việc tăng học phí ảnh hưởng tăng 1,4 điểm phần trăm đối với CPI nằm trong dự kiến kịch bản điều hành lạm phát năm 2023 của Chính phủ; từ đầu năm 2023 đến nay lạm phát đang được kiểm soát tốt, chi phí dịch vụ giáo dục theo tổng hợp từ các địa phương có xu hướng giảm từ đầu năm do các địa phương thực hiện theo Nghị quyết số 165/2022/NQ-CP của Chính phủ.

3. Tác động đối với người học

Dự thảo Nghị định lùi lộ trình tăng học phí 01 năm so với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP nên biên độ điều chỉnh học phí của năm học 2023-2024 thấp hơn so với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP, giảm áp lực về học phí cho các đối tượng người học, bậc học phải đóng học phí so với việc thực hiện theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP. Các địa phương có khả năng cân đối ngân sách vẫn tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh mầm non, phổ thông theo quy định của Luật NSNN. Bên cạnh đó, các chính sách về hỗ trợ đối với các đối tượng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi,... vẫn tiếp tục được thực hiện theo quy định hiện hành, không bị điều chỉnh tại dự thảo Nghị định này. Đồng thời, các quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP về hỗ trợ học phí, miễn giảm học phí cho các đối tượng ưu tiên, nhằm đảm bảo công bằng trong việc tiếp cận các dịch vụ giáo dục không thay đổi; cụ thể như sau:

3.1. Đối với giáo dục mầm non, phổ thông

- Về chính sách miễn, giảm học phí: Nghị định 81/2021/NĐ-CP đã quy định các chính sách miễn, giảm học phí, cụ thể: (1) miễn học phí đối với trẻ em, học sinh khuyết tật; trẻ em, học sinh phổ thông thuộc hộ nghèo; trẻ em mầm non 05 tuổi ở

thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; (2) giảm 70% học phí đối với trẻ em, học sinh phổ thông là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; (3) giảm 50% học phí đối với trẻ em, học sinh phổ thông thuộc hộ cận nghèo.

Ngoài ra, Nghị định 81/2021/NĐ-CP đã quy định lộ trình miễn học phí cho trẻ em mầm non 5 tuổi đến học sinh cấp trung học cơ sở, cụ thể: (1) miễn học phí từ năm học 2022-2023 đối với học sinh trung học cơ sở ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; (2) miễn học phí từ năm học 2024-2025 đối với trẻ em mầm non 05 tuổi; (3) miễn học phí từ năm học 2025-2026 đối với học sinh trung học cơ sở.

Về chính sách hỗ trợ chi phí học tập: Nghị định 81/2021/NĐ-CP đã quy định các chính sách hỗ trợ chi phí học tập gồm: trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông nếu có một trong các điều kiện sau thì được hưởng hỗ trợ chi phí học tập ở mức 150.000 đồng/học sinh/tháng để mua sắm sách vở, đồ dùng học tập: (1) mồ côi cả cha lẫn mẹ; (2) khuyết tật; (3) thuộc hộ nghèo; (4) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3.2. Đối với giáo dục đại học

- Đối tượng được miễn học phí (Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP): (1) Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; (2) Sinh viên học chuyên ngành Mác-Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh; (3) Học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh học một trong các chuyên ngành Lao, Phong, Tâm thần, Giám định pháp Y, Pháp y tâm thần và Giải phẫu bệnh tại các cơ sở đào tạo nhân lực y tế công lập theo chỉ tiêu đặt hàng của Nhà nước; (4) Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền; (5) Người học thuộc các đối tượng của các chương trình, đề án được miễn học phí theo quy định của Chính phủ; (6) Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp; (7) Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng, đối với các ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định (7) Người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Các ngành, nghề chuyên môn đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định.

- Đối tượng giảm 70% học phí (khoản 1 Điều 16 Nghị định 81/2021/NĐ-CP): (1) Học sinh, sinh viên học các ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập, tự thực có đào tạo về

văn hóa - nghệ thuật bao gồm: Nhạc công kịch hát dân tộc, nhạc công truyền thống Huế, đờn ca tài tử Nam Bộ, diễn viên sân khấu kịch hát, nghệ thuật biểu diễn dân ca, nghệ thuật ca trù, nghệ thuật bài chòi, biểu diễn nhạc cụ truyền thống; (2) Học sinh, sinh viên học các chuyên ngành nhã nhạc cung đình, chèo, tuồng, cải lương, múa, xiếc; một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp theo danh mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

4. Đối với cơ sở GDĐT công lập

Việc lùi lộ trình học phí 01 năm chưa thực hiện được lộ trình tính giá theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW⁷, chưa đảm bảo được theo mức thu học phí cho các cơ sở GDĐT từ năm 2023-2024 như đã được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Tuy nhiên, việc lùi 01 năm so với lộ trình quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đồng nghĩa với học phí năm học 2023-2024 sẽ được tăng theo mức học phí của năm học 2022-2023 theo quy định của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, góp phần hỗ trợ các cơ sở giáo dục công lập có nguồn thu bù đắp chi phí, đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời khuyến khích các cơ sở giáo dục công lập đẩy nhanh lộ trình tự chủ chi thường xuyên, gia tăng điều kiện để hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng đầu tư cho con người phù hợp với xu hướng phát triển giáo dục của khu vực và thế giới.

5. Tác động thủ tục hành chính (TTHC): Không có

6. Ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương

Trong quá trình tổng hợp ý kiến góp ý các đơn vị, ngoài ý kiến đối với lộ trình học phí, còn có các ý kiến đề nghị chỉnh sửa, bổ sung các quy định liên quan đến hồ sơ, thủ tục miễn, giảm học phí; đối tượng miễn giảm học phí. Tuy nhiên, các ý kiến góp ý về đối tượng miễn giảm học phí, thủ tục miễn giảm học phí cần có thêm thời gian để đánh giá kỹ lưỡng, thấu đáo trước khi đưa vào dự thảo Nghị định sửa đổi. Đồng thời, để kịp trình Chính phủ ban hành phù hợp với phạm vi, nội dung sửa đổi, bổ sung theo trình tự, thủ tục rút gọn, Ban soạn thảo, Bộ GDĐT đề nghị dự thảo Nghị định chỉ quy định điều chỉnh, bổ sung về lộ trình học phí và các nội dung đơn giản, làm rõ hơn về các quy định, không phải đánh giá tác động sâu rộng. Các ý kiến đề xuất sửa đổi, bổ sung khác, Bộ GDĐT sẽ tổng hợp và tiếp tục rà soát, đánh giá tác động để đề xuất điều chỉnh trong thời gian tiếp theo.

VI. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, đã được xây dựng, lấy ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục đào tạo và hoàn thiện theo ý

⁷ Đến năm 2021 hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Bộ GDĐT kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm Tờ trình này:

- Dự thảo Nghị định.
- Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp.
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.
- Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục đào tạo.
- Bản sao ý kiến của các cơ quan, tổ chức.
- Báo cáo về vấn đề học phí theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Thông báo số 176/TB-VPCP ngày 15/05/2023.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo)
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thuởng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Khung học phí từ năm học 2023-2024 trở đi

a) Khung học phí (mức sàn - mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2023 - 2024			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	Từ 100 đến 540	Từ 100 đến 540	Từ 100 đến 650	Từ 100 đến 650
Nông thôn	Từ 50 đến 220	Từ 50 đến 220	Từ 50 đến 270	Từ 70 đến 330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Từ 30 đến 110	Từ 30 đến 110	Từ 30 đến 170	Từ 30 đến 220

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí.

Khung học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định tại điểm này dùng làm căn cứ để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

b) Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng 2 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này;

c) Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Tối đa bằng 2,5 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này;

d) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thì được tự xác định mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ sở giáo dục ban hành; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt mức thu học phí.

đ) Từ năm học 2024 - 2025 trở đi, khung và mức học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 8 Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Mức trần học phí năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023 như sau:

Mức trần học phí năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023 đối với các ngành đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được áp dụng bằng mức trần học phí của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập do Nhà nước quy định áp dụng cho năm học 2020 - 2021, cụ thể như sau:

a) Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh	
1.1	Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh	780
1.2	Nghệ thuật	940
2	Khoa học, pháp luật và toán	940
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	940
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	940
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	780
6	Sức khỏe	1.140
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	940
8	An ninh, quốc phòng	940

b) Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh	
1.1	Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh	1.640
1.2	Nghệ thuật	1.920
2	Khoa học, pháp luật và toán	1.920
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.920
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	1.920
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	1.640
6	Sức khỏe	4.040

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	1.920
8	An ninh, quốc phòng	1.920

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Mức trần học phí từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2026 - 2027 như sau:

a) Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên:

Mức trần học phí được xác định theo danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, trung cấp do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, cụ thể:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh	1.248	1.328	1.360	1.600
2	Khoa học, pháp luật và toán	1.326	1.411	1.445	1.700
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870	1.992	2.040	2.400
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	1.794	1.909	1.955	2.300
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	1.287	1.370	1.400	1.650
6	Sức khỏe	2.184	2.324	2.380	2.800
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	1.560	1.660	1.700	2.000
8	An ninh, quốc phòng	1.716	1.820	1.870	2.200

b) Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Mức học phí tối đa không quá 2 lần so với mức học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Được chủ động xây dựng và quyết định mức học phí theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản khác có liên quan;

d) Đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao (kể cả chương trình chuyên giao từ nước ngoài đối với giáo dục nghề nghiệp) các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động quyết định mức học phí của chương trình đó trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật bảo đảm đủ bù đắp chi phí đào tạo, có tích lũy và thực hiện việc công khai trước khi tuyển sinh;

đ) Đối với các chương trình đào tạo đã đạt chuẩn kiểm định tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đảm bảo một phần chi thường xuyên và cơ sở giáo dục nghề nghiệp do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên mức học phí tối đa không quá 2,5 lần so với mức học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp do các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước quản lý trực tiếp: Thủ trưởng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định mức thu học phí từng năm học theo từng ngành, nghề đào tạo nhưng không vượt quá mức trần học phí theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này.

Ngân sách nhà nước thực hiện cấp bù học phí cho người học thuộc diện được miễn, giảm học phí đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp do các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước trực tiếp quản lý **theo mức học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tối đa bằng** mức trần học phí tương ứng với ngành đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Mức trần học phí năm học 2021 - 2022 và năm học 2022-2023:

Mức trần học phí năm học 2021 - 2022 và năm học 2022-2023 đối với các ngành đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học công lập được áp dụng bằng mức trần học phí của các cơ sở giáo dục đại học công lập do Nhà nước quy định áp dụng cho năm học 2020 - 2021, mức cụ thể như sau:

a) Mức trần học phí đối với các khối ngành đào tạo trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

Khối ngành	Năm học 2021 - 2022 và năm học 2022-2023
Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	980
Khối ngành II: Nghệ thuật	1.170
Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	980
Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	1.170
Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.170
Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	1.430
Khối ngành VI.2: Y dược	1.430

Khối ngành	Năm học 2021 - 2022 và năm học 2022-2023
Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	980

b) Mức trần học phí đối với các khối ngành đào tạo trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

Khối ngành	Năm học 2021 -2022 và năm học 2022-2023
Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	2.050
Khối ngành II: Nghệ thuật	2.400
Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	2.050
Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	2.400
Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	2.400
Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	5.050
Khối ngành VI.2: Y dược	5.050
Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	2.050

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Học phí từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2026 - 2027 như sau:

a) Mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Khối ngành	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.250	1.410	1.590	1.790
Khối ngành II: Nghệ thuật	1.200	1.350	1.520	1.710
Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.250	1.410	1.590	1.790

Khối ngành.	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	1.350	1.520	1.710	1.930
Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.450	1.640	1.850	2.090
Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	1.850	2.090	2.360	2.660
Khối ngành VI.2: Y dược	2.450	2.760	3.110	3.500
Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	1.200	1.500	1.690	1.910

b) Cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Mức học phí được xác định tối đa bằng 2 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này tương ứng với từng khối ngành và từng năm học;

c) Cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Mức học phí được xác định tối đa bằng 2,5 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này tương ứng với từng khối ngành và từng năm học;

d) Đối với chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học công lập đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hoặc đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tương đương, cơ sở giáo dục đại học được tự xác định mức thu học phí của chương trình đó trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ sở giáo dục ban hành, thực hiện công khai giải trình với người học, xã hội”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 17 và khoản 19 Điều 15 như sau:

“17. Người tốt nghiệp trung học cơ sở (không giới hạn thời gian sau bao lâu kể từ khi có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, chưa tốt nghiệp khóa học nào khác) học tiếp lên trình độ trung cấp (gồm cả đối tượng vừa học trung cấp vừa học khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc vừa học trung cấp vừa học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông)”.

“19. Người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:

“4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có nơi thường trú ở thôn/bản

đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”.

6. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ 6 điểm b khoản 1 Điều 19 như sau:

“- Giấy khai sinh hoặc căn cước công dân và giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 12 Điều 15 Nghị định này;”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“Trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên; học sinh, sinh viên, học viên học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc đối tượng được miễn giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí học tập nộp Đơn (theo mẫu tại Phụ lục II; Phụ lục III; Phụ lục IV; Phụ lục V; Phụ lục VI, Phụ lục VII Nghị định này) và bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc một trong các giấy tờ được quy định tại khoản 1 Điều này để minh chứng thuộc đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập gửi cơ sở giáo dục theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc hệ thống giao dịch điện tử.

Sau thời hạn nêu trên, nếu người học không có hồ sơ đề nghị miễn giảm học phí theo quy định xem như không có nhu cầu thụ hưởng chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định này”

8. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 20 như sau:

“b) Nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí đối với người học thuộc các đối tượng miễn, giảm học phí theo mức học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 10; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định này.

Phần còn lại người học phải đóng bằng chênh lệch giữa mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 10; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 11 và mức hỗ trợ của Nhà nước, trừ trường hợp đối với các ngành nghề quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16, người học phải đóng bằng phần chênh lệch giữa mức học phí thực tế của cơ sở giáo dục và mức hỗ trợ của Nhà nước.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 20 như sau:

“Trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ), học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học đã nộp hồ sơ đúng theo quy định tại Nghị định này chưa nhận được tiền cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 22 như sau:

“c) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí trực tiếp cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh, sinh viên đăng ký thường trú trên địa bàn;”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 3 vào Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông từ năm học 2022 - 2023 như sau:

a) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

b) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 9 Nghị định này;

c) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 9 Nghị định này;

d) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư nếu đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định được tự xác định mức giá dịch vụ trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ sở giáo dục ban hành; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt mức giá dịch vụ”.

b) Bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông từ năm học 2023 - 2024 như sau:

a) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định này.

Từ năm học 2024 - 2025 trở đi, mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông được điều chỉnh đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương và khả năng chi trả của người dân nhưng tối đa không vượt 7,5%/năm;

b) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 9 Nghị định này;

c) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 9 Nghị định này;

d) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư nếu đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định được tự xác định mức giá dịch vụ trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ sở giáo dục ban hành; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt mức giá dịch vụ”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“1. Mức trần giá dịch vụ giáo dục đại học năm học 2021 - 2022 và năm học 2022-2023: Tối đa bằng mức học phí quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

2. Mức trần giá dịch vụ giáo dục đại học từ năm học 2023 - 2024 như sau:

a) Đối với cơ sở giáo dục đại học chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định này;

b) Đối với cơ sở giáo dục đại học tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 tương ứng với từng khối ngành và từng năm học;

c) Đối với cơ sở giáo dục đại học tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 tương ứng với từng khối ngành và từng năm học;

d) Đối với chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hoặc đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tương đương được tự xác định mức giá dịch vụ đào tạo của chương trình đó trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ sở giáo dục ban hành, thực hiện công khai giải trình với người học, xã hội;

đ) Đối với dịch vụ đào tạo giáo viên: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

e) Mức trần giá dịch vụ đào tạo thạc sĩ, đào tạo tiến sĩ: Được xác định bằng mức trần giá dịch vụ đào tạo đại học nhân hệ số 1,5 đối với đào tạo thạc sĩ, hệ số 2,5 đối với đào tạo tiến sĩ tương ứng với từng khối ngành đào tạo của từng năm học và mức độ tự chủ của cơ sở giáo dục đại học công lập”.

13. Sửa đổi bổ sung Điều 30 như sau:

“Điều 30. Mức trần giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp

1. Mức trần giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp năm học 2021 – 2022 và năm học 2022-2023: Tối đa bằng mức học phí quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này.

2. Mức trần giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp từ năm học 2023 - 2024:

a) Mức trần giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành, bảo đảm công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá;

b) Trường hợp chưa ban hành được mức trần giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp:

- Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Mức trần giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

- Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên: Mức trần giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

- Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và các chương trình chất lượng cao: Mức trần giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp tối đa bằng 2,5 lần mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 31 như sau:

“3. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung và mức tăng học phí hàng năm không quá 7,5%/năm từ năm học 2024 - 2025; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập xác định mức học phí tương ứng với mức độ tự chủ tài chính và kiểm định chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 và khoản 2 Điều 11 Nghị định này, mức tăng học phí không quá 12,5%/năm từ năm học 2027 - 2028”.

15. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục số VIII theo Phụ lục I kèm theo.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày...tháng...năm 2023.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b).

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC I
GIẤY XÁC NHẬN

(Kèm theo Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

(Dùng cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông dân lập, tư thục; cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tư thục)

Kính gửi:..... (1)

Phần I: Dùng cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục xác nhận

Trường:.....

....

Xác nhận

em:.....

Hiện đang học tại lớp.....Học kỳ:..... Năm

học:.....

Phần II: Dùng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tư thục

Trường:.....

....

Xác nhận anh/chị:

.....

Hiện là học sinh, sinh viên năm thứ Học kỳ: Năm học....

Khoa..... khóa học thời gian khóa học... (năm).

Trình độ đào tạo:.....

Hình thức đào tạo: (ghi rõ hình thức đào tạo: chính quy, liên thông ...).

Kỷ luật:..... (ghi rõ mức độ kỷ luật nếu có).

Mức thu học phí: đồng/tháng (nếu thu học phí theo tín chỉ thì phải quy đổi về mức thu theo niên chế).

Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo/Sở Giáo dục và Đào tạo/Phòng Lao động -

Thương binh và Xã hội xem xét giải quyết tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí, hỗ trợ đóng học phí theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng... năm...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Trẻ em học mẫu giáo, học sinh trung học cơ sở: gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo; học sinh học trung học phổ thông: gửi Sở Giáo dục và Đào tạo; học sinh, sinh viên học ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học: gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

TỜNG HỢP Ý KIẾN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Về đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí từ 01 năm so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

(Kèm theo Tờ trình số **977** /TT-BGDĐT ngày 06/06/2023 của Bộ GDĐT)

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Phương án điều chỉnh lộ trình học phí	
		Theo lộ trình tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP	Lại 01 năm so với lộ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP
1	Sở GDĐT An Giang Thống nhất lộ trình HP 01 năm so với quy định tại ND 81		X
2	Sở GDĐT Bắc Kạn Về chủ trương đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Nhất trí. Về điều chỉnh lộ trình thực hiện tăng học phí: Nhất trí với dự thảo.		X
3	Sở GDĐT Bạc Liêu Thống nhất kiến nghị Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành.		
	Thống nhất dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại các Phụ lục 1, 2 và 3 kèm theo công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/04/2023.		X
4	Sở GDĐT Bắc Ninh 1. Về xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Sở GDĐT Bắc Ninh thống nhất với sự cần thiết phải xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ phù hợp với tình hình thực tế của điều kiện kinh tế - xã hội sau đại dịch Covid-19.		X

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	
	Phương án điều chỉnh lộ trình học phí	Lãi 01 năm so với lộ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP
<p>2. Về các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất với đề xuất khung học phí năm học 2022-2023 giữ ổn định như năm học 2021-2022. - Về khung học phí từ năm học 2023-2024: Đề nghị vẫn có quy định mức sàn học phí như Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, mức sàn có thể nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp với các vùng, miền trong cả nước. Có quy định cụ thể hơn cho phép các địa phương linh hoạt, chủ động ban hành khung học phí theo từng năm học hoặc theo giai đoạn giống như khối giáo dục đại học. - Đề nghị có quy định cụ thể, linh hoạt hơn cho phép các địa phương ban hành các chính sách đặc thù về không thu học phí hoặc hỗ trợ kinh phí đóng học phí cho trẻ và học sinh trên địa bàn tùy thuộc vào điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương. 		x
<p>5</p> <p>Sở GDĐT Bến Tre</p> <p>1. Đối với đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre thống nhất ý kiến về việc đề xuất Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập để bảo cáo Chính phủ xem xét, ban hành.</p>		x
<p>2. Góp ý dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (tại Phụ lục 1, 2 và 3 đính kèm Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC): Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu bổ sung mức sàn học phí phù hợp để làm cơ sở cho các địa phương ban hành mức thu học phí phù hợp với tình hình thực tế của các địa phương, đồng thời đảm bảo được mức thu học phí để các cơ sở giáo dục tiếp tục đầu tư trong giáo dục và có sự tương đồng giữa các tình trong cùng khu vực.</p>		
<p>6</p> <p>Sở GDĐT Bình Phước</p> <p>Cơ bản thống nhất nội dung 03 dự thảo nói trên do Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo; thống nhất ý kiến giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp Bộ Lao động-TB&XH và các đơn vị có liên quan nghiên cứu đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP cho phù hợp với tình hình thực tế.</p>		x
<p>2. Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP về khung học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập nên giữ nguyên mức sàn – mức trần và giảm mức sàn so với Nghị định 81/2021/NĐ-CP.</p>		
<p>7</p> <p>Sở GDĐT Bình Thuận</p>		

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Phương án điều chỉnh lệ trình học phí	
		Theo lệ trình tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP	Lũy 01 năm so với lệ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận cơ bản thống nhất đối với việc đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đề báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành; đồng thời thông nhất đối với dự thảo báo cáo tại các Phụ lục 01, 02, 03 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đính kèm Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC.		x
8	Sở GDĐT Cần Thơ Thống nhất với đề xuất điều chỉnh lệ trình học phí so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP theo phụ lục 3 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.		x
9	Sở GDĐT Cao Bằng Về đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - TB&XH và các cơ quan liên quan nghiên cứu đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Nhất trí. Về điều chỉnh lệ trình thực hiện tăng học phí: Nhất trí.		x
10	Sở GDĐT Đắk Lắk Việc lệ trình tăng học phí theo đề nghị của Bộ GDĐT phù hợp với Luật Giáo dục năm 2019 và lệ trình tính giá để bù đắp chi phí hoạt động thương xuyên, nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện lộ trình tự chủ tài chính. Tuy nhiên, năm 2020, 2021 do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội trên cả nước nơi chung và tỉnh Đắk Lắk nơi riêng. Do vậy, năm học 2022-2023, Sở GDĐT Đắk Lắk đã tham mưu xây dựng Nghị Quyết thu học phí để áp dụng từ năm học 2022-2023 thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP chuẩn bị ban hành. Nhưng sau khi có văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT không tăng học phí năm học 2022-2023, Sở GDĐT tham mưu xây dựng mức thu học phí năm học 2022-2023 theo mức thu học phí giữ nguyên như năm học 2021-2022 chưa xây dựng mức học phí mới theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.		
	Vậy, Sở GDĐT Đắk Lắk đề nghị đối với mức thu học phí các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2023-2024 vẫn giữ nguyên khung mức thu học phí như Nghị định số 81/2021/NĐ-CP chưa sửa đổi, điều chỉnh. Đồng thời đề nghị áp dụng cho các năm tiếp theo vẫn tiếp tục tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để áp dụng cho lộ trình từ năm học 2024-2025 trở đi. Khung học phí sửa đổi phải quy định mức s ăn và mức trần nếu không quy định mức sàn các địa phương rất khó xây dựng Nghị quyết (tâm lý người dân ai cũng muốn mức thu học phí thấp). Các nội dung khác thông nhất theo dự thảo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	x	
11	Sở GDĐT Đắk Nông Đối với nội dung tại điểm b mục 1 phần I của phụ lục 3 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC: kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, giữ nguyên khung học phí theo "mức sàn và mức trần", lý do: để các địa phương có cơ sở làm căn cứ triển khai thực hiện.		

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Phương án điều chỉnh lộ trình học phí	
		Theo lộ trình tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP	Lãi 01 năm so với lộ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	Các nội dung khác theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông thống nhất với nội dung dự thảo.		x
12	Sở GDĐT Điện Biên Nhất trí với đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.		
	Nhất trí đối với dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục 1, phụ lục 2, phụ lục 3 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/04/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo		x
13	Sở GDĐT Đồng Tháp Điều chỉnh giảm mức sản thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Nghị định 81/2021.		x
14	Sở GDĐT Gia Lai Sau khi nghiên cứu các phụ lục báo cáo rà soát và đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí, mức thu học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Sở Giáo dục và Đào tạo về cơ bản thống nhất với nội dung phụ lục.		x
15	Sở GDĐT Hà Giang Sau khi nghiên cứu, xem xét "Dự thảo" Báo cáo rà soát và đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí đề áp dụng từ năm 2023-2024 do Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo tại các Phụ lục 1, 2, 3 đính kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC và tổng hợp ý kiến tham gia của các Sở nêu trên. Kết quả: 100% các Sở tham gia góp ý kiến đều nhất trí với dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và không có ý kiến gì thêm.		x
16	Sở GDĐT Hải Dương		

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	
	Phương án điều chỉnh lệ trình học phí	Lãi 01 năm so với lệ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	<p>Sự cần thiết áp dụng mức thu học phí theo lộ trình quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP</p> <p>Mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TV ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII:</p> <p>Giai đoạn đến năm 2021:</p> <p>Hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.</p> <p>Đến năm 2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần đầu có tối thiểu 20% đơn vị tự chủ tài chính. - Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016 - 2020. <p>Đến năm 2030</p> <p>Giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.</p>	
	<p>Khoản 1 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định:</p> <p>Học phí là khoản tiền người học phải nộp để chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo. Mức học phí được xác định theo lộ trình báo đảm chi phí dịch vụ giáo dục, đào tạo do Chính phủ quy định.</p> <p>Như vậy, học phí sẽ thực hiện theo cơ chế giá (gia dịch vụ giáo dục) và phải thực hiện lộ trình tính đủ chi phí dịch vụ giáo dục. Ngân sách nhà nước chi trực tiếp cho các cơ sở giáo dục giảm dần hàng năm.</p> <p>Mặt khác, trong điều kiện ngân sách địa phương nói chung và ngân sách địa phương đầu tư cho lĩnh vực giáo dục nói riêng (bao gồm cả chi đầu tư và chi thường xuyên) còn rất hạn chế, khả năng khai thác từ các nguồn thu khác hầu như không có vì hoạt động chính của các nhà trường là hoạt động giảng dạy nên việc giữ ổn định mức thu học phí (03 năm) đã gây khó khăn cho các cơ sở giáo dục trong việc cân đối nguồn lực tài chính để đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục.</p> <p>Vì vậy, việc áp dụng mức thu học phí theo lộ trình quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của các cơ sở giáo dục là cần thiết để bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên, đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và thực hiện lộ trình tự chủ.</p>	

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Phương án điều chỉnh lộ trình học phí	
		Theo lộ trình tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP	Lãi 01 năm so với lộ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	Căn cứ những nội dung nêu trên, việc Bộ Giáo dục và Đào tạo kiến nghị điều chỉnh lộ trình học phí lãi 01 năm so với lộ trình học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (chỉ tiết theo Phụ lục số 3 kèm theo công văn số 1896/BGDĐT - KHTC) phù hợp với thực tế đã triển khai tại địa phương (Nghị quyết số 08/2022/NQ - HĐND đã ban hành), hỗ trợ một phần khó khăn cho học sinh, phụ huynh cũng như các cơ sở giáo dục.		X
17	Sở GDĐT Hải Phòng Số Giáo dục và Đào tạo nhất trí với Dự thảo đề xuất không quy định mức sản học phí tại Phụ lục 3 đính kèm Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.		X
18	Sở GDĐT Hậu Giang 1. Đối với Phụ lục 1 – Báo cáo rà soát và đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí để áp dụng từ năm học 2023-2024. Số GD&ĐT thống nhất nội dung của Bộ GD&ĐT về điều chỉnh lộ trình học phí lãi 01 năm so với lộ trình học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công. 2. Đối với Phụ lục 2 – Mức thu học phí theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Số GD&ĐT thống nhất nội dung của Bộ GD&ĐT về khung học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập. 3. Đối với Phụ lục 3 – Đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí so với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Khung học phí từ năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên. Số GD&ĐT đề nghị tiếp tục giữ nguyên quy định mức sản học phí tuy nhiên điều chỉnh giảm từ 300.000 đồng xuống còn 100.000 đồng để địa phương thuận lợi trong công tác tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân ban hành mức học phí hằng năm theo quy định.		X
19	Sở GDĐT Hòa Bình Đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Tỉnh Hòa Bình là vùng dân tộc thiểu số và miền núi mức khung học phí (mức sản – mức trần) quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP là phù hợp. Góp ý đối với dự thảo học phí từ năm học 2023-2024 (từ tháng 9/2023) Bộ Giáo dục và Đào tạo mới phối hợp với Tổng cục Thống kê các đơn vị liên quan đánh giá tác động đến chỉ số CPI, đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP là rất muộn sẽ làm ảnh hưởng đến việc ban hành quy định mức thu học phí của địa phương (Hội đồng nhân dân họp tháng 6).		X
	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm có phương án, hướng dẫn, để Hòa Bình có căn cứ triển khai thực hiện đảm bảo thời gian nhận học theo đúng quy định.		
20	Sở GDĐT Khánh Hòa		

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Phương án điều chỉnh lộ trình học phí	
		Theo lộ trình tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP	Lãi 01 năm so với lộ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	Sau khi nghiên cứu báo cáo rà soát của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thống nhất ý kiến đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP.		
	Tuy nhiên, đối với đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí so với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP, căn cứ tình hình, điều kiện của từng địa phương, cần sửa đổi, điều chỉnh quy định mức sàn – mức trần học phí cho phù hợp (Phụ lục - 1.3)		x
21	Sở GDĐT Kiên Giang Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập ch ưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Không quy định Mức sàn học phí. - Mức trần đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập ch ưa tự bảo đảm chi thường xuyên bằng mức trần năm học 2022-2023 tại khoản 2 điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Cụ thể: (Phụ lục - 1.4) 2. Khung học phí từ năm học 2024-2025 Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức học phí điều chỉnh theo chi số giá t ỉ ưu dùng tăng bình quân hằng năm.		
22	Sở GDĐT Kon Tum Thống nhất với Dự thảo báo cáo đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại phụ lục 01, phụ lục 02 và phụ lục 03 đính kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.		x
23	Sở GDĐT Lai Châu 1. Đối với nội dung xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Tại điểm b mục 1, phần I, phụ lục III Đề xuất điều chỉnh lộ tr ình học phí so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “..... Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất không quy định Mức sàn học phí.....” Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Mức sàn học phí theo từng đối tượng, để làm căn cứ tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành mức thu học phí phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và khả năng chi trả của người dân ở địa phương. 2. Đối với nội dung góp ý dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu nhất trí với nội dung dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị quyết số 19-NQ/TW) yêu cầu: “đến năm 2021 hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính từ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp”. Tại khoản 1 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 đ ã giao Chính phủ quy định mức học phí được xác định theo lộ trình báo đảm chi phí dịch vụ giáo dục, đào tạo.		x

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Phương án điều chỉnh lộ trình học phí	
		Theo lộ trình tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP	Lũy 01 năm so với lộ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP
24	Số GDĐT Lạng Sơn 1. Việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP là cần thiết và đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP là phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. 2. Việc Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP theo hướng lũy thêm 01 năm so với lộ trình cũ để hỗ trợ một phần khó khăn của các cơ sở giáo dục, giữ ổn định tại trường và hỗ trợ phụ huynh, học sinh là cần thiết.		X
25	Số GDĐT Long An Thông nhất điều chỉnh lộ trình học phí lũy 01 năm so với lộ trình học phí Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. - Đề xuất giữ nguyên khung học phí (mức sàn - mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau: (Phụ lục - 1.6)		X
26	Số GDĐT Nam Định Thời gian hiệu lực của Nghị định 81/2021/NĐ-CP đã được 02 năm (từ tháng 8/2021), UBND các tỉnh đã tham mưu cho HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để triển khai thực hiện và đã điều chỉnh một lần theo quy định Nghị quyết 165/NQ-CP. Vì vậy, để ổn định mức học phí làm cơ sở thu và quản lý cho các cơ sở giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định trân trọng đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì tham mưu cho Chính phủ giữ nguyên khung học phí đã quy định tại Nghị định 81/2021.NĐ-CP, riêng Vùng dân tộc thiểu số và miền núi giữ nguyên mức trần và bổ mức sàn đã quy định.	X	
27	Số GDĐT Nghệ An 1. Sửa đổi nội dung tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ Tại mục a khoản 3 Điều 9 của Dự thảo: "a) Khung học phí (mức sàn, mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên như sau: (Phụ Lục - 1.7)		X
28	Số GDĐT Ninh Bình		

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị		Phương án điều chỉnh lộ trình học phí	
			Theo lộ trình tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP	Lũy 01 năm so với lộ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	<p>1. Về đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành; Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình nhất trí với nội dung đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>			
	<p>2. Về góp ý nội dung dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục 1, 2 và 3: Về cơ bản Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình nhất trí với các nội dung ghi trong báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ tình hình thực tiễn tại địa phương, Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình có ý kiến góp ý như sau: Tại phụ lục 3. Đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí sơ với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất: “Từ năm học 2024-2025, Hội đồng nhân cấp tỉnh quyết định mức học phí điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm”, nội dung này không thống nhất với phụ lục số 2 và dự thảo Tờ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung của Chính phủ là “Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng tương kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm” Đề nghị: Nên thống nhất nội dung đề xuất giữa các báo cáo.</p>			x
29	<p>Sở GDĐT Ninh Thuận</p> <p>1. Đối với Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tỉnh Ninh Thuận nhận thấy việc Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ là cần thiết và có cơ sở.</p> <p>2. Đối với đề xuất “Khung học phí từ năm học 2023-2024” (tại điểm b khoản 1 Mục I của Phụ lục 3 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC): Việc đề xuất quy khung học phí của năm học 2023-2024, dự thảo chỉ quy định mức trần chứ không quy định mức sàn với mục đích tháo gỡ đối với những địa phương có điều kiện kinh tế xã hội đang còn khó khăn trong giai đoạn hiện nay; Tuy nhiên, để đảm bảo tính khoa học, khi quy định lại khung học phí vẫn nên dựa vào mức sàn, nhưng hạ giá trị xuống cho phù hợp với các địa phương mà hiện có điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn. Mức sàn đưa vào cho năm học 2023- 2024 đề xuất bằng mức của địa phương nào vừa qua quy định thấp nhất.</p>			x

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Phương án điều chỉnh lộ trình học phí	
		Theo lộ trình tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP	Lời 01 năm so với lộ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	<p>Lý do:</p> <p>Đề tất cả các địa phương một mặt phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội hiện tại, nhưng đồng thời phải có sự cố gắng để hướng đến việc thực hiện tối các chủ trương về: tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công; thực hiện lộ trình tinh giản dịch vụ sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-TW và Luật Giáo dục 2019. Đề gọi là “Khung học phí” thì nên thiết kế có mức sàn và mức trần.</p>		
30	<p>Sở GDĐT Phú Thọ</p> <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP là cần thiết và đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP là phù hợp.</p> <p>2. Đối với đề xuất chỉ quy định mức trần, không quy định mức sàn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên đề các địa phương chủ động xây dựng mức thu học phí trên địa bàn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, tránh tăng mức thu học phí đột biến (nếu quy định mức sàn) là phù hợp.</p> <p>3. Đối với đề xuất quy định cơ sở giáo dục tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, trình UBND cấp tỉnh để đề nghị HĐND cấp tỉnh xem xét, phê duyệt mức thu học phí là phù hợp.</p> <p>4. Việc Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP theo hướng lùi thêm 01 năm so với lộ trình cũ để bảo đảm mức tăng phù hợp, gửi ôn định thị trường và hỗ trợ phụ huynh, học sinh là cần thiết.</p>		x
31	<p>Sở GDĐT Phú Yên</p> <p>1. Một số nội dung góp ý dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, bổ sung quy định mức sàn học phí trong Khung học phí từ năm học 2023-2024 trở đi đối với giáo dục mầm non, phổ thông. Số Giáo dục và Đào tạo Phú Yên đề xuất vẫn quy định mức sàn học phí nhưng thấp hơn so với mức sàn quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét bỏ nội dung “năm học 2023-2024” trong bảng Khung học phí từ năm học 2023-2024 trở đi đối với giáo dục mầm non, phổ thông. Vì 1 khung học phí trong bảng quy định cho các năm học từ năm học 2023-2024 trở đi chứ không phải cho riêng năm học 2023-2024.</p>		x
32	<p>Sở GDĐT Quảng Bình</p>		

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Phương án điều chỉnh lệ trình học phí	
		Theo lệ trình tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP	Lưu 01 năm so với lệ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	Nhất trí đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành. Đồng thời đề nghị Chính phủ sớm ban hành nghị định sửa đổi để các địa phương kịp thời ban hành nghị quyết triển khai thực hiện trong năm học 2023-2024. - Cơ bản nhất trí đối với dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục 1, 2, 3 đính kèm Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC; đồng thời đề nghị điều chỉnh như sau: Điểm a, khoản 1, mục 1, Phụ lục 3: đề nghị sửa lại đề ph ù hợp với Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023: “1. Đối với học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập a) Khung học phí năm học 2022-2023 giữ ổn định như năm học 2021-2022: Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần khung học phí hoặc mức học phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành năm học 2021 - 2022 đối với từng cấp học và từng khu vực thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương. Trường hợp địa phương tăng học phí năm học 2022 - 2023 thì ngân sách địa phương đảm bảo phần chênh lệch tăng thêm so với số thu học phí năm học 2021 - 2022. Mức hỗ trợ cho từng cơ sở giáo dục do địa phương xem xét quyết định.”		X
	Đối với nội dung quy định tại điểm b, khoản 1, mục 1, Phụ lục 3: đề nghị ãn quy định mức sàn học phí như đã quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.		
33	Sở GDĐT Quảng Ngãi		

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Phương án điều chỉnh lộ trình học phí	
		Theo lộ trình tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP	Lãi 01 năm so với lộ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	<p>UBND tỉnh Quảng Ngãi cơ bản thống nhất dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81 của Chính phủ do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì soạn thảo. Tuy nhiên, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cần xem xét, điều chỉnh một số nội dung sau:</p> <p>1. Bổ sung cụm từ "khu vực miền núi, hải đảo" vào khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81 của Chính phủ, cụ thể:</p> <p>Khuang học phí (mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên như sau: (Phụ lục - 1.8)</p> <p>Lý do: Ngoài Vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, tỉnh Quảng Ngãi còn có khu vực các xã miền núi và huyện đảo Lý Sơn còn nhiều khó khăn. Riêng huyện Lý Sơn thuộc danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022. Trường hợp không được bổ sung "khu vực miền núi; hải đảo" thì 02 vùng này sẽ được áp dụng mức thu học phí của vùng nông thôn; gây thiệt thòi và thiếu công bằng trong chính sách giáo dục.</p>		x
34	Sở GDĐT Sóc Trăng		
	Đề xuất phương án lãi lệ trình 01 năm so với phương án tại phụ lục số 1 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.		x
	Đề xuất khung học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (có mức s ăn-trần) năm học 2023-2024 sẽ bằng khung học phí năm học 2022-2023 đã được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.		
35	Sở GDĐT Sơn La		
	1. Sau khi nghiên cứu nội dung đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính Phủ tại Công văn số 1896/BGDĐT KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La nhất trí với nội dung đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính Phủ.		x
36	Sở GDĐT Tây Ninh		

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Phương án điều chỉnh lộ trình học phí	
		Theo lộ trình tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP	Lũt 01 năm so với lộ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	<p>1. Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục. Theo đó, sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 theo hướng lời thêm 01 năm so lộ trình cũ tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; đưa nội dung khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (khung học phí thực hiện năm 2022-2023) thành khoản 3 Điều 9 Nghị định sửa đổi (khung học phí năm học 2023-2024) đồng thời không quy định mức s ản.</p> <p>Bộ Giáo dục và Đào tạo không quy định mức s ản sẽ gặp khó khăn cho các địa phương phải xây dựng lại giá học phí để làm cơ sở trình Nghị quyết mức học phí năm học 2023-2024. Mặt khác, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn quy trình và xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, phương pháp xác định học phí. Đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên mức s ản khung học phí từ năm học 2023-2024 trở đi.</p>		x
	<p>2. Thống nhất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10, sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 11 và sửa đổi bổ sung khoản 4 Điều 18 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.</p>		
37	Sở GDĐT Thái Bình		
	<p>1. Nhất trí với đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh lộ trình học phí từ 01 (một) năm so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Mức học phí sẽ thực hiện theo khung quy định của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP từ năm 2023-2024.</p>		x
	<p>2. Khung học phí có quy định mức s ản, mức trần như Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi: bỏ mức s ản để phù hợp với tình hình kinh tế xã hội các địa phương này.</p>		
	<p>3. Kinh đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm trình Chính phủ để các địa phương có cơ sở trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mức học phí cho năm học 2023-2024.</p>		
38	Sở GDĐT Thái Nguyên		
	<p>1. Về đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Nhất trí.</p>		
	<p>2. Về quy định khung học phí từ năm học 2023-2024: Nhất trí với dự thảo.</p>		
	<p>3. Về điều chỉnh lộ trình thực hiện tăng học phí: Nhất trí với dự thảo</p>		x
39	Sở GDĐT Trà Vinh		

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Phương án điều chỉnh lệ trình học phí	
		Theo lệ trình tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP	Lũy 01 năm so với lệ trình quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	Cơ bản thống nhất với các nội dung tại phụ lục 01, 02 và 03 theo đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Thống nhất mức giá trần theo phụ lục 3 k èm theo công văn số 1896/BGDĐT-KHTC. Đề xuất bổ sung qui định mức sản học phí như sau: Mức thu học phí tối thiểu của năm học 2023-2024, được tính trên cơ sở mức thu học phí của năm học 2022-2023 nhân chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân nhưng của tỉnh, nhưng không vượt quá 7,5%. Từ năm học 2024-2025 trở đi, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức học phí tối thiểu điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hằng năm nhưng không vượt quá 7,5%		x
40	Sở GDĐT Tuyên Quang Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang cơ bản nhất trí với dự thảo đề xuất điều chỉnh lệ trình học phí so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có ý kiến tham gia cụ thể như sau: Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cách thức để xác định mức học phí năm học 2023-2024. Lý do: Trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP không quy định mức sản học phí, nên chưa có cơ sở xây dựng mức học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập.		x
41	Sở GDĐT Vĩnh Long Đối với đề xuất điều chỉnh lệ trình học phí so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP tại Phụ lục 3 k èm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC, Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long đề xuất quy định mức sản (tối thiểu bằng mức sản của năm học 2021-2022 hoặc đề xuất mức sản phù hợp tình hình thực tế với thu nhập của người dân sau đại dịch). Hiện nay thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long đang tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức học phí năm học 2023-2024 mức thu dự kiến bằng mức sản của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP so với mức thu học phí năm học 2022-2023 là khá cao, do đó đề nghị mở rộng đối tượng miễn giảm học phí cho các em học sinh khó khăn sau đại dịch COVID-19, các đối tượng này giao UBND xã xác nhận để kịp thời hỗ trợ các hộ gia đình gặp khó khăn. Đồng thời, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo có hướng dẫn cụ thể cho các Sở Giáo dục và Đào tạo để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức kỹ thuật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại địa phương phù hợp theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.		x
42	Sở GDĐT Yên Bái Do đó đề kịp thời đề xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương đề nghị giữ nguyên lệ trình học phí theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP /		

TỜNG HỢP Ý KIẾN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Về đề xuất đối tượng miễn giảm học phí, hồ sơ, thủ tục miễn, giảm học phí

(Kèm theo Tờ trình số 077/TT-BGDĐT ngày 06/6/2023 của Bộ GDĐT)

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị
1	Sở GDĐT An Giang Đề nghị xem xét giảm mức thu học phí các cấp học cho phù hợp với thu nhập của người dân tại địa phương. Trong điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho con em gia đình có thu nhập thấp được tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục công lập. Xem xét mở rộng đối tượng miễn học phí tại Điều 15 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Bổ sung đối tượng hộ cận nghèo và đối tượng có cha, mẹ hoặc người đỡ đầu (trong trường hợp không ở với cha, mẹ) là con, phạm nhân vào đối tượng được miễn học phí (hiện tỉnh An Giang đang triển khai thực hiện mô hình “Lực lượng phòng, chống tội phạm chăm lo cho con con, phạm nhân trên địa bàn tỉnh”). Do hầu hết các đối tượng này thuộc diện gia đình nghèo khó khăn, không đủ điều kiện về kinh tế để tham gia học tập tại cơ sở giáo dục công lập. Xem xét điều chỉnh, bổ sung Điều 9 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: (1) Bổ sung “cơ sở giáo dục thường xuyên” vào đối tượng quy định mức thu học phí; (2) đối với các cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và chỉ đầu tư: Đề nghị xem xét, hướng dẫn cụ thể các căn cứ pháp lý để các đơn vị xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, nhằm đảm bảo triển khai thực hiện đúng theo tinh thần của Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
2	Sở GDĐT Bình Phước 2.3. Bổ sung thêm vào (dự thảo) điều, khoản cấp bù học phí. Cụ thể: Ngân sách nhà nước có trách nhiệm cấp bù trực tiếp học phí cho các cơ sở giáo dục công lập để thực hiện việc miễn, giảm và không thu học phí với người học thuộc các đối tượng quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16 và Điều 17 Nghị định 81/2021/NĐ-CP.
3	Sở GDĐT Bình Thuận Ngoài ra, liên quan đến học phí và giá dịch vụ quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Hiện nay, địa phương đang gặp khó khăn trong việc xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ giáo dục (chưa biết cần cứ, quy trình, phương pháp xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ giáo dục...) Theo đó, tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định: “Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ, ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với học phí, giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: a) Hướng dẫn quy trình và xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, phương pháp xác định học phí, giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo áp dụng chung trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo phân cấp quản lý”. Đề có cơ sở xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm, có văn bản hướng dẫn để địa phương thực hiện.
4	Sở GDĐT Cao Bằng

Ý kiến góp ý của các đơn vị

STT	Về quy định khung học phí từ năm học 2023-2024: Cơ bản các đơn vị của địa phương nhất trí với đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo dự thảo. Tuy nhiên, để có cơ sở xây dựng mức học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tư bảo đảm chi thường xuyên, và đảm bảo lộ trình giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo để nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cách thức để xác định mức học phí.
	Đối với tỉnh Cao Bằng hiện nay đang trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết của tỉnh cho năm học 2023-2024, với mức học phí đã được giữ nguyên như mức tại Nghị quyết năm học 2022-2023 đã ban hành là bằng mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Đối với các tỉnh đang xây dựng dự thảo Nghị quyết năm học 2023-2024 như tỉnh Cao Bằng, đề nghị Bộ GD&ĐT sớm tham m un để có sự chỉ đạo của Chính phủ.
	Ngoài các nội dung trên Khu Bạc nhà nước tỉnh Cao Bằng có vướng mắc trong kiểm soát chi, cần đề xuất như sau:
	Cần cơ tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định: “C cơ sở giáo dục công lập gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hồ sơ rút dự toán bao gồm: (i) Quyết định giao dự toán của cơ quan có thẩm quyền giao đối với kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí; (ii) Quyết định phê duyệt danh sách được hưởng chế độ miễn, giảm học phí của cơ sở giáo dục công lập kèm danh sách, tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (gồm các nội dung: Họ tên, đối tượng, tổng số học sinh thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường, mức thu học phí của nhà trường, mức học phí miễn, giảm và kinh phí đề nghị cấp bù) và toàn bộ hồ sơ xét duyệt các đối tượng được miễn, giảm học phí, hồ trợ chi phí học tập; (iii) Giấy rút dự toán theo quy định để rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí”.
	Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định hồ sơ bao gồm: đơn đề nghị miễn, giảm học phí và hồ trợ chi phí học tập, hồ trợ tiền đóng học phí, giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí, bản xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, giấy khai sinh, số hộ khẩu, số trợ cấp, bằng tốt nghiệp ... Với nhiều loại giấy tờ như vậy gây khó khăn và áp lực cho Kho bạc Nhà nước trong công tác kiểm soát chi, làm tăng thủ tục hành chính mà bản chất “toàn bộ hồ sơ xét duyệt các đối tượng được miễn, giảm học phí, hồ trợ chi phí học tập” là hồ sơ nghiệp vụ phát sinh tại đơn vị không thuộc thành phần hồ sơ lưu tại KBNN, Kho bạc cũng không có thẩm quyền xét duyệt và thẩm định hồ sơ, chỉ với vai trò kiểm soát chi khi chứng từ thanh toán qua KBNN. Trên đây là những vướng mắc khi kiểm soát chi các đơn vị thuộc khối Giáo dục theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP qua KBNN Cao Bằng. Đề nghị Bộ giáo dục sửa đổi thủ tục thanh toán qua KBNN cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.
5	Sở GDĐT Đồng Tháp
	Xem xét điều chỉnh đối tượng được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập tại Nghị định 81/2021 giống như đối tượng chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo tại Nghị định 105/2020 quy định Chính sách phát triển giáo dục mầm non:
	Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
	Nếu không điều chỉnh đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập tại Nghị định 81/2021 theo đề nghị tại mục 2 Công văn này thì đề nghị điều chỉnh khoản 3 Điều 18 giống như khoản 4 Điều 15 tại Nghị định 81/2021.

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị
	<p>Học viên học tại trường Nười dạy trẻ khuyết tật có 02 đối tượng:</p> <p>a. Trẻ khuyết tật thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo đang hưởng chế học học bổng và hỗ trợ chi phí học tập theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT/BGDĐT-BLĐTBXH-BTC.</p> <p>b. Trẻ khuyết tật không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thì Sở GDĐT tổng hợp đề xuất Sở Tài chính theo khoản 2 Điều 18 Nghị định 81/2021, Tuy nhiên Sở Tài chính không chấp thuận với lý do có sự trùng lặp đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. “4. Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng hưởng chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị định này với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện có mức hỗ trợ cao hơn thì được hưởng theo mức hỗ trợ cao hơn quy định tại văn bản pháp luật khác.”</p>
	<p>Sở GDĐT Đồng Tháp đề xuất một số ý kiến sửa đổi Nghị định 81/2021 gửi Bộ GDĐT xem xét và kính nhờ Bộ GDĐT có văn bản trả lời về chính sách đối với học viên học tại Trường Nười dạy trẻ khuyết tật không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thì có được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021 không?</p>
6	<p>Sở GDĐT Gia Lai</p> <p>Kiến nghị đề xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm học 2023-2024 tiếp tục giữ nguyên bằng mức thu học phí năm học 2022-2023. - Cần bổ sung, điều chỉnh Mức sản học phí đối với Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể như sau: (Phụ lục 1.2) <p>Vì hiện nay cha mẹ học sinh vùng dân tộc thiểu số gặp rất nhiều khó khăn trong việc đóng học phí cho các em, đa số phụ huynh học sinh thu nhập chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp và lao động tự do công việc không ổn định.</p>
7	<p>Sở GDĐT Hải Phòng</p> <p>Một số vướng mắc đối với các khoản thu dịch vụ tại thành phố Hải Phòng: Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định: mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tối đa bằng mức trần học phí hàng năm do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, ban hành.</p> <p>Năm 2022, Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố. Theo đó, các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tối đa không vượt quá mức trần học phí được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.</p> <p>Hiện nay, một số các khoản thu dịch vụ tại một số cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố như: học IELTS, học STEM; học chứng chỉ tin học MOS đều vượt quá mức trần được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021. Do đó, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, đề xuất Chính phủ sửa đổi nội dung quy định về các khoản thu hỗ trợ dịch vụ giáo dục không được vượt quá mức trần theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 28 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.</p>
8	<p>Sở GDĐT Kon Tum</p> <p>Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tham mưu Chính phủ bổ sung chính sách hỗ trợ phù hợp cho đối tượng nhà trẻ dưới 03 tuổi trong các cơ sở giáo dục mầm non ở vùng đặc biệt khó khăn, đặc biệt là đối tượng vùng đồng bào dân tộc thiểu số để tạo điều kiện cho các em tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục công lập.</p>

STT

Ý kiến góp ý của các đơn vị

Đề nghị điều chỉnh, bổ sung thảo gỡ những bất cập trong thủ tục gửi hồ sơ rút dự toán KBNN đối với kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí: Tại Điều b, Khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “b) Cơ sở giáo dục công lập gửi Khoa bạc Nhà nước nơi giao dịch hồ sơ rút dự toán bao gồm: (i) Quyết định giao dự toán của cơ quan có thẩm quyền giao đối với kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí; (ii) Quyết định phê duyệt danh sách được hưởng chế độ miễn, giảm học phí của cơ sở giáo dục công lập kèm danh sách, tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (gồm các nội dung: Họ tên, đối tượng, tổng số học sinh thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường, mức thu học phí của nhà trường, mức học phí miễn, giảm và kinh phí đề nghị cấp bù) và toàn bộ hồ sơ xét duyệt các đối tượng được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; (iii) Giấy rút dự toán theo quy định để rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí. Khoa bạc Nhà nước căn cứ Hồ sơ rút dự toán thực hiện kiểm soát và chuyển tiền vào tài khoản thu học phí của cơ sở giáo dục đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và không vượt quá dự toán do cơ sở giáo dục đề nghị rút”.

Vì vậy, khi thực hiện rút dự toán tại KBNN tỉnh Kon Tum, từng lần thanh toán (theo học kỳ hoặc theo năm học) đơn vị phải gửi hồ sơ kiểm soát chi theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP 2 gồm toàn bộ hồ sơ xét duyệt của học sinh, sinh viên. KBNN nơi giao dịch căn cứ vào hồ sơ của đơn vị thực hiện kiểm soát chi và chuyển tiền vào tài khoản thu học phí của cơ sở giáo dục. Nếu theo quy định trên thì đối với mỗi kỳ học (tương đương với 1 lần gửi hồ sơ rút dự toán kinh phí cấp bù) nhà trường phải yêu cầu học sinh, sinh viên cung cấp hồ sơ xét duyệt chế độ để làm căn cứ rút dự toán tại KBNN. Tuy nhiên, tại Điều d, Khoản 1, Điều 19 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn: “Người học thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo”. Bên cạnh đó, chi tiết thủ tục hành chính mã số: 1.005144, Quyết định số 3385/QĐ-BGDĐT quy định về thành phần hồ sơ gửi đề xuất xét chế độ gồm: đơn đề nghị xét miễn, giảm (01 bản chính) và các bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ số gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí (01 bản sao).

Do vậy, đề thống nhất trong thủ tục thanh toán với KBNN và tránh trường hợp yêu cầu học sinh, sinh viên phải gửi hồ sơ xét duyệt nhiều lần. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh và có hướng dẫn cụ thể để các cơ sở giáo dục thực hiện cho đồng bộ và thống nhất.

9 Số GDDT Lai Châu

Như vậy, Nghị quyết số 19-NQ/TW cũng như quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 đã khẳng định học phí sẽ thực hiện theo cơ chế giá (giá dịch vụ giáo dục) và phải thực hiện lộ trình tinh dần chi phí dịch vụ giáo dục. Trong khi đó nguồn thu duy nhất trong các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh là thu học phí nhằm chia sẻ giữa Nhà nước và nhân dân tỉnh Lai Châu chi có thể ban hành mức thu học phí với mức tối thiểu theo quy định của Chính phủ. Mặt khác, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập yêu cầu hàng năm đơn vị sự nghiệp công lập nâng mức độ tự chủ để đảm bảo tinh dần chi phí dịch vụ (giáo dục).

Do đó, việc quy định thu học phí tinh dần chi phí dịch vụ giáo dục thực hiện lộ trình tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị quyết số 19-NQ/TW cũng như quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 là nhiệm vụ khó thực hiện đối với tỉnh Lai Châu. Do tỷ lệ học sinh dân tộc chiếm trên 80% nhiệm vụ xóa mù chữ, việc thực hiện phổ cập giáo dục, vận động học sinh ra lớp nâng cao tỷ lệ chuyển cần bảo đảm an ninh chính trị là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét đề xuất với Chính phủ lộ trình không thu học phí đối với tỉnh vùng cao biên giới như tỉnh Lai Châu, góp phần hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục, bảo đảm ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi còn nhiều khó khăn như tỉnh Lai Châu.

Ý kiến góp ý của các đơn vị

STT	
10	<p>Sở GDĐT Long An</p> <p>Sửa đổi Điều 19. Bổ "sổ hộ khẩu tương tự" sửa thành thực hiện đủ điều dân cư nơi cư trú. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo chưa phù hợp. Lý do: Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 có hiệu lực từ ngày 15/10/2021, đã thay thế Nghị 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ đã hết hiệu lực.</p>
11	<p>Sở GDĐT Nam Định</p> <p>- Học phí nguồn sự nghiệp chủ yếu và là nguồn thu thực hiện trích lập tối thiểu 40% để tạo nguồn cải cách tiền lương trong các cơ sở giáo dục công lập. Vì vậy, để các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các cơ sở giáo dục chủ động, kịp thời cho công tác xây dựng kế hoạch ngân sách, kế hoạch thu, chi nguồn thu sự nghiệp và thực hiện chính sách miễn giảm học phí với người học hàng năm. Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định trân trọng đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị quyết về học phí kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong năm học và có thời gian hiệu lực ổn định, phù hợp với thời kỳ ổn định giao dự toán NSNN hàng năm cho các cơ sở giáo dục (5 năm).</p>
12	<p>Sở GDĐT Nghệ An</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung vào Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ</p> <p>2.1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 8, khoản 15 Điều 15 và mục c khoản 1 Điều 16 như sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 5 Điều 15 "5. Trẻ em mầm non 05 tuổi có nơi thường trú ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền". - Tại khoản 8 Điều 15 "8. Học sinh trung học cơ sở có nơi thường trú ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền được miễn học phí từ năm học 2022-2023 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2022)".

Ý kiến góp ý của các đơn vị

STT	
2.2.	<p>Bổ sung tại khoản 1 Điều 8</p> <p>Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập, học viên các trung tâm giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có nơi thường trú ngoại tỉnh theo cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ đến tạm trú tại địa phương (để sinh sống, làm việc) thì áp dụng mức thu học phí từng cấp học tương đương với mức học phí theo quy định ở nơi tạm trú.</p> <p>Lý do đề xuất bổ sung nội dung này:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên thực tế không có cơ sở để để xuất mức thu bao đảm hợp lý, công bằng. - Dùng quy định theo nguyên tắc chia sẻ giữa nhà nước và người học, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của vùng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp của người dân và tốc độ tăng chi số giá tiêu dùng, tốc độ tăng tương đương hàng năm đối với người dân ngoại tỉnh đến tạm trú trên địa bàn. - Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập, học viên các trung tâm giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ có nơi thường trú ở vùng nông thôn hoặc miền núi các tỉnh khác thường đến tạm trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội thuận lợi như thành phố, thị xã, thị trấn và thụ hưởng chất lượng giáo dục ở vùng thành thị, vì vậy đề xuất áp dụng mức thu học phí tương đương từng cấp học theo vùng địa bàn người dân đăng ký tạm trú để đảm bảo tương xứng trong thụ hưởng chất lượng giáo dục và khả năng đóng góp của người dân.
13	<p>Sở GDĐT Ninh Bình</p> <p>3. Về góp ý dự thảo Tờ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và dự thảo Nghị định của Chính phủ: Khoản 1, Điều 1 của dự thảo Nghị quyết và à điểm 2.1, Khoản 2, Mục IV của dự thảo Tờ trình quy định "Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội 2 của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng tương đương kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nh trung không vượt mức trần quy định". Đề nghị:</p> <p>- Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định rõ khung học phí từ năm học 2023-2024 do cấp có thẩm quyền nào quy định; - Về nội dung điều chỉnh khung học phí từ năm học 2023-2024 trở đi cần cứ vào 4 yếu tố (điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng tương đương kinh tế hàng năm, khả năng chi trả của người dân), nhưng trong thực tế việc xác định một tỷ lệ % phù hợp trên cơ sở kết hợp cả 4 yếu tố trên chủ yếu dựa vào quan điểm tiếp cận, do vậy rất khó khăn cho các địa phương trong việc xác định, thẩm định, phê duyệt, đề nghị dự thảo Nghị định quy định rõ cách xác định nội dung này.</p> <p>4. Kiến nghị - Việc điều chỉnh mức học phí từ năm học 2024-2025 trở đi đ được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo (như nội dung quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP).</p>
14	<p>Sở GDĐT Phú Yên</p> <p>Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét sửa đổi, điều chỉnh khoản 4 Điều 18 từ "3. Trẻ em học mẫu giáo v à học sinh phổ thông học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ" thành "3. Trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông; học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ".</p>
15	<p>Sở GDĐT Quảng Ngãi</p>

STT

Ý kiến góp ý của các đơn vị

2. Đề nghị bổ sung cụm từ "hoặc bản thân thuộc diện hộ nghèo/hộ cận nghèo theo quy định" vào khoản 4 Điều 15, khoản 2 Điều 16, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 81 của Chính phủ, cụ thể:

Khoản 4 Điều 15: "4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trong trường hợp ở với ông bà) hoặc bản thân thuộc diện hộ nghèo theo quy định".

Khoản 2 Điều 16: "b) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trong trường hợp ở với ông, bà) hoặc bản thân thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định".

Khoản 3 Điều 18: "3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha mẹ hoặc bản thân thuộc diện hộ nghèo theo quy định".

Lý do đề nghị điều chỉnh: Tạo điều kiện để các em mà bản thân học sinh thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo (trường hợp ở một mình thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo hoặc ở cùng anh, chị, cô, dì, chú, bác thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo) trang trải chi phí trong học tập. Do vậy đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét bổ sung đối tượng.

3. Đề nghị bổ sung gạch đầu dòng thứ 9 điểm b, khoản 1 Điều 19 Nghị định số 81 của Chính phủ, cụ thể:

"- Sở hướng trợ cấp hàng tháng hoặc Quyết định trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định này;"

Lý do đề nghị điều chỉnh: Hiện nay bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi không cấp số mà chỉ cấp Quyết định trợ cấp hàng tháng.

4. Đề nghị điều chỉnh nội dung (ii) điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 81 của Chính phủ, cụ thể:

Bỏ nội dung: "và toàn bộ hồ sơ xét duyệt các đối tượng được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập". Sửa lại thành: "b) Cơ sở giáo dục công lập gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hồ sơ rút toán bao gồm: (i) Quyết định giao dự toán của cơ quan có thẩm quyền giao đối với kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí; (ii) Quyết định phê duyệt danh sách được hưởng chế độ miễn, giảm học phí của cơ sở giáo dục công lập kèm danh sách, tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (gồm các nội dung: Họ tên, đối tượng, tổng số học sinh thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường, mức thu học phí của nhà trường, mức học phí miễn, giảm và kinh phí đề nghị cấp bù); (iii) Giấy rút dự toán theo quy định để rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí".

Lý do đề nghị điều chỉnh: Toàn bộ hồ sơ xét duyệt các đối tượng được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập có số lượng lớn, đặc biệt các đơn vị ở huyện miền núi, hải đảo; đồng thời theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP thì đối tượng thụ hưởng chính sách chi nộp một bộ hồ sơ cho cơ sở giáo dục và được sử dụng làm chứng từ thanh quyết toán tại đơn vị theo quy định. Vì vậy việc cơ sở giáo dục công lập gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hồ sơ rút toán bao gồm "toàn bộ hồ sơ xét duyệt các đối tượng được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập" là chưa phù hợp với thực tiễn.

STT

Ý kiến góp ý của các đơn vị

5. Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 8 Điều 15 và điểm c khoản 1 Điều 16 như sau: Học sinh ở vùng thôn/bán đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền học ở trường thuộc xã khu vực I, II, III.
Lý do: Thành trường hợp học sinh ở vùng thôn/bán đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo học vùng thuận lợi nhưng vẫn được cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81 của Chính phủ.

16 Số GDDT Sóc Trăng

Đề xuất nghiên cứu sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, như sau:

- Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 19 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giả dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: Thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự thực có trách nhiệm xác nhận hồ sơ miễn, giảm học phí đối với người học; đồng thời lập danh sách người học được miễn, giảm học phí theo mẫu gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người học đang ký thường trú để thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, quy định: "Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chỉ trả, quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí trực tiếp cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh; sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học trên địa bàn" gây khó khăn, nhầm lẫn trong quá trình thực hiện.

Do vậy, kiến nghị sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, như sau: "Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chỉ trả, quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí trực tiếp cho học sinh, sinh viên hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ của học sinh; sinh viên đang ký thường trú trên địa bàn đang theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo quy định".

17 Số GDDT Sơn La

2. Bổ sung nội dung quy định đối tượng miễn, giảm học phí đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông đang học trình độ trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông qua việc liên kết đào tạo giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với trường giáo dục thường xuyên, vì hiện nay Nghị định số 81/2021/NĐ-CP chưa quy định rõ đối tượng này.

18 Số GDDT Tây Ninh

3. Sau đại dịch Covid có nhiều gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vì vậy đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu bổ sung các chính sách miễn giảm học phí ở Chương IV, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, tạo hành lang pháp lý để địa phương ban hành chính sách đặc thù của tỉnh về hỗ trợ các đối tượng (Cha mẹ chết do covid phải ở ông bà, cha hoặc mẹ mắc bệnh nan y; cha mẹ ly hôn ở với người thân, ông bà già yếu neo đơn...).

TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số 977/TT-BGDĐT ngày 06/6/2023 của Bộ GDĐT)

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Giải trình của Bộ GDĐT	
		Tiếp thu	Ý kiến giải trình
1	Ủy ban Dân tộc Ủy ban Dân tộc cơ bản nhất trí với đề xuất dự thảo và tham gia ý kiến cụ thể như sau: Tại điểm b khoản 2 Điều 1 sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 5 đề nghị sửa từ "sứ mạng" trong điểm "c) Đề án liên kết thành đại học, trong đó nêu rõ sự cần thiết, những thay đổi về mục tiêu, sứ mạng của các trường tham gia liên kết..." thành cụm từ "nhiệm vụ, vai trò" để phù hợp với ngôn ngữ sử dụng trong văn bản quy phạm pháp luật.	X	
2	Bộ Tư pháp Việc ban hành Nghị định là rất cần thiết và cấp bách nhằm kịp thời giải quyết một phần khó khăn cho các cơ sở giáo dục về nguồn lực tài chính để đầu tư cơ sở vật chất trong điều kiện ngân sách chi thường xuyên bị cắt giảm hàng năm, nguồn đầu tư khác lại rất hạn chế, qua đó tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục có thể bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục.	X	
	Căn cứ quy định tại điều 146 và khoản 3 điều 147 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép áp dụng quy định tại khoản 1 điều 146 về "Tuởng hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn" để xây dựng, ban hành Nghị định này theo trình tự, thủ tục rút gọn.	X	
	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không quy định bắt buộc phải lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, tuy nhiên, do Nghị định này có thể tác động lớn đến nhiều cơ quan, tổ chức và người dân, nên Bộ Tư pháp đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị định lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định này.	X	Bộ GDĐT đã có văn bản gửi xin ý kiến các bộ, ngành; UBND các tỉnh/thành phố và các cơ sở GDĐT công lập về dự thảo Nghị định
3	Bộ Tài chính		

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Giải trình của Bộ GDĐT	
		Tiếp thu	Ý kiến giải trình
	Cần phân tích làm rõ về tác động của việc thay đổi chính sách đối với các nhóm đối tượng chính sách, khó khăn, yếu thế, chính sách hỗ trợ đối với nhóm đối tượng này để đảm bảo tiếp cận giáo dục được công bằng; việc tăng/giảm chi NSNN (theo phân cấp ngân sách trung ương/ngân sách địa phương) khi điều chỉnh lộ trình học phí đối với từng cấp học; bổ sung số liệu cụ thể về tác động của việc điều chỉnh giá dịch vụ giáo dục đến CPI từng năm, từ năm 2023 đến hết thời điểm hoàn thành lộ trình tính đủ chi phí trong giá dịch vụ để chi động trong thực hiện nhiệm vụ kiểm soát lạm phát theo chỉ tiêu của Quốc hội giao từng năm.	x	Bộ GDĐT đã bổ sung đánh giá tác động đến NSNN, đến người học và cơ sở giáo dục, tác động đến chỉ số CPI năm 2023 tại Tờ trình Chính phủ
	Theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW, đối với học phí giáo dục đại học công lập, đề nghị Bộ GD&ĐT nghiên cứu theo hướng tính đúng, tính đủ để thúc đẩy việc thực hiện tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục đại học công lập, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học theo đúng ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 176/TB-VPCP nêu trên. Đồng thời, xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ người học phù hợp (học bổng, miễn, giảm học phí, tín dụng ưu đãi cho sinh viên...) để không làm giảm cơ hội vào đại học, nhất là đại học chất lượng cao đối với các đối tượng chính sách, học sinh nghèo học giỏi, người yếu thế.	x	Lộ trình học phí GDĐH công lập dự kiến tính đủ chi phí đào tạo vào năm học 2026-2027. Bộ GDĐT đã báo cáo các chính sách hỗ trợ người học theo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 176/TB-VPCP tại Phụ lục kèm Tờ trình Chính phủ.

PHỤ LỤC 04

TỜNG HỢP Ý KIẾN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC
(Kèm theo Tờ trình số **047** /TTT-BGDĐT ngày 06/6/2023 của Bộ GDĐT)

STT	Đại học Cần Thơ	Giải trình của Bộ GDĐT	
		Tiếp thu	Ý kiến giải trình
1	<p>Góp ý khoản 3 điều 3:</p> <p>Đối với cơ sở giáo dục đại học đã đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đã kiểm định đạt trên 30% chương trình đào tạo thì được công nhận đạt kiểm định tất cả chương trình đào tạo.</p> <p>Chu kỳ kiểm định chương trình đào tạo bằng 2 lần thời gian thiết kế của chương trình đào tạo.</p>		<p>Bộ GDĐT ghi nhận ý kiến góp ý và sẽ tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh trong thời gian tới</p>
	<p>Góp ý khoản 3 điều 32:</p> <p>"3. Đối với cơ sở giáo dục đại học đang thực hiện chương trình chất lượng cao theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ nếu đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hoặc đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tương đương được tự xác định học phí của chương trình đó trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ sở giáo dục ban hành, thực hiện công khai giải trình với người học và xã hội.</p> <p>Tương hợp không đạt kiểm định chất lượng chương trình theo quy định trên thì được áp dụng mức thu học phí theo Đề án chương trình chất lượng cao đã được phê duyệt trong thời gian tới đa 06 năm tính từ năm học 2021 - 2022 để thực hiện công tác kiểm định chất lượng. Nếu sau thời gian 06 năm vẫn không đạt yêu cầu kiểm định chất lượng thì áp dụng mức trần học phí tương ứng với từng nhóm ngành và mức độ tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định này."</p>		<p>Bộ GDĐT ghi nhận ý kiến góp ý và sẽ tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh trong thời gian tới</p>
2	<p>Lý do: Nghị định 81/2021/NĐ-CP ban hành ngày 27/8/2021, tức là bắt đầu áp dụng từ năm học 2021-2022, như vậy những khoá tuyển sinh trong năm học này cần 06 năm bắt đầu từ năm học 2021-2022 mới đủ điều kiện để kiểm định chương trình tạo theo Khoản 4 Điều 12 Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT.</p>		<p>Bộ GDĐT ghi nhận ý kiến góp ý và sẽ tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh trong thời gian tới</p>
	ĐH Đà Lạt		

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Giải trình của Bộ GDĐT	
		Tiếp thu	Ý kiến giải trình
	<p>Trường Đại học Đà Lạt đồng ý các nội dung của bản dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ và dự thảo Tờ trình Chính phủ Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 như theo kiến nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Chính phủ.</p> <p>Trường xin kiến nghị Chính phủ nhanh chóng ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP để các cơ sở giáo dục và đào tạo kịp thời chuẩn bị cho năm học 2023-2024.</p>	x	
3	<p>Đại học Hàng Hải Việt Nam</p> <p>1. Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: Đề nghị sửa Điều a Khoản 4 Điều 1: "Đơn vị: <i>ngành/đồng/học sinh/tháng</i>" sửa thành "Đơn vị: <i>ngành/đồng/sinh viên/tháng</i>"</p> <p>2. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ: Đề nghị sửa Điều b Khoản 2.1 Phần IV: "Đơn vị: <i>ngành/đồng/học sinh/tháng</i>" sửa thành "Đơn vị: <i>ngành/đồng/sinh viên/tháng</i>"</p>	x	
4	<p>Đại học Nông Lâm TP.HCM</p> <p>Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM đã nghiên cứu và thống nhất với nội dung bản Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.</p>	x	
5	<p>ĐHSP Hà Nội</p> <p>Nhà trường hoàn toàn nhất trí với nội dung sửa đổi Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 hoặc bằng các thể thức pháp quy khác (tùy thể thức nào hợp lý hơn trong bối cảnh hiện nay) nhằm áp dụng lộ trình tăng học phí theo Nghị định 81 từ năm học 2023-2024 vì một số lý do sau:</p> <p>+ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 đã được nghiên cứu xây dựng rất khoa học, nhằm đưa chủ trương của Đảng và Chính phủ vào cuộc sống, với một lộ trình tăng giá dịch vụ phù hợp đảm bảo giá dịch vụ gắn liền với việc nâng cao và đảm bảo chất lượng giáo dục, thúc đẩy xã hội hóa giáo dục. Không tăng học phí đồng nghĩa với việc chúng ta không thể đạt được sự đầu tư như kỳ vọng nhằm tăng chất lượng đào tạo. Mà điều này thì sau vài năm sẽ nhìn thấy kết quả trên diện rộng trong toàn xã hội.</p> <p>+ Việc hoàn áp dụng mức học phí mới trong các năm qua đã thể hiện trách nhiệm và sự chia sẻ của các Cơ sở giáo dục đại học với xã hội.</p>	x	

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Giải trình của Bộ GDĐT	
		Tiếp thu	Ý kiến giải trình
	+ Sau một thời gian trì hoãn việc áp dụng, không tăng học phí trong 3 năm học liên tiếp vì yếu tố dịch bệnh khác quan, các trường đại học gặp nhiều khó khăn trong việc đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo và không thực hiện được một số nội dung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường do nguồn thu bị ảnh hưởng, không thực hiện được kế hoạch dự kiến. + Áp lực về nguồn tài chính đối với các trường đại học trong điều kiện NSNN cắt giảm theo tỷ lệ hàng năm, và cần thu xếp nguồn tăng lương cơ sở 20,8% từ ngày 01/7/2023. Năm học 2023-2024 là thời điểm phù hợp để bắt đầu áp dụng lộ trình tăng học phí do thời điểm khó khăn đã đi qua, các trường đại học sau một thời gian đóng mình để chia sẻ với xã hội thì cũng đã đến lúc dần cạn nguồn kinh phí dự trữ và áp lực về việc tăng lương, tăng đầu tư để nâng cao chất lượng giảng dạy, nâng cao cơ sở vật chất đã hiện hữu rõ ràng.		
6	DHSP Hà Nội 2		
	Nhà trường đồng ý với dự thảo và không có ý kiến gì thêm	x	
7	DHSP KT Hưng Yên		
	Sau khi nghiên cứu kỹ nội dung bản dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên nhất trí cao với các nội dung trên. Kinh đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm trình Chính phủ ban hành để Nhà trường triển khai trong đề án tuyển sinh năm học 2023-2024.	x	
8	Đại học Xây dựng Hà Nội		
	Trường hoàn toàn nhất trí với hồ sơ dự thảo đã nêu của Bộ trình Chính phủ.	x	
9	Đại học SP nghệ thuật TW		
	Trường DHSP Nghệ thuật TW là cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thực hiện theo khung học phí từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026, lộ trình điều chỉnh không quá 12,5%/năm từ năm học 2026-2027. Tuy nhiên, thời gian qua, việc thực hiện Nghị định 81 còn rất khó khăn. Đặc biệt, từ năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên tác động toàn diện đến nền kinh tế nước ta. Để chia sẻ khó khăn với phụ huynh, học viên, sinh viên thi Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 165 ngày 20/12/2022 về giữ nguyên mức học phí các cơ sở giáo dục công lập qua ba năm học 2020-2021, 2021-2022 và 2022-2023. Trường DHSP Nghệ thuật TW đã thực hiện điều chỉnh mức thu học phí kịp thời theo Nghị quyết 165 để đảm bảo cho học viên, sinh viên yên tâm học tập.		

STT	Ý kiến góp ý của các đơn vị	Giải trình của Bộ GDĐT	
		Tiếp thu	Ý kiến giải trình
	Tuy nhiên, việc giữ ổn định học phí đã gây khó khăn cho Nhà trường trong cân đối nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục, đầu tư cơ sở vật chất trong điều kiện kinh tế còn hạn chế, ngân sách chi thường xuyên bị cắt giảm hàng năm. Hiện tại, nguồn thu học phí chiếm tỉ trọng trên 80% tổng nguồn thu của trường. Vì thế, việc áp dụng ngay mức thu học phí theo lộ trình quy định tại Nghị định 81/2021 của Chính phủ là cần thiết để bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên, nâng chất lượng giáo dục.		
	Vì vậy, Trường DHSP Nghệ thuật TW thống nhất với đề xuất của Bộ GDĐT	X	
10	DH Thái Nguyên		
	Tại khoản 4 điều 1 dự thảo Nghị định đề nghị giữ nguyên mức học phí các năm theo nghị định số 81/2021/NĐ-CP đối với các khối ngành Y được và khối ngành sức khỏe khác. Do đây là các khối ngành có chi phí mua hàng hóa phục vụ thực hành chiếm tỷ trọng lớn, giá cả các hàng hóa đã biến động lớn qua các năm. Ngoài ra các khối ngành này phải trả cả chi phí cho cơ sở thực hành ngày càng cao.	X	

BÁO CÁO VỀ VẤN ĐỀ HỌC PHÍ; CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Kèm Tờ trình số *977* /TTr-BGDĐT ngày *06/6/2023* của Bộ GDĐT

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Thông báo số 176/TB-VPCP ngày 15/5/2023 kết luận cuộc họp về vấn đề học phí và sách giáo khoa cho năm học mới, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) báo cáo các nội dung về vấn đề học phí như sau:

I. Giáo dục mầm non (GDMN), giáo dục phổ thông (GDPT)

1. Quy định về học phí GDMN, GDPT

Theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 (Nghị quyết số 19-NQ/TW) yêu cầu: “đến năm 2021 hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp”. Tại khoản 1 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 đã giao Chính phủ quy định mức học phí được xác định theo lộ trình bảo đảm chi phí dịch vụ giáo dục, đào tạo.

Như vậy, Nghị quyết số 19-NQ/TW cũng như quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 đã khẳng định học phí sẽ thực hiện theo cơ chế giá (giá dịch vụ giáo dục) và phải thực hiện lộ trình tính đủ chi phí dịch vụ giáo dục.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo để áp dụng từ năm học 2021-2022 (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).

Để chia sẻ khó khăn với học sinh, phụ huynh do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, tại Nghị định số 81/2021/NĐ quy định mức học phí năm học 2021-2022 giữ ổn định bằng mức học phí năm học 2020-2021, từ năm học 2022-2023, học phí của cơ sở cơ sở GDMN, GDPT công lập như sau:

- Cấp Tiểu học: Học sinh không phải đóng học phí. Khung học phí quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP là căn cứ để địa phương quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tu học ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tu học thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

- Cấp mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông: Thực hiện theo khung học phí (mức trần-mức sàn) theo lộ trình điều chỉnh không quá 7,5%/năm từ năm học 2022-2023 để bù đắp tốc độ tăng của chỉ số giá tiêu dùng và dự kiến cơ bản tính đủ chi phí vào năm 2030.

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2022 - 2023			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 650	Từ 300 đến 650
Nông thôn	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 270	Từ 200 đến 330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 170	Từ 100 đến 220

Lộ trình học phí quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP cơ bản đã phù hợp với quan điểm chỉ đạo về lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW và Luật Giáo dục 2019.

2. Các chính sách về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

2.1. Chính sách tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

- Về chính sách miễn, giảm học phí: Nghị định 81/2021/NĐ-CP đã quy định các chính sách miễn, giảm học phí, cụ thể: (1) miễn học phí đối với trẻ em, học sinh khuyết tật; trẻ em, học sinh phổ thông thuộc hộ nghèo; trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; (2) giảm 70% học phí đối với trẻ em, học sinh phổ thông là người dân tộc thiểu số ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; (3) giảm 50% học phí đối với trẻ em, học sinh phổ thông thuộc hộ cận nghèo.

- Ngoài ra, Nghị định 81/2021/NĐ-CP đã quy định lộ trình miễn học phí cho trẻ em mầm non 5 tuổi đến học sinh cấp trung học cơ sở, cụ thể: (1) miễn học phí từ năm học 2022-2023 đối với học sinh trung học cơ sở ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; (2) miễn học phí từ năm học 2024-2025 đối với trẻ em mầm non 05 tuổi; (3) miễn học phí từ năm học 2025-2026 đối với học sinh trung học cơ sở.

Như vậy từ năm học 2024-2025 sẽ miễn học phí toàn bộ đối với trẻ em 05 tuổi. Từ năm học 2025-2026 miễn học phí toàn bộ đối với học sinh THCS.

- Về chính sách hỗ trợ chi phí học tập: Nghị định 81/2021/NĐ-CP đã quy định các chính sách hỗ trợ chi phí học tập gồm: trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông nếu có một trong các điều kiện sau thì được hưởng hỗ trợ chi phí học tập ở mức 150.000 đồng/học sinh/tháng để mua sắm sách vở, đồ dùng học tập: (1) mồ côi cả cha lẫn mẹ; (2) khuyết tật; (3) thuộc hộ nghèo; (4) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực

III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Chính sách cho trẻ em và giáo viên mầm non theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non, gồm:

(1). Chính sách 1: Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo

a) Đối tượng hưởng chính sách

Trẻ em độ tuổi mẫu giáo (không bao gồm trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người) đang học tại lớp mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm một trong những điều kiện sau:

- Có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Trẻ em là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh; con một số đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có).

- Trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

b) Nội dung chính sách: Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ tiền ăn trưa là 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

(2). Chính sách 2. Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp

a) Đối tượng hưởng chính sách: Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

b) Nội dung chính sách: Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ tối thiểu 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

(3). Chính sách đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số

a) Đối tượng hưởng chính sách: Giáo viên mầm non dạy tại điểm lẻ của cơ sở giáo dục mầm non công lập ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ bảo đảm một trong những điều kiện sau:

- Trực tiếp dạy 02 buổi/ngày tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ghép từ hai độ tuổi trở lên.

- Trực tiếp dạy tăng cường tiếng Việt tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có trẻ em là người dân tộc thiểu số.

b) Nội dung chính sách: Giáo viên mầm non thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này hàng tháng được hỗ trợ thêm một khoản bằng tiền là 450.000 đồng/tháng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng một tháng). Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

3. Các cơ chế hỗ trợ đối với các đối tượng chính sách, người nghèo, yếu thế, địa bàn khó khăn

3.1. Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn

a) Đối tượng hỗ trợ: Học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Đối với HS: Hỗ trợ tiền ăn; Hỗ trợ tiền nhà ở; Hỗ trợ gạo.

- Đối với cơ sở giáo dục: Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị...; Chi cho mua sắm bổ sung, sửa chữa dụng cụ thể dục, thể thao...; Chi mua sổ khám sức khỏe, sổ bảo kiểm y tế...; Chi hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh.

3.2. Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên thuộc 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người.

- Các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh: Trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người được ưu tiên vào học tại các cơ sở giáo dục phù hợp theo nguyện vọng

- Chính sách hỗ trợ học tập: tùy từng đối tượng cụ thể quy định hỗ trợ học tập bằng 30% đến 100% mức lương cơ sở/trẻ, HS, SV/tháng.

3.3. Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc

a) Đối tượng hỗ trợ:

Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Học phí: HS được miễn học phí.

- Học bổng chính sách: HS được hưởng 80% mức lương tối thiểu của Nhà nước và được hưởng 12 tháng trong năm.

- Khen thưởng: theo các mức cụ thể.

- Hỗ trợ trang cấp đồ dùng cá nhân: Học sinh khi nhập trường được Nhà trường trang cấp bằng hiện vật 1 lần một số đồ dùng cá nhân.

- Hỗ trợ học phẩm: Hàng năm học sinh được cấp bằng hiện vật học phẩm theo tiêu chuẩn từng bậc học.

- Hỗ trợ tiền tàu xe.

II. Giáo dục đại học (GDĐH)

1. Quy định về học phí GDĐH

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định mức học phí năm học 2021-2022 giữ ổn định bằng mức học phí năm học 2020-2021. Từ năm học 2022-2023, học phí của cơ sở GDĐH công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên áp dụng mức trần học phí từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026 và dự kiến tính đủ chi phí vào năm học 2025- 2026. Cụ thể như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

Khối ngành	Năm học 2022 -2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.250	1.410	1.590	1.790
Khối ngành II: Nghệ thuật	1.200	1.350	1.520	1.710
Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.250	1.410	1.590	1.790
Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	1.350	1.520	1.710	1.930
Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây	1.450	1.640	1.850	2.090

Khối ngành	Năm học 2022 -2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
dụng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y				
Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	1.850	2.090	2.360	2.660
Khối ngành VI.2: Y dược	2.450	2.760	3.110	3.500
Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	1.200	1.500	1.690	1.910

(iii) Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa tự đảm bảo chi thường xuyên áp dụng mức trần học phí theo lộ trình từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 trên cơ sở các yếu tố chi phí (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản).

(iv) Đối với các cơ sở giáo dục công lập được phê duyệt chuyển đổi sang loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thì sẽ được áp dụng mức trần học phí cao hơn đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên để bù đắp chi phí chi thường xuyên, chi thường xuyên và chi đầu tư.

Lộ trình học phí quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP cơ bản đã phù hợp với quan điểm chỉ đạo về lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW và Luật Giáo dục 2019. Mức thu học phí được điều chỉnh tăng theo lộ trình hằng năm góp phần hỗ trợ các cơ sở giáo dục công lập có nguồn thu bù đắp chi phí, chủ động trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời khuyến khích các cơ sở giáo dục công lập đẩy nhanh lộ trình tự chủ chi thường xuyên trong bối cảnh ngân sách chi thường xuyên hằng năm bị cắt giảm bình quân 10%/năm.

2. Các chính sách hỗ trợ: học bổng, miễn, giảm học phí và cơ chế tín dụng cho sinh viên đại học

Hiện nay, các chính sách hỗ trợ cho sinh viên đại học về học bổng, miễn, giảm học phí, chính sách tín dụng cho sinh viên đại học tương đối đầy đủ, cụ thể:

2.1 Học bổng khuyến khích học tập

Thực hiện theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục. Đối tượng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập: Học sinh khối trung học phổ thông chuyên trong cơ sở giáo dục đại học, học sinh trường chuyên có hạnh kiểm tốt, học lực giỏi trong kỳ xét, cấp học bổng có điểm môn chuyên của học kỳ xét cấp từ 8,5 trở lên hoặc đạt một trong các giải từ khuyến khích trở lên trong kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia, khu vực

hoặc quốc tế của năm đó; Học sinh các trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao có hạnh kiểm từ loại khá trở lên, học lực đạt từ trung bình trong kỳ xét, cấp học bổng và đạt giải hoặc huy chương trong cuộc thi cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế của năm học đó; Học sinh, sinh viên đang học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong kỳ xét cấp học bổng.

Hiệu trưởng căn cứ vào nguồn học bổng khuyến khích học tập xác định số lượng suất học bổng cho từng khóa học, ngành học. Trong trường hợp số lượng học sinh, sinh viên thuộc diện được xét, cấp học bổng nhiều hơn số suất học bổng thì việc xét, cấp học bổng do hiệu trưởng quyết định;

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, sinh viên thực hiện xét, cấp học bổng theo thứ tự từ loại xuất sắc trở xuống đến hết số suất học bổng đã được xác định;

Học bổng được cấp theo từng học kỳ và cấp 10 tháng trong năm học. Đối với học sinh, sinh viên đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ thì được xét, cấp học bổng theo số lượng mô đun hoặc tín chỉ, trong đó 15 mô đun hoặc tín chỉ được tính tương đương với một học kỳ.

Học sinh, sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, trợ cấp xã hội, chính sách ưu đãi thì vẫn được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập theo quy định tại Nghị định này.

2.2. Chính sách miễn học phí

Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

2.3. Chính sách giảm 70% học phí

a) Học sinh, sinh viên học các ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập, tu thực có đào tạo về văn hóa - nghệ thuật bao gồm: Nhạc công kịch hát dân tộc, nhạc công truyền thống Huế, đờn ca tài tử Nam Bộ, diễn viên sân khấu kịch hát, nghệ thuật biểu diễn dân ca, nghệ thuật ca trù, nghệ thuật bài chòi, biểu diễn nhạc cụ truyền thống.

b) Học sinh, sinh viên học các chuyên ngành nhã nhạc cung đình, chèo, tuồng, cải lương, múa, xiếc; một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp theo danh mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

2.4. Học bổng chính sách

Đối tượng: Sinh viên theo chế độ cử tuyển; học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú; học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật.

Mức hưởng: Đối với sinh viên theo chế độ cử tuyển; học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú; học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật: Mức học bổng bằng 80% mức lương cơ sở/tháng.

Đối với học viên là thương binh thuộc hộ nghèo học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật: Mức học bổng bằng 100% mức lương cơ sở/tháng.

2.5. Trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên

Thực hiện theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg; Quyết định số 239/1999/QĐ-TTg bổ sung sửa đổi khoản a Điều 1 của Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập được hưởng học bổng chính sách và trợ cấp xã hội theo quy định.

Đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội là học sinh, sinh viên đang học tại các trường đào tạo công lập, hệ chính quy, dài hạn - tập trung thuộc các diện sau đây: Người dân tộc ít người ở vùng cao, người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, người tàn tật theo quy định chung của Nhà nước và gặp khó khăn về kinh tế, học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập. Mức trợ cấp xã hội là 100.000 đồng/tháng và cấp 12 tháng trong năm.

2.6. Về tín dụng đối với học sinh, sinh viên

Thực hiện theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên. Đối tượng vay vốn gồm học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động. Học sinh, sinh viên là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng: Hộ nghèo theo chuẩn quy định của pháp luật, Hộ cận nghèo theo chuẩn quy định của pháp luật, Hộ có mức sống trung bình theo chuẩn quy định của pháp luật, Học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú. Mức vay vốn tối đa là 4.000.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên.

2.7. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số

Thực hiện theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là

người dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục đại học. Đối tượng được hỗ trợ là sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước, thi đỗ vào học đại học, cao đẳng hệ chính quy tại các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng. Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương tối thiểu chung và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên.

Đánh giá : Các chính sách tương đối đầy đủ, bao phủ các đối tượng. Mức hỗ trợ đã dần đáp ứng được nhu cầu của đối tượng chính sách như chính sách tín dụng sinh viên, học bổng khuyến khích học tập... Tuy nhiên còn một số chính sách quá cũ, mức hỗ trợ không phù hợp như: Chính sách trợ cấp xã hội đối với học sinh nghèo, cận nghèo người dân tộc Kinh hiện nay vẫn thực hiện theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ với mức hỗ trợ là 100.000 đồng/HSSV/tháng sau hơn 20 năm thực hiện vẫn chưa được sửa đổi trong khi mức lương tối thiểu đã thay đổi 5 lần (từ mức lương cơ sở 144.000đ); Chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ nhiều bất cập đối với việc xét tuyển đối tượng....

III. Về việc thực hiện chế độ chính sách, thu nhập cho đội ngũ giáo viên tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn:

1. Chính sách ưu đãi đối với CBQL, GV vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn

Nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn được hưởng các phụ cấp, trợ cấp chung đối với công chức, viên chức và người lao động, ngoài ra còn được hưởng các loại phụ cấp, trợ cấp quy định tại Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006, Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1.1. Theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ, nhà giáo công tác tại các trường chuyên biệt được hưởng các chính sách khác, gồm:

- Trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: Hỗ trợ tiền mua tài liệu để học tập và hỗ trợ 100% tiền học phí và tiền phụ cấp đi lại, nhà ở. Mỗi năm ít nhất 1 lần, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của năm học được Nhà nước cấp kinh phí, tạo điều kiện để đi tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn trong nước.

- Phụ cấp ưu đãi: Phụ cấp 50% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) áp dụng đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đang công tác tại trường phổ thông dân tộc bán trú. phụ cấp 70%

mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) áp dụng đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đang công tác tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Phụ cấp trách nhiệm: Hưởng hệ số phụ cấp trách nhiệm 0,3 so với mức lương tối thiểu.

1.2. Theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ, nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, ngoài việc được hưởng các chính sách chung về nhà giáo còn được hưởng thêm các chính sách khác như:

- Phụ cấp ưu đãi: Được hưởng phụ cấp ưu đãi mức 70% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

- Phụ cấp thu hút: Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (thuộc địa phương hoặc từ địa phương khác đến) được điều động đến công tác hoặc hiện đang công tác tại vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn được hưởng phụ cấp thu hút bằng 70% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có). Thời gian hưởng phụ cấp thu hút không quá 5 năm.

- Phụ cấp vận chuyển mua nước ngọt và sạch: Ủy ban nhân dân các tỉnh có vùng thiếu nước ngọt và sạch căn cứ vào tình hình cụ thể của các xã, hải đảo thiếu nước sạch và ngọt để quyết định thời gian và mức phụ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch cho phù hợp với từng địa phương.

- Phụ cấp lưu động: Phụ cấp lưu động hệ số 0,2 so với mức lương tối thiểu.

- Phụ cấp dạy bằng tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số: Phụ cấp 50% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

- Trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: Hỗ trợ tiền mua tài liệu để học tập và hỗ trợ 100% tiền học phí và tiền phụ cấp đi lại, nhà ở. Mỗi năm ít nhất 1 lần, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của năm học được Nhà nước cấp kinh phí, tạo điều kiện để đi tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn trong nước.

- Quy đổi thời gian công tác tại vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn để xét tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú.

1.3. Theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

- Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn: Mức 0,5, mức 0,7, mức 1,0 so với mức lương tối thiểu đối với giáo viên làm việc ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn từ đủ 5 năm, đủ 10 năm, đủ 15 năm trở lên.

- Trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn hoặc nghỉ hưu.

2. Chính sách ưu tiên trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ CBQL, GV ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn

- Công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ CBQL, GV ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn hiện nay được thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành¹. Việc tuyển dụng luôn bảo đảm công khai, minh bạch, chặt chẽ và phù hợp với tình hình thực tế theo các quy định hiện hành.

- Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ CBQL, GV người DTTS được thực hiện tại điểm b khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; người DTTS được ưu tiên cộng 20 điểm vào tổng số điểm thi tuyển hoặc xét tuyển. Tại khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; về thi ngoại ngữ được quy định: Trường hợp vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng DTTS, việc thi ngoại ngữ được thay thế bằng tiếng DTTS. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định hình thức và nội dung thi tiếng DTTS. Tại điểm g khoản 2 Điều 10 của Nghị định này cũng quy định việc xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức. Việc thực hiện chính sách ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức người DTTS đã tạo thêm cơ hội việc làm cho con em đồng bào người DTTS đồng thời góp phần trong việc đảm bảo tỷ lệ hợp lý, tương ứng giữa đội ngũ CBQLGD, GV làm việc tại các cơ sở giáo dục².

- Việc thực hiện chính sách ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức người DTTS, công chức, viên chức ngành GDĐT là người DTTS được các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đảm bảo đúng quy định. Người DTTS nằm trong đối tượng được thực hiện chính sách cử tuyển, sau khi tốt nghiệp nếu có nhu cầu về làm công chức, công chức ngành GDĐT tại địa phương đã cử đi học thì được áp dụng

¹ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

² Năm học 2021- 2022, toàn quốc có 132.406 GV là người DTTS, cụ thể như sau: Cấp học Mầm non là 48.256 GV; cấp TH là 48.967 GV; cấp THCS là 24.235 GV; cấp THPT là 9.215 GV. GDTX là 204; Trường DBĐH 04 GV; Trường TCCN là 36 GV; Trường CĐ là 287 GV; Trường ĐH là 1.202 GV.

hình thức tuyển dụng là xét tuyển. Người DTTS nếu là SV tốt nghiệp loại khá, giỏi (theo tiêu chuẩn, điều kiện xác định) được tuyển dụng, tuyển dụng vào ngành GDĐT theo hình thức xét tuyển theo quy trình tuyển dụng, được hưởng chế độ chính sách đãi ngộ riêng về tập sự, bổ nhiệm xếp lương chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ SV tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Hầu hết các tỉnh thực hiện chính sách SV người DTTS khi ứng tuyển vào ngành GDĐT đều được cộng điểm ưu tiên vào các phân thi.

- Công tác bổ nhiệm CBQLGD là người DTTS ở các cơ sở giáo dục được thực hiện theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, khách quan và công khai, minh bạch, tạo động lực để người có trình độ, năng lực phấn đấu vươn lên, góp phần đổi mới công tác cán bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ DTTS. Tỷ lệ CBQLGD, GV là người DTTS đang từng bước được nâng lên so với tỷ lệ dân số người DTTS trên địa bàn.

3. Chính sách đào tạo và bồi dưỡng CBQL, GV ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn

- Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GV được tiến hành bài bản, thống nhất từ cơ sở đến cơ quan quản lý. Trong giai đoạn 2016-2021 có 14.234 lượt CBQL, GV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, trong đó có hàng trăm CBQL, GV người DTTS.

- Thực hiện những quy định ưu tiên người DTTS trong đào tạo, sử dụng tại các Nghị định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức; Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT- BNV-UBDT ngày 11/9/2014 do Bộ Nội vụ, Ủy ban dân tộc ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách cán bộ, công chức, viên chức người DTTS, các địa phương đã triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Chính phủ của các bộ, ban ngành. Căn cứ các văn bản hướng dẫn, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo QLGD, các cơ sở giáo dục chủ động xây dựng kế hoạch bồi dưỡng ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về công tác dân tộc, tiếng dân tộc, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, tin học và các kỹ năng quản lý hành chính nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức người DTTS.

4. Chính sách biệt phái CBQL, GV ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn

- Từ năm 2016-2021, có 16/43 tỉnh ở vùng DTTS, MN, vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn thực hiện việc biệt phái, có 19.126 CBQL, GV được biệt phái đến công tác vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn³. Có 2.077 CBQL, GV

³ Trường PTDTNT là 1.011 CBQL, GV được biệt phái, trong đó: Hiệu trưởng là 40; Phó Hiệu trưởng là 68; GV là 944. Trường PTDTBT là 3.061 CBQL, GV được biệt phái, trong đó: Hiệu trưởng là

biệt phái được bố trí trở về nơi công tác ban đầu hoặc nơi thuận lợi hơn.

- Việc biệt phái GV được các địa phương thực hiện trên cơ sở các quy định hiện hành và quy chế biệt phái do các địa phương xây dựng; việc biệt phái GV đảm bảo công khai, minh bạch và khách quan. Công tác biệt phái GV được thực hiện trước khi vào năm học, trên cơ sở nhu cầu bổ sung biên chế GV của các đơn vị, hầu hết thời hạn biệt phái không quá 03 năm.

- GV được cử đi biệt phái tuyệt đối tuân thủ sự phân công, bố trí, đánh giá, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi được cử đến biệt phái. Trước khi biệt phái, Thủ trưởng các đơn vị gặp gỡ GV nêu rõ mục đích, sự cần thiết của việc biệt phái đề nghị GV đề xuất ý kiến trước khi quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. GV được biệt phái đến các đơn vị thuộc vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn chi trả đầy đủ các chế độ, chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ do đơn vị trực tiếp quản lý GV chi trả. Sau thời gian biệt phái, hầu hết GV được quay trở về đơn vị cũ công tác và được hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

5. Đánh giá việc thực hiện chính sách

5.1. Khó khăn

a) Chính sách ưu đãi đối với CBQLGD, GV vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn

- Hệ thống VBQPPL liên quan chế độ, chính sách đối với CBQL, GV công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn còn chưa đồng bộ, nội dung còn tản mạn ở nhiều văn bản khác nhau (hiện nay việc quy định chế độ, chính sách đối với CBQL, GV được thực hiện tại các văn bản QPPL khác nhau, cụ thể: Nghị định số 61/2006/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC; Thông tư liên tịch số 35/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC; Thông tư liên tịch số 08/2011/TTLT-BNV-BTC; Quyết định số 15/2010/QĐ-TTg. Còn thiếu các chính sách quy định cụ thể về vị trí việc làm và biên chế giáo viên dạy tiếng dân tộc.

- Một số VBQPPL còn chưa phù hợp với thực tế, còn có sự trùng lặp về chế độ, đối tượng thụ hưởng; khó khăn trong việc thực hiện các chế độ như “Phụ cấp thu hút”; “Trợ cấp lần đầu và trợ cấp chuyển vùng” được quy định tại Nghị định số 61/2006/NĐ-CP (Nghị định số 116/2010/NĐ-CP, Nghị định số 64/2009/NĐ-CP, bãi bỏ Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 61/2006/NĐ đã được thay thế bởi Nghị định số 76/2019/NĐ-CP).

- Các chính sách đãi ngộ, tôn vinh đối với đội ngũ CBQL, GV chưa thực sự tạo ra động lực để đội ngũ CBQL, GV phấn đấu tự học, tự rèn luyện để nâng cao năng lực.

b) Chính sách ưu tiên trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ CBQL, GV ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn

- Chính sách ưu tiên trong tuyển dụng, sử dụng CBQL, GV ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn được quy định tại các văn bản quy pháp pháp luật hiện hành chưa phân hóa rõ được đối tượng; vì vậy quy định ưu tiên thường “rộng về đối tượng nhưng hẹp về mức ưu tiên” dẫn đến hiệu quả ưu tiên thấp, thiếu trọng tâm, trọng điểm, mất cơ cấu cân đối số lượng, chất lượng cán bộ giữa các vùng.

- Tỷ lệ giáo viên người DTTS ở các cấp học còn thấp, đặc biệt là tỷ lệ giảng viên là người DTTS ở các trường trung cấp, cao đẳng, đại học. Cơ cấu mất cân đối giữa các nhóm người DTTS trong đội ngũ CBQLGD, GV trong cùng một địa phương hiện nay diễn ra phổ biến ở các tỉnh miền núi phía Bắc (trừ dân tộc Tày, Nùng, Mường, Thái, còn lại các DTTS khác có số lượng CBQL, GV rất thấp so với tỷ lệ CBQL, GV người Kinh).

- Công tác quy hoạch, điều động, bổ nhiệm CBQL, GV người DTTS nhìn chung còn nhiều hạn chế; việc tạo nguồn, quy hoạch để cơ cấu CBQL, GV còn chưa hợp lý về số lượng, chức danh ngạch, chức danh nghề nghiệp; trình độ, độ tuổi, giới tính. Quy định tỷ lệ cho từng chức danh quản lý ở các cấp học, đặc biệt là tỷ lệ đội ngũ lãnh đạo, quản lý nữ DTTS ở các cơ sở giáo dục có đông đồng bào DTTS chưa được quan tâm thực hiện thường xuyên.

- Chưa có chính sách quy định về ưu tiên tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBQL, GV đối với đối tượng dự tuyển là người thuộc nhóm dân tộc có chất lượng nguồn nhân lực thấp (gồm 16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người và một số dân tộc: Kháng, Gia Rai, Ba Na, Mông, Thái, Khmer, Raglai, Xtiêng, Khơ Mú, Co, Giê Triêng) nên việc mất cơ cấu cân đối số lượng, chất lượng cán bộ giữa nhóm người DTTS chưa được cải thiện.

c) Chính sách đào tạo và bồi dưỡng CBQL, GV ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn

- Việc đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn nói chung, trong đó có việc đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV là người DTTS chưa được chú trọng, nhất là đào tạo trình độ cao, thạc sĩ, tiến sĩ; tỷ lệ GV, giảng viên là người DTTS có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở các cấp học và các trường TCCN, CĐ, ĐH còn rất thấp. Công tác bồi dưỡng CBQL, GV người DTTS chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, đội ngũ CBQL, GV ở các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú được bồi dưỡng về lý luận chính trị còn ít. Chưa có chính sách hỗ trợ người DTTS trong nhóm dân tộc có nguồn nhân lực thấp học cao học, nghiên cứu sinh.

- Công tác bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GV người DTTS hiệu quả còn thấp do nội dung bồi dưỡng chưa thực sự phù hợp với yêu tố vùng, miền và đặc điểm văn hóa riêng của các dân tộc.

- Chưa có chính sách hỗ trợ người dân tộc thiểu số trong nhóm dân tộc có nguồn nhân lực thấp (gồm 16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người và một số dân tộc: Kháng, Gia Rai, Ba Na, Mông, Thái, Khmer, Raglai, Xtiêng, Kơ Mú, Co, Giẻ Triêng) học cao học, nghiên cứu sinh.

- Kinh phí, chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn (nguồn kinh phí thường chỉ đáp ứng được 40-60% kế hoạch); nội dung, chương trình và phương thức đào tạo, bồi dưỡng chưa thực sự phù hợp với vùng, miền và đặc điểm văn hóa dân tộc. Một số chương trình đào tạo, bồi dưỡng còn trùng lặp về nội dung, chưa được cập nhật, bổ sung thường xuyên kiến thức mới. Năng lực của một bộ phận đội ngũ giảng viên, báo cáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn và phương pháp giảng dạy phù hợp với thực tiễn của vùng DTTS, MN và đối tượng học viên là người DTTS.

d) Chính sách biệt phái CBQL, GV ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn

- Việc biệt phái CBQL, GV, việc “luân chuyển” CBQL, GV đến vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn được quy định trong Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013. Tuy nhiên, việc xác định đối tượng luân chuyển chưa rõ ràng đối với các huyện, thị xã, thành phố. Hầu hết các quyết định ghi là “Điều động”, “Bổ nhiệm” mà không ghi rõ là đối tượng “luân chuyển” dẫn đến việc CBQL, GV công tác ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn không được hưởng các phụ cấp thu hút.

- Một số địa phương không thực hiện được việc bố trí CBQL, GV “sau khi hết thời hạn điều động” trở lại nơi công tác ban đầu do nơi đó đang đủ hoặc thừa GV; có sự chênh lệch nhất định trong chế độ phụ cấp giữa GV luân chuyển từ nơi khác đến với GV sinh sống và công tác tại địa bàn vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn khi hưởng phụ cấp thu hút theo Nghị định số 19/2013/NĐ-CP (sau 05 năm một đối tượng được tiếp tục với các mức 0,50; 0,70 và 1,00).

IV. Về cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu nhân lực của các Bộ, ngành, tổ chức, doanh nghiệp

Về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, trong đó có lĩnh vực sự nghiệp giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp đã được quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; Về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm được quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, trong đó: Sinh viên sư phạm được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt, nhưng gắn với trách nhiệm phải làm việc một thời gian nhất định trong ngành giáo dục sau khi tốt nghiệp; nếu

sinh viên tốt nghiệp không làm việc đủ thời gian quy định sẽ phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ. Những sinh viên muốn được hưởng chính sách hỗ trợ cần phải đăng ký và cam kết trách nhiệm theo quy định. Về phương thức hỗ trợ cho sinh viên được thực hiện thông qua cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng và đấu thầu đào tạo sinh viên sư phạm do các địa phương thực hiện, gắn với trách nhiệm của địa phương trong đào tạo và bố trí, sử dụng sinh viên sau tốt nghiệp, gắn với trách nhiệm của địa phương phải theo dõi tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, trách nhiệm thu hồi kinh phí trong trường hợp sinh viên không công tác trong ngành giáo dục.

Việc triển khai Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ giúp cho sinh viên sư phạm tăng cơ hội vào đại học, nhất là đại học chất lượng cao.

V. Đề xuất, kiến nghị của Bộ GDĐT

1. Đề nghị Chính phủ xem xét nâng mức hỗ trợ cho trẻ em và giáo viên mầm non quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non cho phù hợp với điều kiện KTXH hiện nay. Theo quy định mức hỗ trợ tiền ăn trưa là 160.000 đồng/trẻ/tháng (bình quân khoảng 7.200 đồng/trẻ/ngày; tổ chức ăn cho 1 bữa chính và 1 bữa phụ tại trường). Mức hỗ trợ còn thấp so với hoàn cảnh gia đình của các trẻ em mẫu giáo và yêu cầu bữa ăn đảm bảo đủ dinh dưỡng.

2. Đề nghị Chính phủ bổ sung đối tượng "Trẻ em nhà trẻ học bán trú trong các cơ sở giáo dục mầm non vào Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, gồm:

Trẻ em độ tuổi nhà trẻ (không bao gồm trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người) đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm một trong những điều kiện sau:

a) Có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại trường phổ thông thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo;

b) Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

c) Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định;

d) Trẻ em là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh; con một số đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có);

đ) Trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

Ủy ban Dân tộc
05.05.2023 17:04:40 +07:00

ỦY BAN DÂN TỘC

Số: ~~709~~/UBDT - CSDT

V/v góp ý đề xuất xây dựng Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 3690 Ngày nhận 08/5/23	
VT Đạm	CV chủ trì
PVT Thịnh	CV phối hợp
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phúc đáp công văn số 1896/BGDĐT-KHTC, ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/4/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Sau khi nghiên cứu, Ủy ban Dân tộc cơ bản nhất trí với đề xuất dự thảo và tham gia ý kiến cụ thể như sau: Tại điểm b khoản 2 Điều 1 sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 5 đề nghị sửa từ "sứ mạng" trong điểm "c) Đề án liên kết thành đại học, trong đó nêu rõ sự cần thiết, những thay đổi về mục tiêu, sứ mạng của các trường tham gia liên kết ..." thành cụm từ "nhiệm vụ, vai trò" để phù hợp với ngôn ngữ sử dụng trong văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến tham gia của Ủy ban Dân tộc, trân trọng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT, CN (để b/c);
- Lưu: VT, CSDT. 2

**TL. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC**



Hoàng Văn Tuyên

Ủy ban Dân tộc
16.05.2023 16:30:34 +07:00

ỦY BAN DÂN TỘC

Số: ~~777~~ /UBDT-CSDT

V/v tham gia ý kiến đối với đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 4042 ngày nhận: 17/5/23	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>CĐ</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>Đặng</i>
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày 27/4/2023, Ủy ban Dân tộc nhận được Văn bản số 1896/BGDĐT-KHTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Sau khi nghiên cứu, Ủy ban Dân tộc có ý kiến như sau:

- Nhất trí với đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành.

- Nhất trí đối với dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 kèm theo Văn bản số 1896/BGDĐT-KHTC.

Trên đây là ý kiến tham gia của Ủy ban Dân tộc, trân trọng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT, CN (để b/c);
- Lưu: VT, CSDT.

**TL. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC**



Hoàng Văn Tuyên
Hoàng Văn Tuyên

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4924/BTP-VĐCXDPL

V/v cho ý kiến việc xây dựng, ban hành
Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 4083 ngày nhận 18/5/23	
VT Đam	CV chỉ trì:
PVT Thịnh	✓ <i>C. Huyền</i>
PVT Tùng	CV phối hợp:

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trả lời Công văn số 1929/BGDĐT-KHTC ngày 28/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi là Nghị định) theo trình tự, thủ tục rút gọn, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Việc ban hành Nghị định là cần thiết và cấp bách nhằm kịp thời giải quyết một phần khó khăn cho các cơ sở giáo dục về nguồn lực tài chính để đầu tư cơ sở vật chất trong điều kiện ngân sách chi thường xuyên bị cắt giảm hằng năm, nguồn đầu tư khác lại rất hạn chế, qua đó tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục có thể bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục.

Căn cứ quy định tại Điều 146 và khoản 3 Điều 147 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 146 về "Trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn" để xây dựng, ban hành Nghị định này theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không quy định bắt buộc phải lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, tuy nhiên, do Nghị định này có thể tác động lớn đến nhiều cơ quan, tổ chức và người dân, nên Bộ Tư pháp đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị định lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định này.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về việc xây dựng, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo trình tự, thủ tục rút gọn, xin gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo. *u*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Nguyễn Khánh Ngọc (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ VĐCXDPL.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ CÁC VẤN ĐỀ CHUNG
VỀ XÂY DỰNG PHÁP LUẬT**



Nguyễn Hồng Tuyên

C. Quynh

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 782/TCTK-TKG

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2023

V/v đánh giá tác động của việc
điều chỉnh học phí năm 2023-2024
tới chỉ số giá tiêu dùng

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 432/... Ngày nhận: 29/5	
VT Đạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: 17/108
	Ngày: 26/5/2023
Kính chuyển:	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 2195/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 của Quý Bộ về việc đánh giá tác động của việc điều chỉnh học phí năm học 2023-2024 tới chỉ số giá tiêu dùng (CPI), Tổng cục Thống kê có ý kiến như sau:

Căn cứ mức học phí của các cơ sở giáo dục công lập dự kiến trong Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cùng với giá dịch vụ giáo dục được thu thập tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tính đến tháng 5/2023, Tổng cục Thống kê ước tính:

- Trường hợp các địa phương đều áp dụng mức sản học phí như Dự thảo từ tháng 9/2023 sẽ tác động trực tiếp làm cho CPI bình quân cả nước năm 2023 tăng khoảng 1,4 điểm phần trăm.

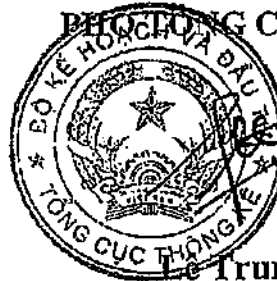
- Trường hợp các địa phương đều áp dụng mức trần học phí như Dự thảo từ tháng 9/2023 sẽ tác động trực tiếp làm cho CPI bình quân cả nước năm 2023 tăng khoảng 2,3 điểm phần trăm.

Trên đây là ý kiến của Tổng cục Thống kê trân trọng gửi Quý Bộ tham khảo. Nếu có vấn đề cần trao đổi, đề nghị Quý Bộ liên hệ với Vụ Thống kê Giá, Tổng cục Thống kê theo số điện thoại: 024-73046666, số máy lẻ 1808./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TKG.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**



Le Trung Hiếu

Handwritten mark at the bottom right corner.

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 782/TCTK-TKG

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2023

V/v đánh giá tác động của việc
điều chỉnh học phí năm 2023-2024
tới chỉ số giá tiêu dùng

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 782/TCTK	Ngày nhận... 28/5/23
VT Đạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh ✓	CV phối hợp
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 2195/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 của Quý Bộ về việc đánh giá tác động của việc điều chỉnh học phí năm học 2023-2024 tới chỉ số giá tiêu dùng (CPI), Tổng cục Thống kê có ý kiến như sau:

Căn cứ mức học phí của các cơ sở giáo dục công lập dự kiến trong Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cùng với giá dịch vụ giáo dục được thu thập tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tính đến tháng 5/2023, Tổng cục Thống kê ước tính:

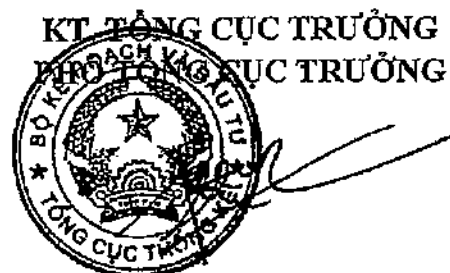
- Trường hợp các địa phương đều áp dụng mức sàn học phí như Dự thảo từ tháng 9/2023 sẽ tác động trực tiếp làm cho CPI bình quân cả nước năm 2023 tăng khoảng 1,4 điểm phần trăm.

- Trường hợp các địa phương đều áp dụng mức trần học phí như Dự thảo từ tháng 9/2023 sẽ tác động trực tiếp làm cho CPI bình quân cả nước năm 2023 tăng khoảng 2,3 điểm phần trăm.

Trên đây là ý kiến của Tổng cục Thống kê trân trọng gửi Quý Bộ tham khảo. Nếu có vấn đề cần trao đổi, đề nghị Quý Bộ liên hệ với Vụ Thống kê Giá, Tổng cục Thống kê theo số điện thoại: 024-73046666, số máy lẻ 1808./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TKG.



Lê Trung Hiếu



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~5206~~ /BTC-HCSN

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2023

V/v Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí, giá dịch vụ trong lĩnh vực GD&ĐT.

Bộ GD&ĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 414 /KT ngày nhận: 20/5/2023	
VT Đạm	CV chỉ trì: <i>C. Quyet</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bộ Tài chính nhận được công văn số 1929/BGDĐT-KHTC ngày 28/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) đề nghị Bộ Tài chính tham gia ý kiến về việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực GD&ĐT (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP); căn cứ Thông báo số 176/TB-VPCP ngày 15/5/2023 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp về vấn đề học phí và sách giáo khoa cho năm học mới; Bộ Tài chính tham gia ý kiến như sau:

1. Về việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP theo trình tự thủ tục rút gọn:

- Tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 7/5/2023 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4/2023, Chính phủ giao Bộ GD&ĐT chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan khẩn trương sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn đề địa phương và các cơ sở GD&ĐT kịp thời có căn cứ quyết định mức thu học phí năm học 2023 - 2024. Theo đó, đề nghị Bộ GD&ĐT khẩn trương thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 74/NQ-CP và Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 176/TB-VPCP nêu trên.

2.2. Về nội dung đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí:

a. Ý kiến tham gia chung:

Việc điều chỉnh chính sách học phí, giá dịch vụ đào tạo liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau: người học (học sinh, sinh viên, học viên), các cơ sở giáo dục tại các địa phương, các cơ sở đào tạo thuộc các Bộ, ngành cơ quan quản lý..., từ đó ảnh hưởng đến kinh phí hỗ trợ từ NSNN để thực hiện các chính sách về giáo dục (chính sách miễn giảm học phí, các chính sách hỗ trợ khác). Do đó, đề nghị Bộ GD&ĐT thực hiện lấy ý kiến các địa phương, các Bộ ngành về thực tế triển khai thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị quyết số 165/NQ-CP, từ đó xây dựng Báo cáo tổng thể về tình hình thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để đề xuất nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Báo cáo đánh giá tác động của việc điều chỉnh chính sách, làm cơ sở để các Bộ, ngành tham gia ý kiến, phù hợp với khả năng chi trả của người dân, đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện. Trong đó:

- Tại Báo cáo tổng thể về tình hình thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, đề nghị rà soát báo cáo hiện giá dịch vụ trong lĩnh vực GD&ĐT đã bù đắp được khoản chi phí nào trong số các khoản chi phí được tính vào giá (*chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định, chi phí khác theo quy định của pháp luật về giá*) theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

- Đối với Báo cáo đánh giá tác động, cần phân tích làm rõ về tác động của việc thay đổi chính sách đối với cho các nhóm đối tượng chính sách, khó khăn, yếu thế, chính sách hỗ trợ đối với nhóm đối tượng này để đảm bảo tiếp cận giáo dục được công bằng; việc tăng/giảm chi NSNN (theo phân cấp ngân sách trung ương/ngân sách địa phương) khi điều chỉnh lộ trình học phí đối với từng cấp học; bổ sung số liệu cụ thể về tác động của việc điều chỉnh giá dịch vụ giáo dục đến CPI từng năm, từ năm 2023 đến hết thời điểm hoàn thành lộ trình tính đủ chi phí trong giá dịch vụ để chủ động trong thực hiện nhiệm vụ kiểm soát lạm phát theo chỉ tiêu của Quốc hội giao từng năm.

b. Ý kiến tham gia cụ thể đối với học phí cơ sở giáo dục đại học công lập:

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị quyết số 19-NQ/TW) yêu cầu: "*đến năm 2021 hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp*";

- Theo yêu cầu nêu trên của Nghị quyết số 19-NQ/TW, đối với học phí giáo dục đại học công lập, đề nghị Bộ GD&ĐT nghiên cứu theo hướng tính đúng, tính đủ để thúc đẩy việc thực hiện tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục đại học công lập, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học theo đúng ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 176/TB-VPCP nêu trên. Đồng thời, xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ người học phù hợp (học bổng, miễn, giảm học phí, tín dụng ưu đãi cho sinh viên...) để không làm giảm cơ hội vào đại học, nhất là đại học chất lượng cao đối với các đối tượng chính sách, học sinh nghèo học giỏi, người yếu thế.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Tài chính, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./. y

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (dề b/c);
- Cục QL giá;
- Vụ: NSNN, PC;
- Lưu: VT, HCSN (4 bản). *th*

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Thành Hưng

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

Số: 574 /ĐHSPHN-KHTC
V/v góp ý xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi
bổ sung một số điều của Nghị định số
81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2023

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Vụ Kế hoạch - Tài chính.

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số <u>3612</u>	Ngày nhận <u>04/5/23</u>
VT Đạm	CV chủ trì: <u>C. Duy</u>
PVT Thịnh	CV phối hợp
PVT Tùng	

Thực hiện chỉ đạo tại công văn số 1749/BGDĐT-KHTC ngày 20/04/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Kế hoạch Tài chính một số ý kiến góp ý xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 như sau:

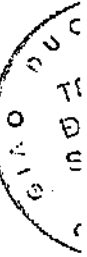
- Nhà trường hoàn toàn nhất trí với chủ trương sửa đổi Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 hoặc bằng các thể thức pháp quy khác (tùy thể thức nào hợp lý hơn trong bối cảnh hiện nay) nhằm áp dụng lộ trình tăng học phí theo Nghị định 81 từ năm học 2023-2024 vì một số lí do sau:

+ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 đã được nghiên cứu xây dựng rất khoa học, nhằm đưa chủ trương của Đảng và Chính phủ vào cuộc sống, với một lộ trình tăng giá dịch vụ phù hợp đảm bảo giá dịch vụ gắn liền với việc nâng cao và đảm bảo chất lượng giáo dục, thúc đẩy xã hội hóa giáo dục. Không tăng học phí đồng nghĩa với việc chúng ta không thể đạt được sự đầu tư như kỳ vọng nhằm tăng chất lượng đào tạo. Mà điều này thì sau vài năm sẽ nhìn thấy kết quả trên diện rộng trong toàn xã hội.

+ Việc hoãn áp dụng mức học phí mới trong các năm qua đã thể hiện trách nhiệm và sự chia sẻ của các Cơ sở giáo dục đại học với xã hội.

+ Sau một thời gian trì hoãn việc áp dụng, không tăng học phí trong 3 năm học liên tiếp vì yếu tố dịch bệnh khách quan, các trường đại học gặp nhiều khó khăn trong việc đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo và không thực hiện được một số nội dung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường do nguồn thu bị ảnh hưởng, không thực hiện được kế hoạch dự kiến.

+ Áp lực về nguồn tài chính đối với các trường đại học trong điều kiện NSNN cắt giảm theo tỷ lệ hàng năm, và cần thu xếp nguồn tăng lương cơ sở 20,8% từ ngày 01/7/2023. Năm học 2023-2024 là thời điểm phù hợp để bắt đầu áp dụng lộ trình tăng học phí do thời điểm khó khăn đã đi qua, các trường đại học sau một thời gian gồng mình để chia sẻ với xã hội thì cũng đã đến lúc dần cạn nguồn kinh phí dự trữ và áp lực về việc tăng lương, tăng đầu tư để nâng cao chất lượng giảng dạy, nâng cao cơ sở vật chất đã hiện hữu rõ ràng.

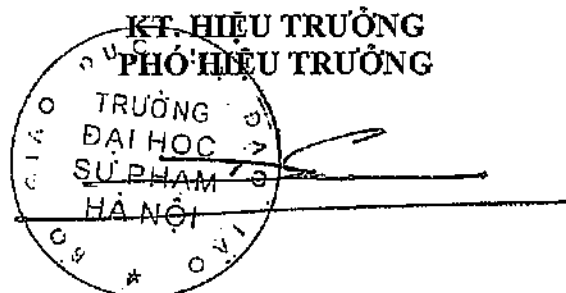


- Phương án tăng học phí: Nhà trường đồng ý với Phương án 2 trong dự thảo: tinh tiến lộ trình khung học phí lùi 1 năm (đến năm 2026-2027). Tuy nhiên, đề nghị ban soạn thảo xem xét lại tỷ lệ tăng giữa các năm để hợp lý với tình hình chung. Hiện nay, tỷ lệ tăng học phí của các nhóm ngành năm 2023-2024 đa số từ 24%-71% trong khi các năm tiếp theo chỉ tăng 13% và tỷ lệ tăng lương dự kiến khoảng 20,8%. Phương án xác định mức học phí (thông qua đó ra tỷ lệ) cần được các chuyên gia xem xét trên biến động từng cụm chi phí để có những lý giải hợp lý. *pl*

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.



PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *8111* ĐHXDH-HCTH

Hà Nội, ngày *18* tháng 5 năm 2023

V/v góp ý hồ sơ dự thảo:
Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số <i>109</i> Ngày nhận <i>19/5/23</i>	
VT Dạm	CV chủ trì <i>Chị</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp
PVT Tùng	<i>Chị</i>

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội đã nhận được Công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường hoàn toàn nhất trí với hồ sơ dự thảo nêu trên của Bộ trình Chính phủ.

Trân trọng báo cáo. / *g*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCTH.

KT. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. *Phạm Xuân Anh*

BỘ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 9105 Ngày nhận: 4	
VT Đạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh <i>C. Huyền</i>
PVT Tùng	CV phối hợp:

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 344 /ĐHXDHN-HCTH

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý hồ sơ dự thảo
Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: 16.219
	Ngày: 19.5.2023
Kính chuyển:	
.....	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội đã nhận được Công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường hoàn toàn nhất trí với hồ sơ dự thảo nêu trên của Bộ trình Chính phủ.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCTH.

PG. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. *Phạm Xuân Anh*

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 639/ĐH-HVN

Hải Phòng, ngày 19 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của

Chính phủ.

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 4171... Ngày nhận: 23/5...	
VT Đạm	CV chủ trì: C. Nguyễn
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

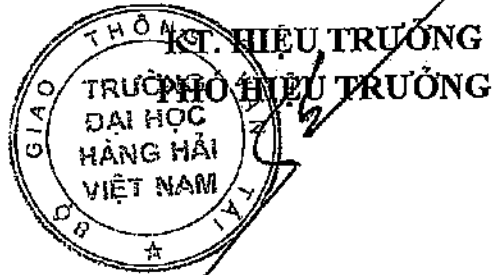
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: 16.576
	Ngày: 28/5/2023
Kính chuyển:	

Thực hiện Công văn công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 81/NĐ-CP của Chính phủ; qua nghiên cứu dự thảo, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam gửi ý kiến tham gia về hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 81/NĐ-CP theo phụ lục kèm theo.

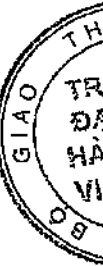
Trân trọng. *TS*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC. *16*



PGS.TS Nguyễn Thanh Sơn



PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 633 /ĐH-HVN ngày 13/5/2023
của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)

1. Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP:

Đề nghị sửa Điểm a Khoản 4 Điều 1:

“Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng” sửa thành “Đơn vị: nghìn đồng/ sinh viên/tháng”

2. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ:

Đề nghị sửa Điểm b Khoản 2.1 Phần IV:

“Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng” sửa thành “Đơn vị: nghìn đồng/ sinh viên/tháng”



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1764* /ĐHNL-HC

Tp. HCM, ngày *22* tháng *5* năm 2023

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của
Chính phủ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: <i>16.625</i>
	Ngày: <i>23/5/2023</i>
Kính chuyển:	

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: <i>499</i> Ngày nhận: <i>23/5</i>	
VT Dạm	CV chủ trì:
PVT Thỉnh	<i>C. Huyền</i>
PVT Tùng	CV phối hợp

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 của Bộ GD&ĐT về việc góp ý hồ sơ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM đã nghiên cứu và thống nhất với nội dung bản Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Trân trọng./. *HC*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HC



PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

l. Ceynt

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM
TRUNG ƯƠNG NHA TRANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 261/BC-CĐSP TWNT

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 5 năm 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: 16.870
	Ngày: 25/5/2023

BÁO CÁO

Về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

BỘ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 428/... Ngày: 29/5/...	
VT Đạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Thực hiện Công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/NĐ-CP của Chính phủ, Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương - Nha Trang có ý kiến như sau:

Về cơ bản, Trường CĐSP Trung ương - Nha Trang thống nhất với dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021. Tuy nhiên, kính đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý đến tính đặc thù của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập vì các cơ sở này không thuộc quyền quản lý của chính quyền địa phương và có cơ chế hoạt động tài chính riêng theo phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KHTC.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG KHTC**



[Handwritten Signature]
Trần Thị Bé Tĩnh

l. Ceynt

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 789/ĐHQG-TC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý, hoàn thiện hồ sơ đề
xuất sửa đổi Nghị định số

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: 16.898
	Ngày: 25/5/2023
Kính chuyển:	

Bộ GDĐT - Vụ KHTC 81/2021/NĐ-CP	
Văn thư số 4292 Ngày nhận 29.5	
VT Đgim	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 1563/BGDĐT-KHTC ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát, đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí để áp dụng từ năm học 2023-2024; góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) kính gửi quý Bộ các ý kiến góp ý dự thảo Nghị định theo nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

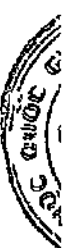
ĐHQG-HCM đã triển khai đến các trường, viện thành viên, các khoa và phân hiệu trực thuộc để nghiên cứu và góp ý theo nội dung đề xuất, kiến nghị tại Công văn số 1563/BGDĐT-KHTC; và dự thảo Nghị định sửa đổi.

ĐHQG-HCM trân trọng cảm ơn sự quan tâm của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của quý Bộ.

Trân trọng kính chào. /: *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc ĐHQG-HCM;
- Lưu: VT, TC.



Phụ lục

Ý KIẾN GÓP Ý, HOÀN THIỆN HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP

(Kèm theo Công văn số 789 /ĐHQG-TC ngày 19 tháng 5 năm 2023
của ĐHQG-HCM)

I. Nội dung góp ý đề xuất tại Công văn số 1563/BGDĐT-KHTC về điều chỉnh lộ trình học phí

- Do chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và sự suy thoái kéo dài của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023 và Công văn số 1505/BGDĐT-KHTC ngày 16/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị chỉ đạo và quán triệt thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2020-2021; 2021-2022 và công tác chỉ đạo điều hành giá năm 2021. Theo đó, ĐHQG-HCM đã có văn bản chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học thành viên và trực thuộc (CSĐT) thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của Chính phủ giữ ổn định mức thu học phí theo năm học 2021-2022, năm học 2022-2023, tương đương 3 năm liền không tăng học phí.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Giáo dục Đại học năm 2018 sửa đổi bổ sung: “Học phí là khoản tiền mà người học phải nộp cho cơ sở giáo dục đại học để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí đào tạo”. Đối với các cơ sở giáo dục đại học là CSĐT thực hiện theo cơ chế tài chính tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên (nhóm 2), Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập thì mức thu học phí được xem là nguồn thu chủ yếu để bù đắp chi phí chi thường xuyên, bao gồm chi phí thu hút đội ngũ cán bộ, giảng viên, mua sắm trang thiết bị và xây dựng cơ sở vật chất phục vụ mục tiêu đào tạo. Tính đến hiện tại, ĐHQG-HCM có 06 trường đại học thành viên, 01 khoa trực thuộc và Trường Phổ thông Năng khiếu là CSĐT thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính tự bảo đảm chi thường xuyên.

Do đó, việc không tăng học phí sẽ làm ảnh hưởng đến nguồn thu tại các CSĐT, vì vậy, phương án lùi lộ trình 01 năm so với lộ trình tăng học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP sẽ gây khó khăn cho các CSĐT trong việc cân đối nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên, cũng như ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục, đầu tư cơ sở vật chất. ĐHQG-HCM kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, sớm có kiến nghị với Chính phủ về việc cho phép áp dụng mức học phí năm học 2023-2024 theo lộ trình của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Ngoài ra, đối với các chương trình đào tạo triển khai theo hình thức thí điểm hoặc chương trình đào tạo do CSĐT xây dựng đề án đã được ĐHQG-HCM phê duyệt thì được xác định mức học phí theo đề án; chương trình đào tạo đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tương đương được tự xác định mức học phí.

II. Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

1. Về việc xác định mức học phí tối đa theo mức trần

- Tại Công văn số 1563/BGDĐT-KHTC và dự thảo Nghị định chưa đề cập chi tiết phần căn cứ (như: phương pháp, báo cáo kết quả việc xác định giá dịch vụ đào tạo cũng như dựa trên các định mức kinh tế kỹ thuật...).

- Theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tại khoản 6 mục III phần B về Nhiệm vụ, giải pháp có nêu rõ nội dung:

“Có chế độ ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Việc tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phải trên cơ sở đánh giá năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả công tác. Có chế độ ưu đãi và quy định tuổi nghỉ hưu hợp lý đối với nhà giáo có trình độ cao; có cơ chế miễn nhiệm, bố trí công việc khác hoặc kiên quyết đưa ra khỏi ngành đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ”.

Việc giữ nguyên cách xác định mức học phí tối đa theo mức trần học phí với tối đa từ 2 đến 2.5 lần mức trần là chưa phù hợp với tinh thần của Nghị quyết, đồng thời, gây ảnh hưởng đến chế độ ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, có khả năng tác động đến việc nâng cao chất lượng đào tạo vì các trường không có khả năng tìm kiếm và cung cấp đãi ngộ tốt cho các chuyên gia, các nhân sự ưu tú, chất lượng (đặc biệt đối với CSĐT tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc tự

đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư).

2. Tại điểm d khoản 3 Điều 9

Đề xuất bổ sung quy định về cơ sở giáo dục phổ thông trực thuộc Đại học Quốc gia (như trường hợp của Trường Phổ thông Năng khiếu) để CSĐT có cơ sở xây dựng mức học phí hằng năm. Cụ thể là: “cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trực thuộc Đại học quốc gia tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thì được tự xác định mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ sở giáo dục ban hành”.

3. Tại Điều 11

Tại dự thảo Nghị định chưa tách biệt rõ ràng, theo đó, việc thu học phí được chia ra áp dụng đối với 5 trường hợp:

- a) Cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên;*
- b) Cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên;*
- c) Cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;*
- d) Đối với chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học công lập đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;*
- e) Đối với chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học công lập đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tương đương.”*

Do đó, CSĐT đáp ứng đồng thời cả hai trường hợp ở điểm b, điểm d và điểm e thì mức thu học phí chưa rõ sẽ được áp dụng theo quy định nào, vì dự thảo Nghị định sửa đổi chưa có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này cũng như trong Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. ĐHQG-HCM đề xuất bổ sung quy định rõ cách xác định học phí cho trường hợp CSĐT đều thỏa cả hai điều kiện tại điểm b, điểm d và điểm e nêu trên.

4. Bổ sung nội dung theo khoản 2 Điều 65 của Luật Giáo dục Đại học năm 2018 sửa đổi bổ sung

Cụ thể, khoản 2 Điều 65 của Luật Giáo dục Đại học năm 2018 sửa đổi bổ sung quy định:

“2. Cơ sở giáo dục đại học công lập xác định mức thu học phí như sau:

a) Cơ sở giáo dục đại học đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật này và tự bảo đảm toàn bộ kinh phí chi thường xuyên được tự chủ xác định mức thu học phí;

b) Cơ sở giáo dục đại học không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này được xác định mức thu học phí theo quy định của Chính phủ;

c) Việc xác định mức thu học phí phải căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật theo lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo.”

Đồng thời, căn cứ khoản 2 Điều 32 của Luật Giáo dục Đại học năm 2018 sửa đổi bổ sung:

“2. Điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học được quy định như sau:

a) Đã thành lập hội đồng trường, hội đồng đại học; đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp;

b) Đã ban hành và tổ chức thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động; quy chế tài chính; quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ khác và có chính sách bảo đảm chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn do Nhà nước quy định;

c) Thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở giáo dục đại học;

d) Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật.”

Với 2 điều khoản trên, nếu CSĐT thỏa điều kiện thực hiện quyền tự chủ đã nêu thì được quyền tự chủ việc xác định mức thu học phí. Việc Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định cách áp dụng mức học phí tối đa xác định theo mức trần đã làm mất đi quyền tự chủ của một số CSĐT thỏa điều kiện theo Luật Giáo dục đại học năm 2018 sửa đổi bổ sung. Điều này chưa phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học, mà theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2016 “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Như vậy, đối với các trường hợp đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật Giáo dục Đại học năm 2018 sửa đổi bổ sung có thể tự chủ trong việc xác định học phí, ĐHQG-HCM đề xuất bổ sung quy định cho đồng bộ với Luật để thực hiện.

5. Bổ sung hướng dẫn về giá dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục đối với các trường hợp chưa được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

Dựa vào định nghĩa về giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Điều 3 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP:

“Giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo là số tiền người sử dụng dịch vụ phải trả cho từng dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, bao gồm: học phí (theo các cấp học và trình độ đào tạo) và giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (giá dịch vụ tuyển sinh; giá dịch vụ kiểm định chất lượng giáo dục; giá cấp phát các loại phôi văn bằng, chứng chỉ; giá dịch vụ hỗ trợ đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực thông qua việc nghiên cứu xây dựng chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch về đào tạo nhân lực theo nhu cầu xã hội; giá dịch vụ điều tra, phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực thông qua việc kết nối cơ sở đào tạo với đơn vị sử dụng lao động nhằm khai thác các nguồn lực cho hoạt động đào tạo phát triển nguồn nhân lực; giá dịch vụ bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; giá dịch vụ tư vấn cho các tổ chức, cá nhân xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, tham gia bồi dưỡng phát triển các kỹ năng cần thiết cho người học; giá các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo).”

Tuy nhiên, theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP chỉ hướng dẫn về giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo khi thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu. Theo đó dự thảo sửa đổi bổ sung vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng giá dịch vụ trong các trường hợp còn lại theo định nghĩa tại Điều 3 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, do đó ĐHQG-HCM đề xuất xem xét, bổ sung thêm quy định về các trường hợp này.

Trên đây là nội dung ý kiến đề xuất của ĐHQG-HCM kính gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, trình Chính phủ.

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 311/ĐHVHHN-ĐT,QLKH&HTQT
V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: 16.7.8.7
	Ngày: 22/5/2023
Kính chuyển:	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 4282 Ngày nhận: 29/5/2023	
VT Dạm	CV chủ trì: C. Quang
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Thực hiện Công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội có ý kiến như sau:

1. Đề nghị bỏ cột học phí năm học 2022 - 2023 tại điểm a khoản 2 Điều 11 của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung với các lý do sau:

- Nghị định sửa đổi sẽ được ban hành vào năm 2023 nên không cần quy định mức học phí hồi cố cho năm 2022-2023. Nếu quy định sẽ tạo sự hiểu nhầm đối với các cơ sở giáo dục đại học được thu mức học phí năm 2022-2023 như trong dự thảo Nghị định này.

- Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2022 về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023. Theo đó Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 như năm học 2021 - 2022.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

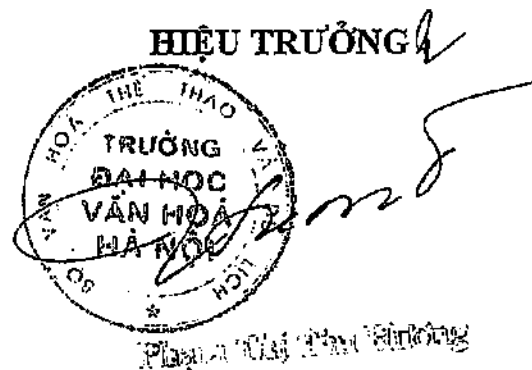
"2. Học phí từ năm học 2023-2024 đến năm học 2026-2027 như sau:"

3. Nhà trường nhất trí với các nội dung còn lại trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dự thảo Tờ trình Chính phủ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐTQLKH&HTQT, L03.



1/12

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 396 /ĐHTL-CT&CTSV
V/v: góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-
CP của Chính phủ

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: 16795
	Ngày: 24.05.2023
Kính chuyển:.....	
.....	

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 1283. Ngày nhận: 22/5	
VT Dam	CV chỉ trì:
PVT Thịnh	C. Duyet
PVT Tùng	CV phối hợp:

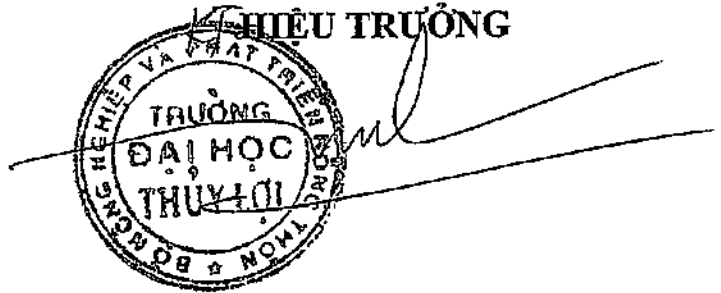
Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phúc đáp công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và dự thảo Tờ trình Chính phủ, Trường Đại học Thủy lợi hoàn toàn nhất trí với các nội dung trong dự thảo và tờ trình.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, CT&CTSV (NN.4b).



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
GS.TS Nguyễn Trung Việt

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2143/ĐHQN-KHTC
V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định
số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Bình Định, ngày 22 tháng 5 năm 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: 16191
	Ngày: 24/5/2023
Kính chuyển:	
Bộ Giáo dục và Đào tạo	

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 3302/Nghị nhân 2315	
VT Dụm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	C. Ngọc Mỹ
PVT Tùng	CV phối hợp:
	Giáo dục và Đào tạo

Kính gửi: Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Giáo

dục và Đào tạo
Thực hiện theo công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 của Bộ
Đào tạo về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị
định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Trường Đại học Quy Nhơn xin góp ý một
số nội dung sau:

I. Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

Khoản 4, Điều 1- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 11 (trang 3)

Theo Nghị quyết 165/2022/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học
phí của các cơ sở giáo dục đào tạo công lập năm học 2022-2023 đã quy định mức
học phí năm học 2022-2023 bằng mức học phí năm học 2021-2022 và bằng năm
học 2020-2021. Nhưng trong Dự thảo mức học phí năm học 2022-2023 vẫn giữ
theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

Nên sửa lại mức học năm học 2022-2023 trong dự thảo bằng mức học phí
năm học 2021-2022 theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

II. Về dự thảo Tờ trình

1. Ở dòng cuối trang 2: sửa năm học 2022-2023 thành 2021-2022. Vì Nghị
định 81/2021/NĐ-CP được áp dụng từ năm học 2021-2022.

2. Ở trang 5 gạch đầu dòng thứ nhất ở khoản 2 – Mục tiêu xây dựng Nghị
định: “- *Xây dựng lộ trình tính giá phù hợp với*” nội dung gì “để bù đắp...”. Nên
bổ sung phù hợp với nội dung gì.

3. Ở trang 8 khung học phí đối với cơ sở giáo dục đại học năm học 2022-
2023 sửa lại bằng mức học năm học 2021-2022 như dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

4. Thêm phần sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 31 như khoản 6, Điều 1 của dự
thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

Trên đây là một số góp ý của Trường Đại học Quy Nhơn.

Trân trọng!

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu VT, KHTC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ.

1/2023

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2143/ĐHQN-KHTC
V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định
số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Bình Định, ngày 22 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 492/... Ngày nhận: 25/5/23	
VT Dạm	CV chủ trì: <i>C. Nguyễn</i>
PVT Tùng	

Kính gửi: Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện theo công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Trường Đại học Quy Nhơn xin góp ý một số nội dung sau:

I. Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

Khoản 4, Điều 1- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 11 (trang 3)

Theo Nghị quyết 165/2022/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí của các cơ sở giáo dục đào tạo công lập năm học 2022-2023 đã quy định mức học phí năm học 2022-2023 bằng mức học phí năm học 2021-2022 và bằng năm học 2020-2021. Nhưng trong Dự thảo mức học phí năm học 2022-2023 vẫn giữ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

Nên sửa lại mức học năm học 2022-2023 trong dự thảo bằng mức học phí năm học 2021-2022 theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

II. Về dự thảo Tờ trình

1. Ở dòng cuối trang 2: sửa năm học 2022-2023 thành 2021-2022. Vì Nghị định 81/2021/NĐ-CP được áp dụng từ năm học 2021-2022.

2. Ở trang 5 gạch đầu dòng thứ nhất ở khoản 2 – Mục tiêu xây dựng Nghị định: “- *Xây dựng lộ trình tính giá phù hợp với*” nội dung gì “*để bù đắp...*”. Nên bổ sung phù hợp với nội dung gì.

3. Ở trang 8 khung học phí đối với cơ sở giáo dục đại học năm học 2022-2023 sửa lại bằng mức học năm học 2021-2022 như dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

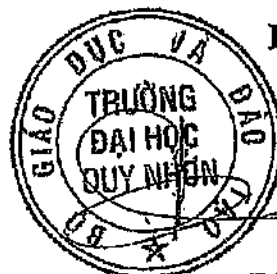
4. Thêm phần sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 31 như khoản 6, Điều 1 của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

Trên đây là một số góp ý của Trường Đại học Quy Nhơn.

Trân trọng!

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu VT, KHTC.



HIỆU TRƯỞNG

C. Nguyễn
PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 789/ĐHQG-TC
V/v góp ý, hoàn thiện hồ sơ đề
xuất sửa đổi Nghị định số
81/2021/NĐ-CP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 1563/BGDĐT-KHTC ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát, đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí để áp dụng từ năm học 2023-2024; góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) kính gửi quý Bộ các ý kiến góp ý dự thảo Nghị định theo nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

ĐHQG-HCM đã triển khai đến các trường, viện thành viên, các khoa và phân hiệu trực thuộc để nghiên cứu và góp ý theo nội dung đề xuất, kiến nghị tại Công văn số 1563/BGDĐT-KHTC; và dự thảo Nghị định sửa đổi.

ĐHQG-HCM trân trọng cảm ơn sự quan tâm của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của quý Bộ.

Trân trọng kính chào. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc ĐHQG-HCM;
- Lưu: VT, TC.



Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư <i>[Signature]</i>	Ngày nhận... 25/5/23
VT Đạm	CV chủ trì: <i>[Signature]</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>[Signature]</i>
PVT Tùng	

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2127/ĐHĐN-KHTC

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 5 năm 2023

V/v dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Đại học Đà Nẵng thống nhất với dự thảo Nghị định, kính mong Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các bộ liên quan sớm ban hành Nghị định để các cơ sở giáo dục đại học kịp thời chuẩn bị cho năm học mới 2023-2024.

Trân trọng./ *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.



PGS. TS. Nguyễn Ngọc Vũ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM
TRUNG ƯƠNG NHA TRANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 261/BC-CĐSP TWNT

Khánh Hòa, ngày 2 tháng 5 năm 2023

BỘ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư Số: 261/BC... Ngày nhận: 25/5/2023	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>C. B. Y.</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>C. B. Y.</i>
PVT Tùng	<i>C. B. Y.</i>

BÁO CÁO

Về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/NĐ-CP của Chính phủ, Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương - Nha Trang có ý kiến như sau:


Về cơ bản, Trường CĐSP Trung ương - Nha Trang thống nhất với dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021. Tuy nhiên, kính đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý đến tính đặc thù của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập vì các cơ sở này không thuộc quyền quản lý của chính quyền địa phương và có cơ chế hoạt động tài chính riêng theo phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KHTC.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHTC



Trần Thị Bé Tinh

**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *311*/ĐHVHVN-ĐT, QLKH&HTQT
V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số <i>482</i> ngày nhận <i>27/5/23</i>	
VT Dạm	CV chủ trì: <i>C. Quý</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>C. Quý</i>
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội có ý kiến như sau:

1. Đề nghị bỏ cột học phí năm học 2022 - 2023 tại điểm a khoản 2 Điều 11 của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung với các lý do sau:

- Nghị định sửa đổi sẽ được ban hành vào năm 2023 nên không cần quy định mức học phí hồi cổ cho năm 2022-2023. Nếu quy định sẽ tạo sự hiểu nhầm đối với các cơ sở giáo dục đại học được thu mức học phí năm 2022-2023 như trong dự thảo Nghị định này.

- Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2022 về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023. Theo đó Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 như năm học 2021 - 2022.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Học phí từ năm học 2023-2024 đến năm học 2026-2027 như sau:”

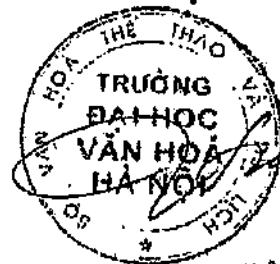
3. Nhà trường nhất trí với các nội dung còn lại trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế tìm, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dự thảo Tờ trình Chính phủ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐTQLKH&HTQT, L03.

HIỆU TRƯỞNG *h*



Phạm Thị Thu Hương

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 396 /ĐHTL-CT&CTSV
V/v: góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phức đáp công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và dự thảo Tờ trình Chính phủ, Trường Đại học Thủy lợi hoàn toàn nhất trí với các nội dung trong dự thảo và tờ trình.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VE, CT&CTSV (NN.4b).



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
GS.TS Nguyễn Trung Việt

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Vấn đề 88. Ngày nhận... 2.5.2023	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>CA</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>CA</i>
PVT Tùng	<i>CA</i>

Số: /ĐHTN-KHTC
V/v góp ý hồ sơ dự thảo
Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định
số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Công văn số 1749/BGDĐT-KHTC ngày 20/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tham dự hội nghị góp ý, hoàn thiện Hồ sơ đề xuất sửa đổi Nghị định số 81/NĐ-CP;


Căn cứ Nội dung họp hội nghị ngày 25/4/2023 về việc đề xuất lộ trình học phí từ năm 2023-2024 và góp ý hồ sơ đề xuất sửa Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 15/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý bằng văn bản Hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường Đại học Tây nguyên có Công văn gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo với ý kiến cụ thể như sau:

1. Đối với Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Trường Đại học Tây nguyên thống nhất ý kiến với nội dung Dự thảo đã lập.
2. Đối với Dự thảo tờ trình Chính phủ: Trường Đại học Tây nguyên thống nhất ý kiến với nội dung Dự thảo đã lập.

Trên đây là nội dung Công văn Nhà trường đã phúc đáp theo Công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 15/6/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trân trọng kính chào! 

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. HIỆU TRƯỞNG



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 490/ĐHTB

V/v góp ý dự thảo sửa đổi, bổ sung
Nghị định số 81/NĐ-CP của
Chính phủ

Sơn La, ngày 22 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Vụ Kế hoạch Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/NĐ-CP của Chính phủ, Trường Đại học Tây Bắc đã nghiên cứu nội dung và hoàn toàn nhất trí với dự thảo.


Trân trọng! *28*

Nơi nhận:

- Vụ KH-TC Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, KTTC *KT*

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: <i>1426</i>	Ngày nhận: <i>26/5/23</i>
VT Đàm	CV chủ trì: <i>CD</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Triệu Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ PHÁP CHẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Số: 489 /PC

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý hồ sơ DT Nghị định sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 81/2021/NĐ-CP

Kính gửi: Vụ Kế hoạch - Tài chính

Phúc đáp Công văn số 579/KHTC ngày 16/5/2023 của Vụ Kế hoạch - Tài chính đề nghị góp ý hồ sơ DT Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Vụ Pháp chế có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ dự thảo Nghị định: Theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), hồ sơ gửi thẩm định Nghị định xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn gồm: Tờ trình Chính phủ; dự thảo Nghị định; bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý (nếu có).

Vì vậy, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo hoàn thiện dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ, trình Lãnh đạo Bộ cho ý kiến để gửi Bộ Tư pháp thẩm định, bảo đảm thời hạn trình Chính phủ theo quy định.

2. Về nội dung dự thảo Nghị định:

- Đề nghị rà soát quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 30 Nghị định 81 để bảo đảm phù hợp với nội dung sửa đổi tại khoản 1, 2 và 4 Điều 1 dự thảo Nghị định. Ví dụ: khoản 1 Điều 1 dự thảo (sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 9 Nghị định 81) quy định "*Từ năm học 2024 - 2025 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm...*", tuy nhiên, tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 81 đang quy định "*Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông được điều chỉnh đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương và khả năng chi trả của người dân nhưng tối đa không vượt 7,5%/năm*".

- Về mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 81: Ngày 21/12/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 104/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Tại Điều 5 của Nghị định này đã sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 81 (điểm b khoản 1 và điểm đ khoản 1), theo đó bỏ không quy định thành phần hồ sơ "sổ hộ khẩu thường trú" tại các điểm này.

Vì vậy, đề nghị đơn vị chủ trì rà soát, sửa đổi Phụ lục VII (Đơn đề nghị chi trả tiền miễn, giảm học phí) kèm theo Nghị định số 81 theo hướng không yêu cầu khai thông tin về hộ khẩu thường trú để phù hợp với quy định tại Nghị định số 104/2022/NĐ-CP nói trên (vì nếu yêu cầu kê khai thông tin về hộ khẩu thường trú thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh nơi thường trú để chứng minh thông tin).

Trên đây là ý kiến của Vụ Pháp chế. Kính chuyển Quý đơn vị nghiên cứu, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC.

**KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**

Ký bởi: Mai Thị Anh

Email:

maianhpc@moet.gov.vn

Cơ quan: Vụ Pháp chế,

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ngày ký: 19-05-2023

16:07:14 +07:00



Mai Thị Anh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /QLCL-HCTH
V/v phúc đáp Công văn số 579/KHTC-
TC ngày 16/5/2023 góp ý hồ sơ dự thảo
sửa đổi ND số 81/2021

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Vụ Kế hoạch – Tài chính

Phúc đáp 579/KHTC-TC ngày 16/5/2023 của Quý Vụ về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Cục Quản lý chất lượng nhất trí với dự thảo và không có ý kiến bổ sung.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Hoàng Minh Sơn (để b/c);
- Lưu VT.

CỤC TRƯỞNG

Huyền Văn Chương

VỤ GIÁO DỤC MẦM NON

Số: 176 /GDMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Vụ Kế hoạch - Tài chính

Phúc đáp công văn số 579/KHTC-TC ngày 16/5/2023 của Vụ Kế hoạch - Tài chính về việc góp ý Hồ sơ trình Nghị định sửa đổi nghị định số 81/2021/NĐ-CP về lộ trình điều chỉnh học phí, Vụ Giáo dục Mầm non trả lời như sau:

- Về cơ bản, nhất trí nội dung dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định sửa đổi.
- Đặc biệt, nhất trí phương án dự thảo quy định khung sàn học phí để đảm bảo các địa phương có căn cứ đề xuất xây dựng khung học phí theo thù tục.

Kính chuyển Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ trưởng (để b/cáo);
- Lưu: GDMN.

**KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Ký bởi: Hoàng Thị Dinh
Email: htdinh@moe.gov.vn
Cơ quan: Vụ Giáo dục Mầm non, Bộ Giáo dục và Đào tạo
Ngày ký: 22-05-2023
16:44:50 +07:00

Hoàng Thị Dinh

VỤ GIÁO DỤC TIỂU HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 244 /GDTH

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 4013 ngày nhận 18/5/23	
VT Dạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Vụ Kế hoạch Tài chính

Phúc đáp Công văn số 579/KHTC-TC ngày 16/5/2023, Vụ Giáo dục Tiểu học (GDTH) có một số ý kiến góp ý như sau:

Thứ nhất, về nguyên tắc giáo dục tiểu học là giáo dục miễn phí (Hiến pháp 2013, Luật Giáo dục 2019) cho nên không nên đề cập đến cụm từ “Khung học phí đối với giáo dục tiểu học công lập” vì như vậy là vi phạm quy định này (về khái niệm cũng như sẽ tạo phản cảm). Do đó, không nên đưa tiểu học thành một cột như đang có trong Khung.

Đề xuất: Chuyển thành một điểm, chẳng hạn b) Khung hỗ trợ tiền đóng học phí từ năm học 2023-2024 đối với học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định:

Thành thị		

Căn cứ vào Khung này.....

Thứ hai, Khung học phí không phải cho cơ sở giáo dục mà cho học sinh (xem các văn bản quy định học phí ta phải đóng cho con em mình, đặc biệt học ở nước ngoài sẽ thấy rõ). Do đó, nên quy định Khung học phí đối với trẻ em học chương trình giáo dục mầm non (sau đây gọi là trẻ em mầm non), học sinh học chương trình trung học cơ sở (sau đây gọi là học sinh THCS),... thì sẽ chính xác hơn.

Thứ ba, Thành thị, Nông thôn và Vùng dân tộc thiểu số và vùng núi đối với một đơn vị cấp tỉnh đã được xác định rõ ràng trong văn bản quy phạm pháp luật nào chưa đề địa phương thực hiện? Chúng tôi thấy Vùng dân tộc thiểu số và vùng núi thì

chắc chắn là Nông thôn? Vậy, khi đó sẽ tính thế nào? Khi quy định cần tính kỹ đến điều này để khi về Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể phân biệt rõ ràng (Ví dục khác: Thị trấn của một huyện miền núi thì là Nông thôn hay Vùng dân tộc thiểu số và vùng núi?...)

Cuối cùng, về Khung học phí thi quý Vụ có chuyên môn hơn sẽ tính toán cụ thể để tham mưu Lãnh đạo Bộ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: GDTH.

PHÓ VỤ TRƯỞNG



Người ký: Tạ Ngọc Trí
Email:
tntri@moe.gov.vn
Cơ quan: Vụ Giáo dục
tiểu học, Bộ Giáo dục
và Đào tạo
Chức vụ: Phó Vụ
trưởng

Tạ Ngọc Trí

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 273 /GDTTH

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý Nghị định sửa đổi Nghị định 81

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 4445/Vụ ngày nhận: 22/5	
VT Đạm	CV chủ tịch
PVT Thịnh	CV phối hợp
PVT Tùng	

Kính gửi: Vụ Kế hoạch-Tài chính

Vụ Giáo dục Trung học nhận được Văn bản số 579/KHTC-TC ngày 16/5/2023 của Vụ Kế hoạch-Tài chính về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Vụ Giáo dục Trung học có ý kiến như sau:

1. Vụ Giáo dục Trung học cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Đề nghị điểm d, khoản 3 Điều 9 nên sửa lại như sau: *Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thì được tự xác định mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ sở giáo dục ban hành phù hợp với mức kiểm định chất lượng giáo dục đạt được; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt mức thu học phí.* Vì chất lượng giáo dục của nhà trường là sự đáp ứng mục tiêu của nhà trường, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật giáo dục, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Việc công nhận đạt chuẩn đối với nhà trường nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

2. Về Tờ trình Chính phủ, đề nghị Vụ KHTC điền đầy đủ các thông tin còn để trống, hoàn chỉnh Tờ trình theo quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Hữu Độ (để báo cáo);
- Vụ trưởng (để báo cáo)
- Lưu: Vụ GDTTH.

**KT. VỤ TRƯỞNG TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Sái Công Hồng

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 474 /GDĐH

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Kính gửi: Vụ Kế hoạch - Tài chính

Vụ Giáo dục Đại học nhận được công văn số 579/KHTC ngày 16/5/2023 của Vụ Kế hoạch - Tài chính về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Dự thảo Nghị định). Sau khi nghiên cứu, Vụ Giáo dục Đại học có ý kiến như sau:

Về cơ bản Vụ Giáo dục Đại học thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định và Tờ trình Thủ tướng Chính phủ do Vụ Kế hoạch Tài chính chủ trì soạn thảo. Tuy nhiên để hoàn thiện Vụ Giáo dục Đại học có một số ý kiến cụ thể như sau:

1. Đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ

- Đối với phần căn cứ và sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Nghị định đề nghị Vụ Kế hoạch - Tài chính rà soát tập chung báo cáo các vấn đề liên quan trực tiếp đến các nội dung đã đưa vào dự thảo Nghị định. Hiện nay vẫn còn một số nội dung nêu lên nhưng chưa được xem xét sửa đổi lần này.

- Đối với các nội dung đánh giá tác động của chính sách đề xuất đề nghị Vụ tham khảo, bổ sung ý kiến đánh giá tác động của Tổng cục thống kê liên quan đến việc tăng chi số nằm trong phạm vi cho phép. Riêng đối với phần đánh giá tác động đến người học đề nghị Vụ tách riêng phần đánh giá tác động của giáo dục nghề nghiệp và tác động của giáo dục đại học (Hiện nay đang ghép vào 1 nội dung).

2. Đối với nội dung dự thảo Nghị định

Vụ Giáo dục Đại học nhất trí việc lùi thời gian thực hiện một năm như trong dự thảo, đảm bảo việc tăng học phí không quá đột ngột (do trong năm 2021 và năm 2022 các cơ sở giáo dục đại học không được tăng học phí), đồng thời đảm bảo khả năng chi trả của người học.

Vụ Giáo dục Đại học gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp và báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TTr Hoàng Minh Sơn (để báo cáo);
- Vụ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: GDĐH.

**KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Thu Thủy

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀ
CÔNG TÁC HỌC SINH VÀ
CÔNG TÁC HSSV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 344 /GDCTHSSV

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2022

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của
Chính phủ

Kính gửi: Vụ Kế hoạch - Tài chính

Phúc đáp Công văn số 579/KHTC ngày 16/5/2023 của Vụ Kế hoạch - Tài chính về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên sau khi nghiên cứu các dự thảo có ý kiến như sau.

1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ

- Phần căn cứ Nghị quyết 19-NQ/TW nên chuyển lên phần căn cứ pháp lý.

- Phần căn cứ thực tiễn nên làm rõ nội dung về lộ trình, mức tăng học phí được quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP đã được tính toán trên cơ sở khoa học phù hợp với khả năng chi trả của người dân và hỗ trợ các cơ sở đào tạo có đủ nguồn thu để bù đắp các khoản chi. Tuy nhiên, do dịch bệnh nên lộ trình này không thể thực hiện đúng quy định vì vậy nếu không điều chỉnh lộ trình phù hợp, các cơ sở đào tạo không thể đáp ứng được khả năng cân đối các khoản thu, chi.

2. Về dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 81

Tại khoản 5, sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 đề nghị sửa cụm từ “*có nơi thường trú*” thành “*có cha, mẹ hoặc người giám hộ thường trú*”, tránh trường hợp học sinh chuyển hộ khẩu sang nhà người thân để hưởng chính sách.

Trên đây ý kiến của Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên về hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Ngô Thị Minh (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Lưu: Vụ GDCTHSSV.

**KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân An Việt

VỤ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 304/GDTEX

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2023

V/v góp ý kiến về nội dung sửa đổi, bổ sung trong Nghị định 81

Kính gửi: Vụ Kế hoạch Tài chính

Vụ GDTEX nhận được Công văn số 479/KHTC-TC ngày 20/4/2023 của Vụ Kế hoạch - Tài chính về việc tham dự Hội nghị góp ý, hoàn thiện Hồ sơ đề xuất sửa đổi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Nghị định 81); sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định, Vụ GDTEX có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất một số nội dung sửa đổi, bổ sung trong dự thảo sửa đổi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP do Vụ Kế hoạch - Tài chính tham mưu, tổng hợp.

2. Ý kiến cụ thể

Đề nghị bổ sung cơ chế thu, quản lý học phí đối với các Chương trình GDTEX trong các cơ sở giáo dục thường xuyên (hiện nay Nghị định 81 mới chỉ quy định nội dung mức học phí của 01 Chương trình GDTEX lấy văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân)¹. Lí do cụ thể như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 43 Luật Giáo dục 2019 và Quy chế tổ chức và hoạt động của các loại hình cơ sở GDTEX quy định các Trung tâm có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các Chương trình GDTEX bao gồm: *Chương trình xóa mù chữ; Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên giao công nghệ; Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; Chương trình giáo dục thuộc chương trình để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân; tổ chức thi, cấp chứng chỉ các chương trình bồi dưỡng và các chương trình liên kết đào tạo lấy văn bằng trung cấp, cao đẳng và đại học của hệ thống giáo dục quốc dân*. Tuy nhiên, hiện nay Nghị định 81 mới chỉ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với Chương trình GDTEX cấp THCS, THPT.

- Thông qua phản ánh của một số địa phương, cơ sở (như Sở GDĐT Bình Dương, Đồng Nai, Bắc Ninh, Hải Dương...; các đơn vị cơ sở như: Trung tâm GDTEX tỉnh Hà Nam, Vĩnh Phú, Hải Dương, Lào Cai...). mặc dù các cơ sở và Sở GDĐT đã tham mưu bổ sung cơ chế thu, quản lý học phí đối với các Chương trình

¹ 6. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn. Đối với các loại hình giáo dục thường xuyên khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt mức thu cụ thể phù hợp với từng loại hình đào tạo và điều kiện thực tế của từng địa bàn.

này. Tuy nhiên, khi nghiên cứu các quy định của Nghị định 81 thì các phòng chuyên môn về tài chính xác định Nghị định 81 chưa quy định nên chưa đủ căn cứ pháp lý để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND phê duyệt.

Từ những bất cập phát sinh từ thực tiễn và chưa phủ hết của quy định trong Nghị định, Vụ GDTX đề nghị bổ sung thêm khoản 7 thuộc Điều 9 của Nghị định như sau:

“7. Mức học phí đối với các chương trình giáo dục thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Giáo dục và các dịch vụ giáo dục, thi cấp chứng chỉ, liên kết đào tạo, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông cho đối tượng người lớn tuổi (người đủ tuổi lao động vừa học vừa làm) trong các cơ sở giáo dục thường xuyên được các cơ sở giáo dục chủ động tính toán, quy định mức thu theo sự đồng thuận giữa người học và cơ sở giáo dục, bảo đảm tính công khai, minh bạch và giải trình với người học, xã hội.

Riêng đối với Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông theo kế hoạch của địa phương được tổ chức tại cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.”

Trên đây là ý kiến của Vụ GDTX liên quan tới các nội sửa đổi trong Nghị định 81, kính đề nghị Vụ Kế hoạch - Tài chính căn cứ tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Vụ GDTX.

VỤ TRƯỞNG



Hoàng Đức Minh

VỤ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 304 /GDTX

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2023

V/v góp ý kiến về nội dung sửa đổi, bổ

Bộ GDĐT - Vụ Giáo dục Thường xuyên	
Văn thư số: 329/ST ngày nhận: 21/4/23	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>C. Dương</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>C. Dương</i>
PVT Tùng	

trong Nghị định 81

Kính gửi: Vụ Kế hoạch Tài chính

Vụ GDTX nhận được Công văn số 479/KHTC-TC ngày 20/4/2023 của Vụ Kế hoạch - Tài chính về việc tham dự Hội nghị góp ý, hoàn thiện Hồ sơ đề xuất sửa đổi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Nghị định 81); sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định, Vụ GDTX có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất một số nội dung sửa đổi, bổ sung trong dự thảo sửa đổi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP do Vụ Kế hoạch - Tài chính tham mưu, tổng hợp.

2. Ý kiến cụ thể

Đề nghị bổ sung cơ chế thu, quản lý học phí đối với các Chương trình GDTX trong các cơ sở giáo dục thường xuyên (hiện nay Nghị định 81 mới chỉ quy định nội dung mức học phí của 01 Chương trình GDTX lấy văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân)¹. Lí do cụ thể như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 43 Luật Giáo dục 2019 và Quy chế tổ chức và hoạt động của các loại hình cơ sở GDTX quy định các Trung tâm có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các Chương trình GDTX bao gồm: *Chương trình xóa mù chữ; Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ; Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; Chương trình giáo dục thuộc chương trình để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân; tổ chức thi, cấp chứng chỉ các chương trình bồi dưỡng và các chương trình liên kết đào tạo lấy văn bằng trung cấp, cao đẳng và đại học của hệ thống giáo dục quốc dân.* Tuy nhiên, hiện nay Nghị định 81 mới chỉ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với Chương trình GDTX cấp THCS, THPT.

- Thông qua phản ánh của một số địa phương, cơ sở (như Sở GDĐT Bình Dương, Đồng Nai, Bắc Ninh, Hải Dương...; các đơn vị cơ sở như: Trung tâm GDTX tỉnh Hà Nam, Vĩnh Phú, Hải Dương, Lào Cai...). mặc dù các cơ sở và Sở GDĐT đã tham mưu bổ sung cơ chế thu, quản lý học phí đối với các Chương trình

¹ 6. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn. Đối với các loại hình giáo dục thường xuyên khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt mức thu cụ thể phù hợp với từng loại hình đào tạo và điều kiện thực tế của từng địa bàn.

này. Tuy nhiên, khi nghiên cứu các quy định của Nghị định 81 thì các phòng chuyên môn về tài chính xác định Nghị định 81 chưa quy định nên chưa đủ căn cứ pháp lý để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND phê duyệt.

Từ những bất cập phát sinh từ thực tiễn và chưa phù hợp của quy định trong Nghị định, Vụ GDTX đề nghị bổ sung thêm khoản 7 thuộc Điều 9 của Nghị định như sau:

“7. Mức học phí đối với các chương trình giáo dục thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Giáo dục và các dịch vụ giáo dục, thi cấp chứng chỉ, liên kết đào tạo, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông cho đối tượng người lớn tuổi (người đủ tuổi lao động vừa học vừa làm) trong các cơ sở giáo dục thường xuyên được các cơ sở giáo dục chủ động tính toán, quy định mức thu theo sự đồng thuận giữa người học và cơ sở giáo dục, bảo đảm tính công khai, minh bạch và giải trình với người học, xã hội.

Riêng đối với Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông theo kế hoạch của địa phương được tổ chức tại cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.”

Trên đây là ý kiến của Vụ GDTX liên quan tới các nội sửa đổi trong Nghị định 81, kính đề nghị Vụ Kế hoạch - Tài chính căn cứ tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Vụ GDTX.

VỤ TRƯỞNG



Hoàng Đức Minh

Số: 378 /GDTX

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 4060 Ngày nhận: 18/5/23	
VT Đam	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Vụ Kế hoạch-Tài chính

Vụ GDTX nhận được Công văn số 579/KHTC-TC ngày 16/5/2023 của Vụ Kế hoạch - Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định 81), Vụ GDTX có ý kiến như sau:

1. Điểm a, khoản 3 Điều 44 Luật Giáo dục 2019 quy định Trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN-GDTX thực hiện các chương trình: Chương trình xóa mù chữ; Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ; Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; Chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT và liên kết đào tạo, phối hợp đào tạo theo các văn bản quy phạm pháp luật khác do Bộ GDĐT ban hành.

Tuy nhiên, Nghị định 81 mới chỉ quy định mức thu học phí đối với Chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT là tương đương với mức thu như học sinh phổ thông cùng cấp học. Vì vậy, các chương trình GDTX còn lại không được quy định mức thu, nguyên tắc thu. Điều này đã gây khó khăn, cho các Sở GDĐT tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân trong việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân liên quan tới cơ chế thu, quản lý học phí đối với các Trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN-GDTX. Việc thiếu quy định đã dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn về các khoản thu và chi sai quy định khi các trung tâm triển khai thực hiện các Chương trình GDTX khác. Một số địa phương khi Bộ GDĐT đi kiểm tra đã có kiến nghị bổ sung quy định này đối với Trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN-GDTX như: Đồng Nai, Bình Dương, Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên...và nhiều Trung tâm đã có kiến nghị về vấn đề này.

2. Vụ GDTX đề nghị bổ sung quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các nhiệm vụ còn lại trong các Trung tâm liên quan tới nhiệm vụ được giao trong Luật Giáo dục 2019 như sau:

- Bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Giáo dục liên quan tới chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông cho đối tượng người lớn tuổi (người đủ tuổi lao động vừa học vừa làm) trong các cơ sở giáo dục thường xuyên được các cơ sở giáo dục chủ động tính toán, quy định mức thu theo sự đồng thuận giữa người học và cơ sở giáo dục, bảo đảm tính công khai, minh bạch và giải trình với người học, xã hội. Riêng đối với Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông theo kế hoạch của địa phương được tổ chức tại cơ sở giáo dục thường xuyên (cho người trong độ tuổi học phổ thông) thực hiện áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

- Bổ sung quy định: các chương trình giáo dục thường xuyên gồm: chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên giao công nghệ; Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; dịch vụ giáo dục, cấp chứng chỉ, chứng nhận các chương trình giáo dục, bồi dưỡng ngắn hạn được áp dụng thu theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục thường xuyên và người học¹.

- Bổ sung quy định: chương trình liên kết đào tạo, hợp tác giáo dục được áp dụng thu theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục chủ trì liên kết hoặc phối hợp giáo dục.

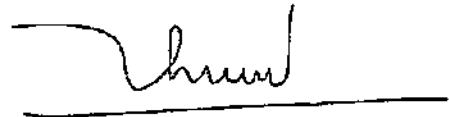
Vụ GDTX đề nghị Vụ KHTC tổng hợp, tham mưu và bổ sung các nội dung nêu trên trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81 và báo cáo Lãnh đạo Bộ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

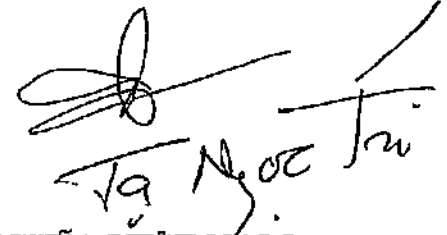
- Như trên;
- Vụ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: Vụ GDTX.

**KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Thủy

¹ Khoản 6, khoản 7 Điều 11 Nghị định 81 chỉ quy định học phí đối với chương trình giáo dục thường xuyên, dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, cấp chứng chỉ, chứng nhận và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác được áp dụng thu theo thỏa thuận giữa cơ sở giáo dục và người học đối với giáo dục đại học và quy định riêng cho các cơ sở giáo dục đại học.


Tạ Ngọc Trì

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 1

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 134/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề, chất vấn trong nhiệm kỳ khóa XIV và một số Nghị quyết trong nhiệm kỳ khóa XIII;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá

địch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Khung học phí từ năm học 2023-2024 trở đi

a) Khung học phí (mức sàn - mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2023 - 2024			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	0 ≤ 540	< 540	< 650	0 ≤ 650
Nông thôn	≤ 220	220	270	0 - 330 <i>hoặc</i> ≤ 330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	110	110	170	220

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí. *đưa vào tháng 1 (Chuyên)*

b) Khung học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định tại điểm này dùng làm căn cứ để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

c) Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng 2 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này;

d) Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Tối đa bằng 2,5 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này;

e) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đạt mức kiểm định

chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thì được tự xác định mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ sở giáo dục ban hành; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt mức thu học phí.

Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, ^{khung học phí} khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau: (Bộ LĐTBXH có ý kiến kiến bổ sung).

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau

“2. Học phí từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2026 - 2027 như sau:

a) Mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Khối ngành	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	980	1.250	1.410	1.590	1.790
Khối ngành II: Nghệ thuật	1.170	1.200	1.350	1.520	1.710
Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	980	1.250	1.410	1.590	1.790
Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	1.170	1.350	1.520	1.710	1.930
Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.170	1.450	1.640	1.850	2.090
Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	1.430	1.850	2.090	2.360	2.660
Khối ngành VI.2: Y dược	1.430	2.450	2.760	3.110	3.500

Khối ngành	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	980	1.200	1.500	1.690	1.910

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:

“4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có nơi thường trú ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày...tháng...năm 2023.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b).

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo 1

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 08/6/2022 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2022 giao Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT): "*Chủ trì rà soát, có lộ trình điều chỉnh học phí phù hợp; đánh giá đầy đủ tác động của việc tăng học phí tới học sinh, sinh viên, hộ gia đình thu nhập thấp, có hoàn cảnh khó khăn để hỗ trợ kịp thời, báo cáo Thủ tướng Chính phủ*", Bộ GDĐT đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 về học phí của các cơ sở GDĐT công lập năm học 2022-2023. Để tiếp tục rà soát lộ trình học phí áp dụng từ năm học 2023-2024, Bộ GDĐT đã có Công văn số 1563/BGDĐT-KHTC ngày 11/4/2023 gửi Thủ tướng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, giao Bộ GDĐT chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành làm căn cứ pháp lý thực hiện từ năm học 2023-2024.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành VBQPPL, Bộ GDĐT đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định và báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định như sau:

I. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP

1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 08/6/2022 về phiên họp Chính phủ thường

kỳ tháng 5/2022 giao Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT): "Chủ trì rà soát, có lộ trình điều chỉnh học phí phù hợp; đánh giá đầy đủ tác động của việc tăng học phí tới học sinh, sinh viên, hộ gia đình thu nhập thấp, có hoàn cảnh khó khăn để hỗ trợ kịp thời, báo cáo Thủ tướng Chính phủ".

- Tại Công văn số/VPCP ngày.... giao Bộ GDĐT giao Bộ GDĐT chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành làm căn cứ pháp lý thực hiện từ năm học 2023-2024.

2. Căn cứ thực tiễn và sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP

a) Quy định hiện hành về lộ trình tính giá dịch vụ giáo dục, đào tạo

Theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị quyết số 19-NQ/TW) yêu cầu: "đến năm 2021 hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp". Tại khoản 1 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 đã giao Chính phủ quy định mức học phí được xác định theo lộ trình bảo đảm chi phí dịch vụ giáo dục, đào tạo.

Như vậy, Nghị quyết số 19-NQ/TW cũng như quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 đã khẳng định học phí sẽ thực hiện theo cơ chế giá (giá dịch vụ giáo dục) và phải thực hiện lộ trình tính đủ chi phí dịch vụ giáo dục.

Ngày 27/8/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo để áp dụng từ năm học 2022-2023. Để chia sẻ khó khăn với học sinh, phụ huynh do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đã quy định mức học phí năm học 2021-2022 giữ ổn định bằng mức học phí năm học 2020-2021. Từ năm học 2022-2023, học phí của cơ sở giáo dục công lập tăng theo lộ trình hằng năm cụ thể như sau:

(i) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thực hiện theo khung học phí (mức trần-mức sàn) theo lộ trình điều chỉnh không quá 7,5%/năm từ năm học 2022-2023 để bù đắp tốc độ tăng của chỉ số giá tiêu dùng và dự kiến cơ bản tính đủ chi phí vào năm 2030;

(ii) Đối với cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên áp dụng mức trần học phí từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026,

lộ trình điều chỉnh học phí bình quân không quá 12,5%/năm từ năm học 2026-2027 do Thủ trưởng cơ sở GDĐH quyết định căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và các chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm;

(iii) Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa tự đảm bảo chi thường xuyên áp dụng mức trần học phí theo lộ trình từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 trên cơ sở các yếu tố chi phí (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản).

(iv) Đối với các cơ sở giáo dục công lập được phê duyệt chuyển đổi sang loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thì sẽ được áp dụng mức trần học phí cao hơn đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên để bù đắp chi phí chi thường xuyên, chi thường xuyên và chi đầu tư.

Lộ trình học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP cơ bản đã phù hợp với quan điểm chỉ đạo về lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW và Luật Giáo dục 2019. Mức thu học phí được điều chỉnh tăng theo lộ trình hằng năm góp phần hỗ trợ các cơ sở giáo dục công lập có nguồn thu bù đắp chi phí, chủ động trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời khuyến khích các cơ sở giáo dục công lập đẩy nhanh lộ trình tự chủ chi thường xuyên trong bối cảnh ngân sách chi thường xuyên hằng năm bị cắt giảm bình quân 10%/năm.

b) Khó khăn trong thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Từ đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động toàn diện đến nền kinh tế nước ta, ảnh hưởng nặng nề đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và khả năng thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Để chia sẻ khó khăn với học sinh, phụ huynh, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 165/2022/NQ-CP ngày 20/12/2022 về học phí của các cơ sở GDĐT công lập năm học 2022-2023; theo đó mức học phí của cơ sở giáo dục công lập tiếp tục được giữ ổn định qua 03 năm học¹ (từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023). Tuy nhiên, việc giữ ổn định học phí đã gây khó khăn cho các cơ sở giáo dục trong cân đối nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục, đầu tư cơ sở vật chất trong điều kiện đầu tư hạn chế, ngân sách chi thường xuyên bị cắt giảm hằng năm. Đặc biệt đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập, nguồn thu học phí chiếm tỷ trọng trên 80% tổng nguồn thu của trường, khả năng khai thác từ các nguồn thu khác còn rất hạn chế vì hoạt động chính của các trường là hoạt động đào

¹ Mức học phí năm học 2021-2022 giữ ổn định bằng học phí năm học 2020-2021 theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Mức học phí năm học 2022-2023 giữ ổn định bằng học phí năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị quyết số 165/2022/NQ-CP.

tao. Việc hợp tác, chuyển giao công nghệ còn chậm triển khai do hành lang pháp lý để liên doanh, liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp chưa đầy đủ.

Vì vậy, nhu cầu được áp dụng mức thu học phí theo lộ trình quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của các cơ sở giáo dục là cần thiết để bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên, nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện lộ trình tự chủ.

Tuy nhiên, do mức học phí của các cơ sở giáo dục công lập đã giữ ổn định 03 năm liên tiếp (từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023) nên chưa thực hiện được mức trần học phí áp dụng cho năm học 2022-2023 quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Nếu tiếp tục áp dụng mức trần học phí năm học 2023-2024 quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP từ tháng 09/2023 thì mức trần học phí GDĐHCL tăng cao bình quân 45,7% so với năm học 2022-2023 (đặc biệt khối ngành Y dược tăng 93%, khối ngành Nhân văn, khoa học xã hội tăng 53%), gây khó khăn cho phụ huynh, học sinh và phản ứng của dư luận xã hội. Theo ước tính của Tổng cục Thống kê, nếu tiếp tục áp dụng mức trần học phí năm học 2023-2024 quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP sẽ làm CPI năm 2023 tăng khoảng 0,82-1,09%.

Vì vậy, Bộ GDĐT kiến nghị rà soát, điều chỉnh lộ trình học phí so với lộ trình học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để bảo đảm phù hợp với lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công, hỗ trợ phụ huynh, học sinh

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP

1. Quan điểm

- Tiếp tục cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về chính sách phát triển giáo dục và đào tạo trong việc xây dựng và xác định cơ chế thu, quản lý học phí, giá dịch vụ trong lĩnh vực GDĐT; đảm bảo các học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số, học sinh nghèo được tiếp cận với giáo dục, cụ thể như sau: Căn cứ quan điểm quản lý dịch vụ công tại Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 30/01/2008, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Thông báo số 37-TB/TW ngày 26/5/2011 của Ban chấp hành Trung ương về đổi mới cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đã khẳng định: *“Xác định các dịch vụ sự nghiệp công do ngân sách nhà nước phải bảo đảm, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; các dịch vụ công khác không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, xác định giá theo cơ chế thị trường, đơn vị được quyết định các khoản thu, mức thu bảo đảm bù đắp chi*

phí hợp lý, có tích lũy để thu hút nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế ngoài công lập tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công”.

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan như Luật Giáo dục nghề nghiệp (2014), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học (2018), Luật Giáo dục (2019), Luật Ngân sách Nhà nước (2015), Luật Giá (2012), Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính củ đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đồng thời căn cứ quy định tại Luật Giá thì dịch vụ giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc danh mục nhà nước định giá, Chính phủ quy định giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Tại Luật Giáo dục đã quy định Chính phủ quy định cơ chế thu và quản lý học phí đồng thời quy định học phí là khoản tiền người học phải nộp để chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo; mức học phí được xác định theo lộ trình bảo đảm chi phí dịch vụ giáo dục, đào tạo do Chính phủ quy định. Theo đó, bản chất học phí là giá dịch vụ giáo dục đào tạo và thực hiện theo cơ chế giá do Chính phủ hướng dẫn.

2. Mục tiêu xây dựng Nghị định

- *Xây dựng lộ trình tính giá phù hợp* với để bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên, nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện lộ trình tự chủ tài chính.

- *Thúc đẩy xã hội hóa trong lĩnh vực GDĐT*: Thu hút các nguồn lực, các thành phần kinh tế tham gia. Muốn vậy, cần xem xét mức giá các dịch vụ theo hướng tính đúng, tính đủ tiệm cận giá thị trường hoặc phù hợp với lộ trình tính giá.

- *Nâng cao chất lượng giáo dục*: Việc cung cấp dịch vụ GDĐT được xác định như cung cấp các dịch vụ thông thường. Khi việc cung cấp dịch vụ được xã hội hóa sẽ góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, người sử dụng có nhiều sự lựa chọn hơn, đơn vị cung cấp dịch vụ sẽ phải cạnh tranh để cung cấp dịch vụ với chất lượng tốt hơn... Theo đó, việc dẫn tính đúng, tính đủ giá dịch vụ sẽ tạo điều kiện để các đơn vị phấn đấu đạt mục tiêu đề ra.

- *Công khai, minh bạch các thông tin khi cung ứng dịch vụ GDĐT*: Khi thực hiện theo cơ chế giá, các hàng hóa, dịch vụ phải tuân thủ các quy định về căn cứ, nguyên tắc, phương pháp định giá, công khai, niêm yết thông tin về hàng hóa, dịch vụ quy định tại Luật Giá và các văn bản hướng dẫn. Theo đó, các thông tin khi cung ứng dịch vụ (giá bán, giá thành, tình hình tài chính của đơn vị cung ứng...) sẽ được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch theo quy định tại Luật Giá và các văn bản hướng dẫn.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ban hành Quyết định số/QĐ-BGDĐT ngày về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành có liên quan (Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH), Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư) theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Ban soạn thảo đã thực hiện các công việc: Xây dựng dự thảo Nghị định và các báo cáo theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thảo luận lấy ý kiến đóng góp của các thành viên (trong đó có đại diện của các bộ, ngành); gửi văn bản lấy ý kiến góp ý của các bộ ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục đại học công lập tại các Công văn: ... ngày... của Bộ GDĐT; đăng dự thảo trên cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT và Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi; tổ chức hội nghị tham vấn ý kiến chuyên gia về dự thảo Nghị định. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các bộ ngành, địa phương, các cơ sở GDĐT công lập, Bộ GDĐT đã tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.

3. Bộ GDĐT đã gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ Nghị định tại Công văn số ... BGDĐT-KHTC ngày Căn cứ ý kiến của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số ... ngày ..., Bộ GDĐT đã tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định và hoàn thiện dự thảo Nghị định (Báo cáo tiếp thu, giải trình kèm theo).

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. **Tên gọi của dự thảo Nghị định:** Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định sẽ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP như sau:

2.1. Điều chỉnh lộ trình học phí

a) Học phí cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập

Do thực hiện Nghị quyết số 165/2022/NQ-CP nên mức học phí năm học 2022-2023 giữ bằng mức học phí của năm học 2021-2022, không thực hiện theo trần học phí năm học 2022-2023 đã quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP (chậm lại 01 năm học). Vì vậy, Bộ GDĐT đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí theo hướng lùi thêm 01 năm so với lộ trình cũ tại Nghị định 81.

- Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Bộ GDĐT đề xuất không quy định Mức sàn học phí vì hiện nay nhiều địa phương vùng địa bàn khó khăn (Lai Châu, Điện Biên, Cao Bằng, Kiên Giang...)

đang quy định thấp hơn mức sàn học phí tại Nghị định số 81; Đồng thời mức trần đối với cơ sở GDMN, GDPT công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên năm học 2023-2024 bằng mức trần năm học 2022-2023 tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2023 - 2024			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	540	540	650	650
Nông thôn	220	220	270	330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	110	110	170	220

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí.

Khung học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định tại điểm này dùng làm căn cứ để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

- Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng 2 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này;

- Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Tối đa bằng 2,5 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này;

- Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thì được tự xác định mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ sở giáo dục ban hành; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt mức thu học phí.

Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân

nhưng không quá 7,5%/năm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định.

b) Học phí cơ sở giáo dục đại học công lập

Do thực hiện Nghị quyết số 165/2022/NQ-CP nên mức học phí năm học 2022-2023 giữ bằng mức học phí của năm học 2021-2022, không thực hiện theo trần học phí năm học 2022-2023 đã quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP (chậm lại 01 năm học). Vì vậy, Bộ GDĐT đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí theo hướng lùi thêm 01 năm so với lộ trình cũ tại Nghị định 81.

Mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Khối ngành	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023 (Giữ ổn định bằng năm học 2021-2022 theo Nghị quyết 165/2022/NĐ-CP)	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	980	980	1.250	1.410	1.590	1.790
Khối ngành II: Nghệ thuật	1.170	1.170	1.200	1.350	1.520	1.710
Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	980	980	1.250	1.410	1.590	1.790
Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	1.170	1.170	1.350	1.520	1.710	1.930
Khối ngành V: Toán, công nghệ máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.170	1.170	1.450	1.640	1.850	2.090
Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	1.430	1.430	1.850	2.090	2.360	2.660
Khối ngành VI.2: Y dược	1.430	1.430	2.450	2.760	3.110	3.500
Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	980	980	1.200	1.500	1.690	1.910

c) Học phí cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập: Bộ LĐTBXH có ý kiến bổ sung.

2.2. Về hồ sơ, thủ tục miễn giảm học phí:

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 về đối tượng hỗ trợ chi phí học tập như sau:

“4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có nơi thường trú ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”.

Lý do đề xuất: Bổ sung quy định “có hộ khẩu thường trú” để hướng dẫn thống nhất đối với các cơ quan có thẩm quyền trong xét duyệt hồ sơ, xác nhận đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập. Trong thời gian vừa qua, theo phản ánh của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và một số địa phương (Sở GDĐT tỉnh Ninh Thuận) có ý đề nghị cần quy định rõ việc xác nhận đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập là “trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có nơi thường trú tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền” hay là “trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông học tại các cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn tại thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”.

V. TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT

1. Tác động của khung học phí đề xuất đối với ngân sách nhà nước

2. Tác động của khung học phí đề xuất đối với chỉ số giá tiêu dùng CPI

- Học phí năm học 2022-2023 (từ tháng 09/2022 đến tháng 08/2023): Ngày 20/12/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 165/NQ-CP về học phí của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023, theo đó Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 bằng mức học phí năm học 2021- 2022. Vì vậy, mức học phí của các cơ sở giáo dục công lập năm học 2022-2023 sẽ giữ ổn định như năm học 2021-2022 (đến hết tháng 08/2023) nên không tác động đến chỉ số CPI 08 tháng đầu năm 2023.

- Học phí từ năm học 2023-2024 (từ tháng 09/2023): Theo ước tính của Tổng cục Thống kê, lộ trình học phí điều chỉnh dự kiến sẽ tác động tới CPI năm 2023 như sau:.....

3. Tác động tới người học:

Việc lùi lộ trình tăng học phí thêm 01 năm sẽ hỗ trợ người học và gia đình giảm bớt gánh nặng tài chính, tạo được đồng thuận của người dân và xã hội.

4. Đối với cơ sở giáo dục công lập

Trên thực tế mức học phí của các cơ sở giáo dục công lập đã giữ ổn định 03 năm liên tiếp (từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023) nên các cơ sở giáo dục công lập gặp khó khăn trong cân đối nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục, đầu tư cơ sở vật chất trong điều kiện đầu tư hạn chế, ngân sách chi thường xuyên bị cắt giảm hàng năm.

Nếu lùi lộ trình học phí thêm 01 năm tuy chưa thực hiện được lộ trình tính giá theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW là “*đến năm 2021 hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp*”, nhưng cũng góp phần hỗ trợ các cơ sở giáo dục công lập có nguồn thu bù đắp chi phí, chủ động trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời khuyến khích các cơ sở giáo dục công lập đẩy nhanh lộ trình tự chủ chi thường xuyên trong bối cảnh ngân sách chi thường xuyên hàng năm bị cắt giảm bình quân 10%/năm.

5. Tác động thủ tục hành chính (TTHC)

VI. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo đã được xây dựng, lấy ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục và gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Chính phủ sớm xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm Tờ trình này:

- Dự thảo Nghị định.
- Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp.
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.
- Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân.
- Báo cáo đánh giá tác động;
- Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính;
- Bản sao ý kiến của các Bộ, ngành.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Số: 1563/BGDĐT - KHTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2023

V/v rà soát, đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí để áp dụng từ năm học 2023-2024

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 08/6/2022 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2022 giao Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT): "*Chủ trì rà soát, có lộ trình điều chỉnh học phí phù hợp; đánh giá đầy đủ tác động của việc tăng học phí tới học sinh, sinh viên, hộ gia đình thu nhập thấp, có hoàn cảnh khó khăn để hỗ trợ kịp thời, báo cáo Thủ tướng Chính phủ*", Bộ GDĐT đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 về học phí của các cơ sở GDĐT công lập năm học 2022-2023. Để tiếp tục soát lộ trình học phí áp dụng từ năm học 2023-2024, Bộ GDĐT báo cáo như sau:

1. Quy định hiện hành về lộ trình tính giá dịch vụ giáo dục, đào tạo

Theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị quyết số 19-NQ/TW) yêu cầu: "*đến năm 2021 hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp*". Tại khoản 1 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 đã giao Chính phủ quy định mức học phí được xác định theo lộ trình bảo đảm chi phí dịch vụ giáo dục, đào tạo.

Như vậy, Nghị quyết số 19-NQ/TW cũng như quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 đã khẳng định học phí sẽ thực hiện theo cơ chế giá (giá dịch vụ giáo dục) và phải thực hiện lộ trình tính đủ chi phí dịch vụ giáo dục.

Ngày 27/8/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo để áp dụng từ năm học 2022-2023. Để chia sẻ khó khăn với học sinh, phụ huynh do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đã quy định mức học phí năm học 2021-2022 giữ ổn định bằng mức học phí năm học 2020-2021. Từ năm học 2022-2023, học phí của cơ sở giáo dục công lập tăng theo lộ trình hằng năm cụ thể như sau:

(i) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thực hiện theo khung học phí (mức trần-mức sàn) theo lộ trình điều chỉnh không quá 7,5%/năm từ năm học 2022-2023 để bù đắp tốc độ tăng của chỉ số giá tiêu dùng và dự kiến cơ bản tính đủ chi phí vào năm 2030;

(ii) Đối với cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên áp dụng mức trần học phí từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026, lộ trình điều chỉnh học phí bình quân không quá 12,5%/năm từ năm học 2026-2027 do Thủ trưởng cơ sở GDĐH quyết định căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và các chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm;

(iii) Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa tự đảm bảo chi thường xuyên áp dụng mức trần học phí theo lộ trình từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026 trên cơ sở các yếu tố chi phí (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản).

(iv) Đối với các cơ sở giáo dục công lập được phê duyệt chuyển đổi sang loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thì sẽ được áp dụng mức trần học phí cao hơn đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên để bù đắp chi phí chi thường xuyên, chi thường xuyên và chi đầu tư.

(Chi tiết mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP theo Phụ lục số 01 đính kèm)

Lộ trình học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP cơ bản đã phù hợp với quan điểm chỉ đạo về lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW và Luật Giáo dục 2019. Mức thu học phí được điều chỉnh tăng theo lộ trình hằng năm góp phần hỗ trợ các cơ sở giáo dục công lập có nguồn thu bù đắp chi phí, chủ động trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời khuyến khích các cơ sở giáo dục công lập đẩy nhanh lộ trình tự chủ chi thường xuyên trong bối cảnh ngân sách chi thường xuyên hằng năm bị cắt giảm bình quân 10%/năm.

2. Khó khăn trong thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Từ đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động toàn diện đến nền kinh tế nước ta, ảnh hưởng nặng nề đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và khả năng thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của cả nước. Để chia sẻ khó khăn với học sinh, phụ huynh, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 165/2022/NQ-CP ngày 20/12/2022 về học phí của các cơ sở GDĐT công lập năm học 2022-2023; theo đó mức học phí của cơ sở giáo dục công

lập tiếp tục được giữ ổn định qua 03 năm học¹ (từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023). Tuy nhiên, việc giữ ổn định học phí đã gây khó khăn cho các cơ sở giáo dục trong cân đối nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục, đầu tư cơ sở vật chất trong điều kiện đầu tư hạn chế, ngân sách chi thường xuyên bị cắt giảm hằng năm. Đặc biệt đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập, nguồn thu học phí chiếm tỷ trọng trên 80% tổng nguồn thu của trường, khả năng khai thác từ các nguồn thu khác còn rất hạn chế vì hoạt động chính của các trường là hoạt động đào tạo. Việc hợp tác, chuyển giao công nghệ còn chậm triển khai do hành lang pháp lý để liên doanh, liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp chưa đầy đủ.

Vì vậy, nhu cầu được áp dụng mức thu học phí theo lộ trình quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của các cơ sở giáo dục là cần thiết để bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên, nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện lộ trình tự chủ.

3. Đề xuất, kiến nghị

Ngày 14/11/2022, Bộ GDĐT đã có Công văn số 5997/BGDĐT-KHTC gửi Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp xin ý kiến về báo cáo lộ trình tính giá dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Ngày 12/12/2022, Bộ Tư pháp có Công văn số 4955/BTP-PLDSKT, trong đó có ý kiến nội dung báo cáo là vấn đề không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/08/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Ngày 01/12/2022, Bộ Tài chính có Công văn số 12636/BTC-QLG đề nghị Bộ GDĐT đánh giá tổng thể lộ trình tính giá dịch vụ giáo dục, đào tạo, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trong trường hợp phát sinh sự cần thiết phải điều chỉnh lộ trình học phí đã được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các ý kiến nêu trên, Bộ GDĐT kiến nghị điều chỉnh lộ trình học phí lùi 01 năm so với lộ trình học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (chi tiết theo Phụ lục số 02 kèm theo) để bảo đảm phù hợp với lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công, hỗ trợ phụ huynh, học sinh. Phương án lùi lộ trình 01 năm dù chưa đạt được lộ trình học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, tuy nhiên sẽ hỗ trợ được một phần khó khăn của các cơ sở giáo dục, giữ bình ổn thị trường và kịp áp dụng cho năm học mới 2023-2024².

Bộ GDĐT kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, giao Bộ GDĐT chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để

¹ Mức học phí năm học 2021-2022 giữ ổn định bằng học phí năm học 2020-2021 theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Mức học phí năm học 2022-2023 giữ ổn định bằng học phí năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị quyết số 165/2022/NQ-CP.

² Cụ thể nếu lùi lộ trình học phí 01 năm học thì mức trần học phí năm học 2023-2024 sẽ bằng mức trần học phí năm học 2022-2023 đã được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành làm căn cứ pháp lý thực hiện từ năm học 2023-2024.

Bộ GDĐT kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

(Các tài liệu gửi kèm Công văn: Công văn số 1217/BTC-QLG ngày 09/02/2022 của Bộ Tài chính, Công văn số 574/BGDĐT-KHTC ngày 23/02/2022 của Bộ GDĐT, Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 08/6/2022 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2022, Thông báo số 280/TB-VPCP ngày 07/9/2022 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái - Trưởng Ban chỉ đạo điều hành giá tại cuộc họp Ban Chỉ đạo điều hành giá ngày 24/8/2022, Công văn số 5469/BGDĐT-KHTC ngày 18/10/2022 của Bộ GDĐT, Phiếu báo số 2101/PB-VPCP ngày 22/10/2022 của Văn phòng Chính phủ, Công văn số 12636/BTC-QLG ngày 01/12/2022 của Bộ Tài chính, Công văn số 4955/BTP-PLDSKT ngày 12/12/2022 của Bộ Tư pháp).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTgCP Lê Minh Khái (để báo cáo);
- PTTgCP Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Các Thủ tướng;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Kim Sơn

PHỤ LỤC 01

Mức thu học phí theo quy định tại

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

(Kèm Công văn số 1563 /BGDDT-KHTC ngày 11/4/2023 của Bộ GDĐT)

1. Khung học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập

a) Khung học phí năm học 2021-2022: Khung học phí vẫn giữ ổn định như năm học 2020-2021 do địa phương ban hành.

b) Khung học phí năm học 2022-2023:

- Khung học phí (mức sàn - mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non (GDMN), giáo dục phổ thông (GDPT) công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2022 – 2023			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 650	Từ 300 đến 650
Nông thôn	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 270	Từ 200 đến 330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 170	Từ 100 đến 220

- Mức trần của khung học phí đối với cơ sở GDMN, GDPT công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng 2 lần mức trần học phí của cơ sở GDMN, GDPT công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

- Mức trần của khung học phí đối với cơ sở GDMN, GDPT công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Tối đa bằng 2,5 lần mức trần học phí của cơ sở GDMN, GDPT công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

c) Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm.

2. Đối với học phí giáo dục đại học công lập

a) Mức trần học phí năm học 2021 - 2022:

Được áp dụng bằng mức trần học phí của các cơ sở giáo dục đại học công lập do Nhà nước quy định áp dụng cho năm học 2020 - 2021.

b) Học phí từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 như sau:

- Mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

Khối ngành	Năm học 2022 -2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.250	1.410	1.590	1.790
Khối ngành II: Nghệ thuật	1.200	1.350	1.520	1.710
Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.250	1.410	1.590	1.790
Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	1.350	1.520	1.710	1.930
Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.450	1.640	1.850	2.090
Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	1.850	2.090	2.360	2.660
Khối ngành VI.2: Y dược	2.450	2.760	3.110	3.500
Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	1.200	1.500	1.690	1.910

- Cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Mức học phí được xác định tối đa bằng 2 lần mức trần học phí của cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên tương ứng với từng khối ngành và từng năm học.

- Cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Mức học phí được xác định tối đa bằng 2,5 lần mức trần học phí của cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên tương ứng với từng khối ngành và từng năm học.

3. Đối với học phí giáo dục nghề nghiệp công lập

a) Mức trần học phí năm học 2021 - 2022:

Được áp dụng bằng mức trần học phí của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập do Nhà nước quy định áp dụng cho năm học 2020 - 2021.

b) Học phí từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 như sau:

- Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh	1.248	1.328	1.360	1.600
2	Khoa học, pháp luật và toán	1.326	1.411	1.445	1.700
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870	1.992	2.040	2.400
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	1.794	1.909	1.955	2.300
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	1.287	1.370	1.400	1.650
6	Sức khỏe	2.184	2.324	2.380	2.800
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	1.560	1.660	1.700	2.000
8	An ninh, quốc phòng	1.716	1.820	1.870	2.200

- Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Mức học phí tối đa không quá 2 lần so với mức học phí của cơ sở chưa tự bảo đảm chi thường xuyên;

- Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Được chủ động xây dựng và quyết định mức học phí theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản khác có liên quan;

- Đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao (kể cả chương trình chuyển giao từ nước ngoài đối với giáo dục nghề nghiệp) các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động quyết định mức học phí của chương trình đó trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật bảo đảm đủ bù đắp chi phí đào tạo, có tích lũy và thực hiện việc công khai trước khi tuyển sinh;

- Đối với các chương trình đào tạo đã đạt chuẩn kiểm định tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đảm bảo một phần chi thường xuyên và cơ sở giáo dục nghề nghiệp do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên mức học phí tối đa không quá 2,5 lần so với mức học phí của cơ sở chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.



PHỤ LỤC 02

Đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

(Kèm Công văn số 1563/BGDĐT-KHTC ngày 11/4/2023 của Bộ GDĐT)

I. Đề xuất lộ trình học phí

1. Đối với học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập

a) *Khung học phí năm học 2022-2023 giữ ổn định như năm học 2021-2022:*

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần khung học phí hoặc mức học phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành năm học 2021 - 2022 đối với từng cấp học và từng khu vực thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương.

b) *Khung học phí từ năm học 2023-2024:*

- Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Bộ GDĐT đề xuất không quy định Mức sàn học phí vì hiện nay nhiều địa phương vùng địa bàn khó khăn (Lai Châu, Điện Biên, Cao Bằng, Kiên Giang...) đang quy định thấp hơn mức sàn học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Mức trần đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên bằng mức trần năm học 2022-2023 tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2023 - 2024			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	540	540	650	650
Nông thôn	220	220	270	330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	110	110	170	220

Từ năm học 2024-2025, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức học phí điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hằng năm.

- Đối với cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Cơ sở giáo dục xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, trình Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt mức thu học phí.

2. Học phí đối với giáo dục đại học công lập

a) Mức trần học phí đối với các khối ngành đào tạo trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên

Do thực hiện Nghị quyết số 165/2022/NQ-CP nên mức học phí năm học 2022-2023 giữ bằng mức học phí của năm học 2021-2022, không thực hiện theo trần học phí năm học 2022-2023 đã quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP (chậm lại 01 năm học).

Vì vậy, Bộ GDĐT đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 81 theo hướng lùi thêm 01 năm so với lộ trình cũ tại Nghị định 81 (đến năm học 2026-2027) để bảo đảm mức tăng phù hợp, giữ bình ổn thị trường và hỗ trợ phụ huynh, học sinh.

Trần học phí từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2026 - 2027 như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Khối ngành	Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026		Năm học 2026-2027	
	Mức thu	Mức tăng so với năm trước	Mức thu	Mức tăng so với năm trước	Mức thu	Mức tăng so với năm trước	Mức thu	Mức tăng so với năm trước	Mức thu	Mức tăng so với năm trước
Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	980	0%	1.250	28%	1.410	13%	1.590	13%	1.790	13%
Khối ngành II: Nghệ thuật	1.170	0%	1.200	3%	1.350	13%	1.520	13%	1.710	13%
Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	980	0%	1.250	28%	1.410	13%	1.590	13%	1.790	13%
Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	1.170	0%	1.350	15%	1.520	13%	1.710	13%	1.930	13%
Khối ngành V: Toán, thống kê máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.170	0%	1.450	24%	1.640	13%	1.850	13%	2.090	13%
Khối ngành VI.1: Các khối ngành sức khỏe khác	1.430	0%	1.850	29%	2.090	13%	2.360	13%	2.660	13%
Khối ngành VI.2: Y dược	1.430	0%	2.450	71%	2.760	13%	3.110	13%	3.500	13%

Khối ngành	Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026		Năm học 2026-2027	
	Mức thu	Mức tăng so với năm trước	Mức thu	Mức tăng so với năm trước	Mức thu	Mức tăng so với năm trước	Mức thu	Mức tăng so với năm trước	Mức thu	Mức tăng so với năm trước
Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	980	0%	1.200	22%	1.500	25%	1.690	13%	1.910	13%

b) Cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Mức học phí được xác định tối đa bằng 2 lần mức trần học phí của cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên tương ứng với từng khối ngành và từng năm học (giữ theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP).

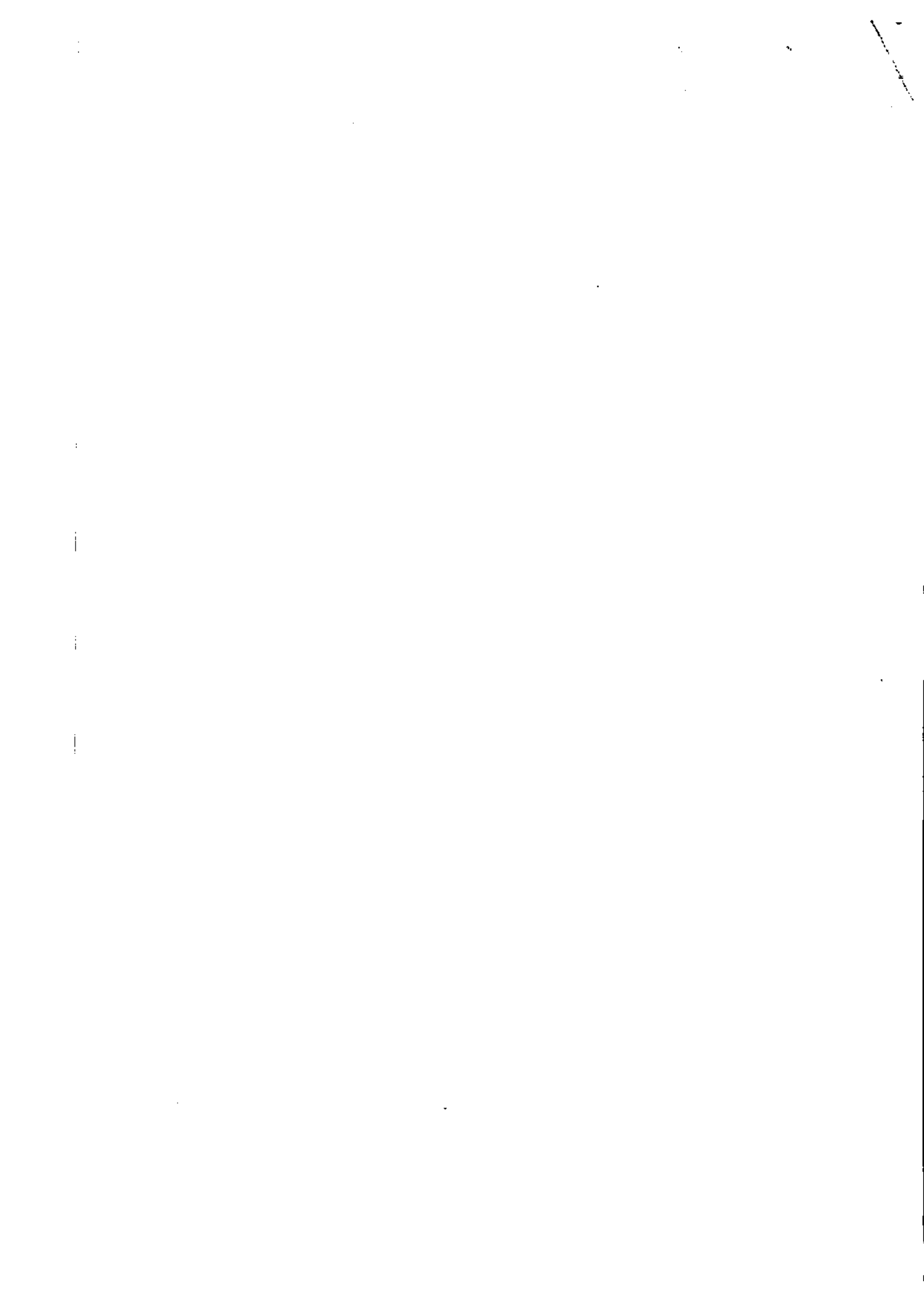
c) Cơ sở giáo dục đại học công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Mức học phí được xác định tối đa bằng 2,5 lần mức trần học phí của cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên tương ứng với từng khối ngành và từng năm học (giữ theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP).

3. Học phí đối với giáo dục nghề nghiệp công lập: Bộ GDĐT sẽ tổng hợp ý kiến của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội để báo cáo Chính phủ trong quá trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

II. Đánh giá lộ trình học phí đề xuất đến chỉ số giá tiêu dùng CPI hằng năm

Học phí năm học 2022-2023 (từ tháng 09/2022 đến tháng 08/2023): Ngày 20/12/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 165/NQ-CP về học phí của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023, theo đó Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 bằng mức học phí năm học 2021- 2022. Vì vậy, mức học phí của các cơ sở giáo dục công lập năm học 2022-2023 sẽ giữ ổn định như năm học 2021-2022 (đến hết tháng 08/2023) nên không tác động đến chỉ số CPI 08 tháng đầu năm 2023.

- Học phí từ năm học 2023-2024 (từ tháng 09/2023): Bộ GDĐT sẽ tiếp tục phối hợp với Tổng cục Thống kê và các đơn vị liên quan đánh giá tác động đến chỉ số CPI hằng năm trong quá trình đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀ
CÔNG TÁC HSSV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 344 /GDCTHSSV

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2022

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của
Chính phủ

Kính gửi: Vụ Kế hoạch - Tài chính

Phúc đáp Công văn số 579/KHTC ngày 16/5/2023 của Vụ Kế hoạch - Tài chính về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên sau khi nghiên cứu các dự thảo có ý kiến như sau.

1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ

- Phân căn cứ Nghị quyết 19-NQ/TW nên chuyển lên phân căn cứ pháp lý.

- Phân căn cứ thực tiễn nên làm rõ nội dung về lộ trình, mức tăng học phí được quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP đã được tính toán trên cơ sở khoa học phù hợp với khả năng chi trả của người dân và hỗ trợ các cơ sở đào tạo có đủ nguồn thu để bù đắp các khoản chi. Tuy nhiên, do dịch bệnh nên lộ trình này không thể thực hiện đúng quy định vì vậy nếu không điều chỉnh lộ trình phù hợp, các cơ sở đào tạo không thể đáp ứng được khả năng cân đối các khoản thu, chi.

2. Về dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 81

Tại khoản 5, sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 đề nghị sửa cụm từ “*có nơi thường trú*” thành “*có cha, mẹ hoặc người giám hộ thường trú*”, tránh trường hợp học sinh chuyển hộ khẩu sang nhà người thân để hưởng chính sách.

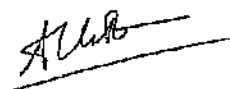
Trên đây ý kiến của Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên về hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Ngô Thị Minh (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Lưu: Vụ GDCTHSSV.

**KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân An Việt

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 474 /GDĐH

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

BỘ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 4499. Ngày nhận: 29/5.....	
VT Đạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp: <input checked="" type="checkbox"/>
PVT Tùng	

Kính gửi: Vụ Kế hoạch - Tài chính

Vụ Giáo dục Đại học nhận được công văn số 579/KHTC ngày 16/5/2023 của Vụ Kế hoạch - Tài chính về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Dự thảo Nghị định). Sau khi nghiên cứu, Vụ Giáo dục Đại học có ý kiến như sau:

Về cơ bản Vụ Giáo dục Đại học thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định và Tờ trình Thủ tướng Chính phủ do Vụ Kế hoạch Tài chính chủ trì soạn thảo. Tuy nhiên để hoàn thiện Vụ Giáo dục Đại học có một số ý kiến cụ thể như sau:

1. Đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ

- Đối với phần căn cứ và sự cần thiết sửa đổi, bổ sung Nghị định đề nghị Vụ Kế hoạch - Tài chính rà soát tập chung báo cáo các vấn đề liên quan trực tiếp đến các nội dung đã đưa vào dự thảo Nghị định. Hiện nay vẫn còn một số nội dung nêu lên nhưng chưa được xem xét sửa đổi lần này.

- Đối với các nội dung đánh giá tác động của chính sách đề xuất đề nghị Vụ tham khảo, bổ sung ý kiến đánh giá tác động của Tổng cục thống kê liên quan đến việc tăng chỉ số nằm trong phạm vi cho phép. Riêng đối với phần đánh giá tác động đến người học đề nghị Vụ tách riêng phần đánh giá tác động của giáo dục nghề nghiệp và tác động của giáo dục đại học (Hiện nay đang ghép vào 1 nội dung).

2. Đối với nội dung dự thảo Nghị định

Vụ Giáo dục Đại học nhất trí việc lùi thời gian thực hiện một năm như trong dự thảo, đảm bảo việc tăng học phí không quá đột ngột (do trong năm 2021 và năm 2022 các cơ sở giáo dục đại học không được tăng học phí), đồng thời đảm bảo khả năng chi trả của người học.

Vụ Giáo dục Đại học gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp và báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TTr Hoàng Minh Sơn (để báo cáo);
- Vụ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: GDĐH.

**KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Thu Thủy

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 836 /QLCL-HCTH
V/v phúc đáp Công văn số 579/KHTC-TC
ngày 16/5/2023 góp ý hồ sơ dự thảo sửa đổi
Nghị định số 81/2021

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Vụ Kế hoạch – Tài chính

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 4421. Ngày nhận: 20/5/2023	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>Chị A</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>Chị B</i>
PVT Tùng	

Phúc đáp 579/KHTC-TC ngày 16/5/2023 của Quý Vụ về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Cục Quản lý chất lượng có ý kiến như sau:

1. Nên có tỷ lệ tăng học phí từ năm học 2023-2024 cho các nhóm trường chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, hiện tại nhóm này đang gặp khó khăn .
2. Nên có mức học phí cho mỗi từng khung mức đạt bảo đảm chất lượng kiểm định: Đạt mức cao, trung bình và thấp rất khác nhau về chất lượng
3. Nên thống nhất sử dụng cụm từ “nơi thường trú” thay cho cụm từ “hộ khẩu thường trú” trong toàn văn bản.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Hoàng Minh Sơn (đề b/c);
- Lưu: VT, HCTCH.

Chị A

CỤC TRƯỞNG

Huỳnh Văn Chương

Huỳnh Văn Chương

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ VÀ
CÔNG TÁC HSSV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 344 /GDCTHSSV

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2022

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của
Chính phủ

Kính gửi: Vụ Kế hoạch - Tài chính

BỘ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 1205. Ngày nhận: 20/5	
VT Đạm	CV chủ trì: C. Quỳ
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Phúc đáp Công văn số 579/KHTC ngày 16/5/2023 của Vụ Kế hoạch - Tài chính về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên sau khi nghiên cứu các dự thảo có ý kiến như sau.

1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ

- Phần căn cứ Nghị quyết 19-NQ/TW nên chuyển lên phần căn cứ pháp lý.
- Phần căn cứ thực tiễn nên làm rõ nội dung về lộ trình, mức tăng học phí được quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP đã được tính toán trên cơ sở khoa học phù hợp với khả năng chi trả của người dân và hỗ trợ các cơ sở đào tạo có đủ nguồn thu để bù đắp các khoản chi. Tuy nhiên, do dịch bệnh nên lộ trình này không thể thực hiện đúng quy định vì vậy nếu không điều chỉnh lộ trình phù hợp, các cơ sở đào tạo không thể đáp ứng được khả năng cân đối các khoản thu, chi.

2. Về dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 81

Tại khoản 5, sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 đề nghị sửa cụm từ “*có nơi thường trú*” thành “*có cha, mẹ hoặc người giám hộ thường trú*”, tránh trường hợp học sinh chuyển hộ khẩu sang nhà người thân để hưởng chính sách.

Trên đây ý kiến của Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên về hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Ngô Thị Minh (đề b/c);
- Vụ trưởng (đề b/c);
- Lưu: Vụ GDCTHSSV.

**KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân An Việt

Số: 401 /GDTX

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2023

V/v về việc cung cấp thông tin báo cáo

Bộ GD&ĐT theo Thông báo số 176/TB-VPCP	
Văn thư số 401	Ngày nhận 25/5/23
VT Đạm	CV chủ trì: <i>[Signature]</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>[Signature]</i>
PVT Tùng	

Kính gửi: Vụ Kế hoạch - Tài chính

Vụ GDTX nhận được Công văn số 586/KHTC-TC ngày 19/5/2023 của Vụ Kế hoạch - Tài chính về việc cung cấp thông tin báo cáo theo Thông báo số 176/TB-VPCP ngày 15/5/2023, Vụ GDTX xin cung cấp thông tin làm cơ sở hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định 81), cụ thể như sau;

1. Về các khoản thu, mức thu đối với các chương trình GDTX trong các cơ sở GDTX

Hiện nay, Nghị định 81 mới chỉ quy định mức thu học phí đối với Chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT là tương đương với mức thu như học sinh phổ thông cùng cấp học. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 44 Luật Giáo dục 2019, Trung tâm GDTX và Trung tâm GDNN-GDTX thực hiện các nhiệm vụ, chương trình: *Chương trình xóa mù chữ; Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ; Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; Chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT và liên kết đào tạo, phối hợp đào tạo theo các văn bản quy phạm pháp luật khác do Bộ GD&ĐT ban hành.*

Do vậy, trong dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định 81 cần bổ sung quy định về mức thu, nguyên tắc thu đối với các chương trình này, cụ thể như sau:

- Đối với *Chương trình xóa mù chữ* được ngân sách đảm bảo toàn bộ chi phí, mức chi theo thực tế chi phí tại các địa phương được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

- *Mức thu học phí đối với Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ; Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; dịch vụ giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, cấp chứng chỉ, chứng nhận phù hợp với ngành, lĩnh vực đào tạo của mỗi cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật được cơ sở giáo dục thường xuyên chủ động tính toán, quy định mức thu theo sự đồng thuận giữa người học và cơ sở giáo dục, đảm bảo tính công khai, minh bạch và giải trình với người học và xã hội (quy định như khoản 6 Điều 11. Học phí đối với cơ sở giáo dục đại học thuộc phân mức thu học phí đối với các chương trình GDTX)*

Do chưa có quy định cụ thể về mức thu, nguyên tắc thu các chương trình GDTX nêu trên, điều này đã gây khó khăn, cho các Sở GD&ĐT tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân trong việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân liên quan tới cơ chế thu, quản lý học phí đối với các Trung tâm GDTX, Trung

tâm GDNN-GDTX. Việc thiếu quy định đã dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn đối với các trung tâm khi thu các khoản thu không có căn cứ pháp lý; nhiều trung tâm không tổ chức đầy đủ và hết các chức năng, nhiệm vụ được giao trong Luật Giáo dục cũng như các văn bản quy phạm pháp luật giao. Một số địa phương khi Bộ GDĐT đi kiểm tra đã có kiến nghị bổ sung quy định này đối với Trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN-GDTX như: Đồng Nai, Bình Dương, Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên, Bình Định... và nhiều Trung tâm đã có kiến nghị về vấn đề này.

2. Mô hình trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN-GDTX là mô hình cơ sở giáo dục thường xuyên, đáp ứng nhu cầu cần gì học nấy, thúc đẩy học tập suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập từ cơ sở. Việc thiếu các quy định về các mức thu các Chương trình GDTX được giao trong Luật Giáo dục vô hình dung không những hạn chế cho các trung tâm cung ứng các khóa học tập cho người dân mà còn làm mất đi cơ hội học tập của người dân thông qua mô hình cơ sở giáo dục này.

Vụ GDTX đề nghị Vụ KHTC tổng hợp, tham mưu và bổ sung các nội dung nêu trên trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81 và báo cáo Lãnh đạo Bộ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Vụ GDTX.

VỤ TRƯỞNG



Hoàng Đức Minh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 817/QLCL-HCTH
V/v cung cấp thông tin báo cáo
theo Thông báo số 176/TB-VPCP
ngày 15/5/2023

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2023

Kính gửi: Vụ Kế hoạch - Tài chính

Phúc đáp Công văn số 586/KHTC-TC ngày 19/5/2023 của Quý Vụ về việc cung cấp thông tin báo cáo theo Thông báo số 176/TB-VPCP ngày 15/5/2023, Cục Quản lý chất lượng đã rà soát Thông báo số 176 và không có nội dung cần cung cấp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

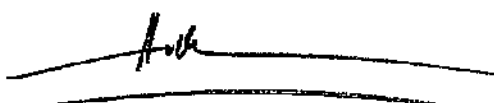
Cục trân trọng thông báo để Quý Vụ được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Hoàng Minh Sơn (để b/c);
- Lưu: VT, HCTH.

HTA

CỤC TRƯỞNG



Huỳnh Văn Chương

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 472 Ngày nhận 26/5/23	
VT Đạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1393 /SGDĐT-VP

Bình Phước, ngày 09 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung Nghị định số

81/2021/NĐ-CP	
Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 2782 Ngày nhận: 10/5	
VT Đạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;

Thực hiện Công văn số 1447/UBND-KGVX ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc triển khai Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, dự thảo báo cáo Thủ tướng Chính phủ về rà soát lộ trình học phí để áp dụng từ năm học 2023-2024 và dự thảo Tờ trình Chính phủ về việc xây dựng Nghị định do Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo kèm theo Công văn số 1961/BGDĐT-KHTC ngày 04/5/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước tại Công văn số 766/SLĐT BXH-LĐVL ngày 08/5/2023 và sau khi nghiên cứu các dự thảo; Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất nội dung 03 dự thảo nói trên do Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo; thống nhất ý kiến giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp Bộ Lao động-TB&XH và các đơn vị có liên quan nghiên cứu đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP về khung học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập nên giữ nguyên mức sàn – mức trần và giảm mức sàn so với Nghị định 81/2021/NĐ-CP. Cụ thể:

2.1. Tại điểm a khoản 1 Điều 1 (dự thảo) điều chỉnh thành:

“a) Khung học phí (mức sàn-mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2023-2024			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông

Thành thị	Từ 100 đến 540	Từ 100 đến 540	Từ 120 đến 650	Từ 150 đến 650
Nông thôn	Từ 60 đến 220	Từ 60 đến 220	Từ 80 đến 270	Từ 100 đến 330
Vùng dân tộc và miền núi	Từ 40 đến 110	Từ 40 đến 110	Từ 60 đến 170	Từ 100 đến 220

2.1. Tại đoạn cuối khoản 1 Điều 1 (dự thảo) cụm từ “*Từ năm học 2023-2024 trở đi*” điều chỉnh thành “*Từ năm học 2024-2025 trở đi*”.

2.3. Bổ sung thêm vào (dự thảo) điều, khoản cấp bù học phí. Cụ thể:

Ngân sách nhà nước có trách nhiệm cấp bù trực tiếp học phí cho các cơ sở giáo dục công lập để thực hiện việc miễn, giảm và không thu học phí với người học thuộc các đối tượng quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16 và Điều 17 Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

3. Đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (*Sở Lao động – Thương binh và Xã hội góp ý*)

- Thống nhất ý kiến giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp Bộ Lao động-TB&XH và các đơn vị có liên quan nghiên cứu đề xuất Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Đối với 3 Phụ lục (1.2.3) liên quan mức thu học phí thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp kèm theo Công văn 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đề xuất mức thu học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở GDNN lùi 01 năm so với lộ trình học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (*áp dụng mức thu học phí của năm 2022-2023*). Lý do: Hiện tỷ lệ lạm phát của Việt Nam hàng năm vào khoảng 4-6%, bên cạnh đó năm 2023 tình hình kinh tế xã hội sau dịch đến nay vẫn chưa phục hồi, đời sống nhân dân khó khăn, nhiều doanh nghiệp ít đơn đặt hàng nên giảm thời gian làm việc và nhiều lao động phải nghỉ việc do không có đơn hàng, vì vậy áp dụng mức này là phù hợp.

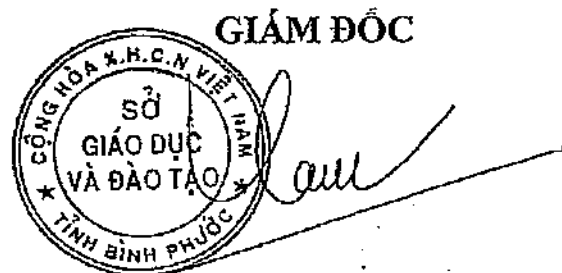
Trên đây là nội dung góp ý 03 dự thảo và đề xuất xây dựng Nghị định, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Ban giám đốc;
- Lưu Văn thư, VP (nmt).

keo



Lý Thanh Tâm

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1126/SGDDĐT-KHTC

Gia Lai, ngày 08 tháng 5 năm 2023

V/v đề xuất xây dựng Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 216 Ngày nhận: 10/5	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>C. Duy</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>C. Duy</i>
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo để áp dụng từ năm học 2022-2023;

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu các phụ lục báo cáo rà soát và đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí, mức thu học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Sở Giáo dục và Đào tạo về cơ bản thống nhất với nội dung phụ lục.

***Kiến nghị đề xuất:**

- Năm học 2023-2024 tiếp tục giữ nguyên bằng mức thu học phí năm học 2022-2023.

- Cần bổ sung, điều chỉnh **Mức sàn học phí** đối với Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

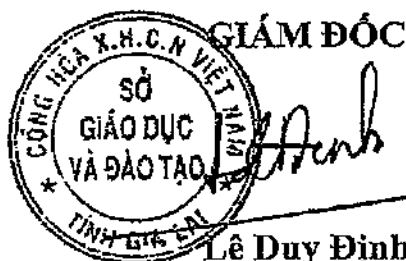
Vùng	Năm học 2022 - 2023			
	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Từ 30 đến 110	Từ 30 đến 110	Từ 30 đến 170	Từ 50 đến 220

Vì hiện nay cha mẹ học sinh vùng dân tộc thiểu số gặp rất nhiều khó khăn trong việc đóng học phí cho các em, đa số phụ huynh học sinh thu nhập chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp và lao động tự do công việc không ổn định.

Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp trình Chính phủ./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.



Lê Duy Định

UBND TỈNH NAM ĐỊNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 743 /SGDDĐT - KHTC
V/v đề xuất xây dựng Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Nam Định, ngày 08 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số. 2203, Ngày nhận. 10/5	
VT Dạm	CV chủ trì:
CV Tỉnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Văn bản số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị địa phương cho ý kiến về đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

Qua nghiên cứu văn bản số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung các phụ lục số 01,02, 03 gửi kèm, Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định trân trọng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo ý kiến đề xuất như sau:

- Thời gian hiệu lực của Nghị định 81/2021/NQ-CP đã được 02 năm (từ tháng 8/2021). UBND các tỉnh đã tham mưu cho HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để triển khai thực hiện và đã điều chỉnh một lần theo quy định Nghị quyết 165/NQ-CP. Vì vậy, để ổn định mức học phí làm cơ sở thu và quản lý cho các cơ sở giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định trân trọng đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì tham mưu cho Chính phủ giữ nguyên khung học phí đã quy định tại Nghị định 81/2021.NĐ-CP, riêng Vùng dân tộc thiểu số và miền núi giữ nguyên mức trần và bỏ mức sàn đã quy định.

- Học phí nguồn sự nghiệp chủ yếu và là nguồn thu thực hiện trích lập tối thiểu 40% để tạo nguồn cải cách tiền lương trong các cơ sở giáo dục công lập. Vì vậy, để các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các cơ sở giáo dục chủ động, kịp thời cho công tác xây dựng kế hoạch ngân sách, kế hoạch thu, chi nguồn thu sự nghiệp và thực hiện chính sách miễn giảm học phí với người học hàng năm. Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định trân trọng đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị quyết về học phí kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong năm học và có thời gian hiệu lực ổn định, phù hợp với thời kỳ ổn định giao dự toán NSNN hàng năm cho các cơ sở giáo dục (5 năm).

Sở Giáo dục và Đào tạo trân trọng báo cáo././

- Nơi nhận:
- Như trên;
 - UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Cao Xuân Hùng

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 682 /SGDĐT-KHTC

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý, hoàn thiện Hồ sơ đề xuất
sửa đổi Nghị định 81/2021

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 3817. Ngày nhận: 12/5/23	
VT Đạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phê duyệt:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Công văn số 1961/BGDĐT-KHTC ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc tham dự hội nghị góp ý, hoàn thiện Hồ sơ đề xuất sửa đổi Nghị định 81/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Sau khi nghiên cứu dự thảo báo cáo rà soát và điều chỉnh lộ trình học phí áp dụng năm học 2023-2024 cũng như dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 81/2021.

Sở GDĐT cơ bản thống nhất theo các dự thảo, tuy nhiên Sở GDĐT Đồng Tháp đề nghị Bộ GDĐT xem xét một số nội dung như sau:

1/ Điều chỉnh giảm mức sản thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Nghị định 81/2021.

2/ Xem xét điều chỉnh đối tượng được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập tại Nghị định 81/2021 giống như đối tượng chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo tại Nghị định 105/2020 quy định Chính sách phát triển giáo dục mầm non:

Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3/ Nếu không điều chỉnh đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tại Nghị định 81/2021 theo đề nghị tại mục 2 Công văn này thì đề nghị điều chỉnh khoản 3 Điều 18 giống như khoản 4 Điều 15 tại Nghị định 81/2021.

4/ Học viên học tại trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật có 02 đối tượng:

a. Trẻ khuyết tật thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo đang hưởng chế độ học bổng và hỗ trợ chi phí học tập theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC.

b. Trẻ khuyết tật không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thì Sở GDĐT tổng hợp đề xuất Sở Tài chính theo khoản 2 Điều 18 Nghị định 81/2021, Tuy nhiên Sở Tài chính không chấp thuận với lý do có sự trùng lặp đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. *"4. Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng hưởng chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị định này với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện có mức hỗ trợ cao hơn thì được hưởng theo mức hỗ trợ cao hơn quy định tại văn bản pháp luật khác."*

Sở GDĐT Đồng Tháp đề xuất một số ý kiến sửa đổi Nghị định 81/2021 gửi Bộ GDĐT xem xét và kính nhờ Bộ GDĐT có văn bản trả lời về chính sách đối với học viên học tại Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thì có được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021 không.

Rất mong sớm nhận được sự phản hồi bằng văn bản của Bộ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, T, 02b.

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
Nguyễn Thúy Hà

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1646/SGDDĐT-KHTC

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2023

V/v ý kiến dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 280/ ngày nhận: 10/5	
VT Đám	CV chủ trì:
PVT Thịnh
PVT Tùng	CV phối hợp:

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019,

Căn cứ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

Căn cứ tình hình thực tế triển khai Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ trên đại bàn tỉnh. Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang có ý kiến như sau:

Cơ bản thống nhất dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Tuy nhiên, kiến nghị Bộ GDĐT xem xét điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau nhằm phù hợp với tình hình thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tham mưu, triển khai, cụ thể:

1. Đối với khung học phí: Cần xem xét quy định mức sàn - mức trần tương tự Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, trên cơ sở đó các Sở GDĐT sẽ trình Ủy ban nhân dân đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt mức thu học phí đúng theo quy định tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Về lộ trình thực hiện học phí: Cần xem xét giữ theo lộ trình đã được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP nhằm đảm bảo nguồn kinh phí để các đơn vị sự nghiệp công thực hiện được lộ trình tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ¹.

3. Xem xét mở rộng đối tượng miễn học phí Điều 15 như sau:

- Bổ sung đối tượng "hộ cận nghèo" vào đối tượng được miễn học phí. Lý do: Đối tượng thuộc hộ cận nghèo và hộ nghèo có khoảng cách về điều kiện kinh tế không xa. Do vậy, theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đối tượng hộ cận nghèo được giảm 50% học phí nhưng việc thu đúng, đủ thường không thể thực hiện được 100% đối với học sinh thuộc đối tượng này; Nếu đối tượng "hộ cận nghèo" được miễn học phí,

¹ Nghị định quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

ngoài việc giảm bớt gánh nặng cho người dân có điều kiện kinh tế khó khăn, các cơ sở giáo dục sẽ đảm bảo thu đúng, đủ 100% các học sinh có điều kiện nên, không bị thất thoát nguồn học phí do không thu được.

- Ngoài các đối tượng được miễn học phí đã quy định tại Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Cần cho phép đối tượng có cha hoặc mẹ, hoặc người đỡ đầu (trong trường hợp không ở với cha, mẹ) là can, phạm.

Nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho con các can, phạm được tham gia học tập, sinh hoạt tại các cơ sở giáo dục công lập. Do hầu hết các đối tượng này không có điều kiện về kinh tế tham gia học tập tại cơ sở giáo dục công lập.

b) Xem xét điều chỉnh, bổ sung Điều 9 như sau:

- Bổ sung cụm từ “**cơ sở giáo dục thường xuyên**” vào điểm a khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Khung học phí từ năm học 2023-2024 trở đi

a) Khung học phí (mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

...”

Lý do: Nhằm đảm bảo quy định đầy đủ các đối tượng phải đóng học phí khi tham gia học tập tại đơn vị sự nghiệp công chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

- Bổ cụm từ “**cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập**” tại khoản b, c, d, cụ thể:

“b) Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Tối đa bằng 2 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này;

“c) Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Tối đa bằng 2,5 lần mức trần học phí tại điểm a khoản này;”

Lý do: Sử dụng từ “**cơ sở giáo dục công lập**” để bao gồm luôn cả Trung tâm Giáo dục thường xuyên. Hiện nay, có khá nhiều Trung tâm Giáo dục thường xuyên trực thuộc các Sở Giáo dục và Đào tạo là đơn tự đảm bảo chi thường xuyên nhưng trong Nghị định không nêu. Từ đó các Trung tâm không thực hiện được việc thu học phí tương tự các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn, dẫn đến không đủ kinh phí phục vụ cho công tác dạy – học, hoạt động cho các lớp hệ giáo dục thường xuyên tại đơn vị.

- Ngoài ra, đối với các cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo: Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào

tạo xem xét, hướng dẫn cụ thể việc xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí.

Lý do: Hiện nay để thực hiện phải căn cứ vào Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo². Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT có nêu những căn cứ sau:

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP.

Theo pháp lý thì các Nghị định này đã hết hiệu lực, được thay thế bởi Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021³ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021⁴. Do vậy sẽ không đảm bảo về cơ sở pháp lý để các cơ sở giáo dục thuộc điểm d khoản 3 Điều 9 xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí theo Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Trên đây là ý kiến góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC



Trần Thị Ngọc Diễm

² Thông tư hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo

³ Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

⁴ Nghị định quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo

UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 618 /SGD&ĐT-KHTC
V/v tham gia ý kiến dự thảo báo cáo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đề
xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ
sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

Phú Thọ, ngày 04 tháng 05 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 3635 Ngày nhận 05/5/23	
VT Dạm	CV chỉ trì: <i>C. Q. T.</i>
PVT Thịnh <input checked="" type="checkbox"/>	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ; sau khi nghiên cứu dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023); Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ có ý kiến như sau:

1. Việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP là cần thiết và đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP là phù hợp.

2. Đối với đề xuất chỉ quy định mức trần, không quy định mức sàn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên để các địa phương chủ động xây dựng mức thu học phí trên địa bàn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, tránh tăng mức thu học phí đột biến (nếu quy định mức sàn) là phù hợp.

3. Đối với đề xuất quy định cơ sở giáo dục tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, trình UBND cấp tỉnh để đề nghị HĐND cấp tỉnh xem xét, phê duyệt mức thu học phí là phù hợp.


4. Việc Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP theo hướng lùi thêm 01 năm so với lộ trình cũ để bảo đảm mức tăng phù hợp, giữ ổn định thị trường và hỗ trợ phụ huynh, học sinh là cần thiết.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, hoàn thiện báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- GE, các PGD Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Mạnh

UBND TỈNH KON TUM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 818 /SGDĐT-KHTC
Về việc góp ý đề xuất xây dựng
Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị
định số 81/2021/NĐ-CP của
Chính phủ

Kon Tum, ngày 08 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 3678	Ngày nhận 08/5/23
VT Đạm	CV chủ trì
PVT Thịnh	CV phối hợp
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Văn bản số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

Ngày 04/5/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum giao Sở Giáo dục và Đào tạo¹ chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị có liên quan có ý kiến về đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và tham gia góp ý theo đề nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo đó, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Văn bản số 802/SGDĐT-KHTC ngày 04/5/2023 về việc góp ý dự thảo đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP gửi đến các địa phương, đơn vị có liên quan lấy ý kiến góp ý.

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp ý kiến góp ý của các địa phương, đơn vị có liên quan, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với Dự thảo báo cáo đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại phụ lục 01, phụ lục 02 và phụ lục 03 đính kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tham mưu Chính phủ bổ sung chính sách hỗ trợ phù hợp cho đối tượng nhà trẻ dưới 03 tuổi trong các cơ sở giáo dục mầm non ở vùng đặc biệt khó khăn, đặc biệt là đối tượng vùng đồng bào dân tộc thiểu số để tạo điều kiện cho các em tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục công lập.

3. Đề nghị điều chỉnh, bổ sung tháo gỡ những bất cập trong thủ tục gửi hồ sơ rút dự toán KBNN đối với kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí:

Tại Điểm b, Khoản 1, Điều 21 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định: "**b) Cơ sở giáo dục công lập gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hồ sơ rút dự toán bao gồm: (i) Quyết định giao dự toán của cơ quan có thẩm quyền giao đối với kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí; (ii) Quyết định phê duyệt danh sách được hưởng chế độ miễn, giảm học phí của cơ sở giáo dục công lập kèm danh sách, tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (gồm các nội dung: Họ tên, đối tượng, tổng số học sinh thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường, mức thu học phí của nhà trường, mức học phí miễn, giảm và kinh phí đề nghị cấp bù) và toàn bộ hồ sơ xét duyệt các đối tượng được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; (iii) Giấy rút**

¹ Văn bản số 2451/VP-KGVX ngày 04/5/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tham gia đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

dự toán theo quy định để rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí. Kho bạc Nhà nước căn cứ Hồ sơ rút dự toán thực hiện kiểm soát và chuyển tiền vào tài khoản thu học phí của cơ sở giáo dục đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và không vượt quá dự toán do cơ sở giáo dục đề nghị rút”.

Vì vậy, khi thực hiện rút dự toán tại KBNN tỉnh Kon Tum, từng lần thanh toán (theo học kỳ hoặc theo năm học) đơn vị phải gửi hồ sơ kiểm soát chi theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP² gồm toàn bộ hồ sơ xét duyệt của học sinh, sinh viên. KBNN nơi giao dịch căn cứ vào hồ sơ của đơn vị thực hiện kiểm soát chi và chuyển tiền vào tài khoản thu học phí của cơ sở giáo dục. Nếu theo quy định trên thì đối với mỗi kỳ học (tương đương với 1 lần gửi hồ sơ rút dự toán kinh phí cấp bù) nhà trường phải yêu cầu học sinh, sinh viên cung cấp hồ sơ xét duyệt chế độ để làm căn cứ rút dự toán tại KBNN.

Tuy nhiên, tại Điểm d, Khoản 1, Điều 19 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn: *“Người học thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo”.* Bên cạnh đó, chỉ tiết thủ tục hành chính mã số: 1.005144, Quyết định số 3385/QĐ-BGDĐT quy định về thành phần hồ sơ gửi đề xét chế độ gồm: đơn đề nghị xét miễn, giảm (01 bản chính) và các bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí (01 bản sao).

Do vậy, để thống nhất trong thủ tục thanh toán với KBNN và tránh trường hợp yêu cầu học sinh, sinh viên phải gửi hồ sơ xét duyệt nhiều lần. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh và có hướng dẫn cụ thể để các cơ sở giáo dục thực hiện cho đồng bộ và thống nhất.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;
- Giám đốc, các PGĐ Sở GDĐT;
- Các đơn vị hành chính thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Trung

² Hồ sơ thủ tục thực hiện miễn giảm học phí được quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Bao gồm: Bản sao chứng thực: Giấy xác nhận khuyết tật; Giấy xác nhận đối tượng người có công; Giấy khai sinh và giấy xác nhận hộ nghèo hoặc cận nghèo do UBND xã cấp; Bằng tốt nghiệp THCS hoặc giấy xác nhận tốt nghiệp tạm thời...

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁵⁴² 7UBND-KGVX

V/v góp ý xây dựng Nghị định sửa
đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 5 năm 2023

Kính gửi:

Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 2785 Ngày nhận: 9/5	
VT Dựn	CV chủ trì: <i>C. Sỹ</i>
BĐT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn có ý kiến như sau:

1. Việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP là cần thiết và đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP là phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Việc Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP theo hướng lùi thêm 01 năm so với lộ trình cũ để hỗ trợ một phần khó khăn của các cơ sở giáo dục, giữ ổn định thị trường và hỗ trợ phụ huynh, học sinh là cần thiết.

3. Đối với Phụ lục 2 - Mức thu học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét điều chỉnh như sau:

- Tại ý b Mục 3. "Học phí từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026...": Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, bổ sung như sau: "*Mức trần học phí từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026...*".

- Tại gạch đầu dòng thứ 2, ý b, Mục 3. Đề nghị bổ sung như sau: "*Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Mức học phí tối đa không quá 2 lần so với mức trần học phí của cơ sở chưa tự đảm bảo chi thường xuyên quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 10*".

- Tại gạch đầu dòng thứ 5, Mục 3, ý b. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau: "*Đối với các chương trình đào tạo đã đạt chuẩn kiểm định tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đảm bảo một phần chi thường xuyên và cơ sở giáo dục nghề nghiệp do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên mức học phí tối đa không quá 2,5 lần so với mức trần học phí quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 10*".

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- C, PCVP UBND tỉnh,
các Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, KGVX(NTH).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đương Xuân Huyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2644/UBND-KGVX

Bến Tre, ngày 08 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 2.740 Ngày nhận: 01/5	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>E. D. up</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre có ý kiến đối với đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và góp ý dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

1. Đối với đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ:

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre thống nhất ý kiến về việc đề xuất Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập để báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành.

2. Góp ý dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (tại Phụ lục 1, 2 và 3 đính kèm Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC):

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu *bổ sung mức sàn học phí phù hợp* để làm cơ sở cho các địa phương ban hành mức thu học phí phù hợp với tình hình thực tế của các địa phương, đồng thời đảm bảo được mức thu học phí để các cơ sở giáo dục tiếp tục đầu tư trong giáo dục và có sự tương đồng giữa các tỉnh trong cùng khu vực.

Trên đây là ý kiến đối với đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và góp ý dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, S.



UBND TỈNH SƠN LA
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 859/SGDĐT-KHTC
V/v góp ý sửa đổi Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Sơn La, ngày 07 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 859/SGDĐT-KHTC ngày nhận: 9/5/2023	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>CĐ</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>CĐ</i>
Ngày: 27/4/2023 của Bộ	

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La tham gia ý kiến một số nội dung như sau:

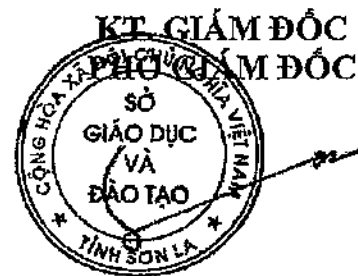
1. Sau khi nghiên cứu nội dung đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính Phủ tại Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La nhất trí với nội dung đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính Phủ.

2. Bổ sung nội dung quy định đối tượng miễn, giảm học phí đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông đang học trình độ trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông qua việc liên kết đào tạo giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với trung tâm giáo dục thường xuyên, vì hiện nay Nghị định số 81/2021/NĐ-CP chưa quy định rõ đối tượng này.

Trên đây là ý kiến tham gia đối với nội dung đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính Phủ, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh;
- Vụ KH-TC, Bộ GD&ĐT;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng chuyên môn của Sở;
- Lưu: VT, KH-TC.



Điền Thị Dân

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 661 /SGDDĐT-KHTC
V/v góp ý hồ sơ đề xuất xây dựng
Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định
số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
của Chính phủ

Ninh Bình, ngày 08 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 314/UBND-VP5	Ngày nhận: 9/5
V/P Đạm	CV chủ trì: <i>CĐ</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <input checked="" type="checkbox"/>
PVT Tùng	Căn cứ Văn bản số 314/UBND-VP5 ngày 08/5/2023 của UBND tỉnh về

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

việc tham gia ý kiến xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Văn bản số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu dự thảo đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình có ý kiến như sau:

1. Về đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành: Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình nhất trí với nội dung đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Về góp ý nội dung dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục 1, 2 và 3: Về cơ bản Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình nhất trí với các nội dung ghi trong báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ tình hình thực tiễn tại địa phương, Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình có ý kiến góp ý như sau:

Tại phụ lục 3. Đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất: "Từ năm học 2024-2025, Hội đồng nhân cấp tỉnh quyết định mức học phí điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm", nội dung này không thống nhất với phụ lục số 2 và dự thảo Tờ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung của Chính phủ là "Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm"

Đề nghị: Nên thống nhất nội dung đề xuất giữa các báo cáo.

3. Về góp ý dự thảo Tờ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và dự thảo Nghị định của Chính phủ: Khoản 1, Điều 1 của dự thảo Nghị quyết và điểm 2.1, Khoản 2, Mục IV của dự thảo Tờ trình quy định "Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội

của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định”.

Đề nghị:

- Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định rõ khung học phí từ năm học 2023-2024 do cấp có thẩm quyền nào quy định;

- Về nội dung điều chỉnh khung học phí từ năm học 2023-2024 trở đi căn cứ vào 4 yếu tố (điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm, khả năng chi trả của người dân), nhưng trong thực tế việc xác định một tỷ lệ % phù hợp trên cơ sở kết hợp cả 4 yếu tố trên chủ yếu dựa vào quan điểm tiếp cận, do vậy rất khó khăn cho các địa phương trong việc xác định, thẩm định, phê duyệt, đề nghị dự thảo Nghị định quy định rõ cách xác định nội dung này.

4. Kiến nghị

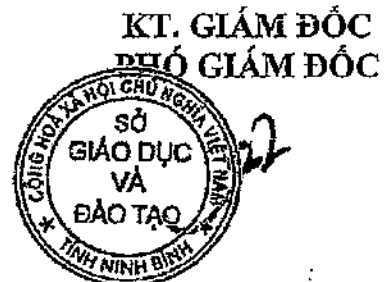
- Việc điều chỉnh mức học phí từ năm học 2024-2025 trở đi được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo (như nội dung quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP).

- Sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ để các địa phương có cơ sở kịp ban hành Nghị quyết quy định mức học phí áp dụng cho các cơ sở giáo dục từ năm học 2023-2024.

Sở Giáo dục và Đào tạo trân trọng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Ninh Bình;
- Lưu VT, KHTG.



Bùi Thị Khuyên

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 818/SGD&ĐT-KH

Cao Bằng, ngày 05 tháng 5 năm 2023

V/v tổng hợp ý kiến góp ý đối với nội dung đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ GD&ĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 818 Ngày nhận: 02/5/2023	
VT Đạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 1229/VP-VX ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc tham mưu nội dung góp ý đối với đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 1896/BGD&ĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các cơ quan liên quan gồm: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Ban dân tộc tỉnh. Sở GD&ĐT tổng hợp ý kiến các đơn vị và đề xuất nội dung về xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ; dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, như sau:

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo như sau:

1. Về đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - TB&XH và các cơ quan liên quan nghiên cứu đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Nhất trí.

2. Về quy định khung học phí từ năm học 2023-2024: Cơ bản các đơn vị của địa phương nhất trí với đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo dự thảo. Tuy nhiên, để có cơ sở xây dựng mức học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, và đảm bảo lộ trình giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cách thức để xác định mức học phí.

Đối với tỉnh Cao Bằng hiện nay đang trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết của tỉnh cho năm học 2023-2024, với mức học phí được giữ nguyên như mức tại Nghị quyết năm học 2022-2023 đã ban hành là bằng mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Đối với các tỉnh đang xây dựng dự thảo Nghị quyết năm học 2023-2024 như tỉnh Cao Bằng, đề nghị Bộ GD&ĐT sớm tham mưu để có sự chỉ đạo của Chính phủ.

3. Về điều chỉnh lộ trình thực hiện tăng học phí: Nhất trí.

Ngoài các nội dung trên Kho Bạc nhà nước tỉnh Cao Bằng có vướng mắc trong kiểm soát chi, cần đề xuất như sau:

Căn cứ tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định: *“Cơ sở giáo dục công lập gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hồ sơ rút dự toán bao gồm: (i) Quyết định giao dự toán của cơ quan có thẩm quyền giao đối với kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí; (ii) Quyết định phê duyệt danh sách được hưởng chế độ miễn, giảm học phí của cơ sở giáo dục công lập kèm danh sách, tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (gồm các nội dung: Họ tên, đối tượng, tổng số học sinh thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường, mức thu học phí của nhà trường, mức học phí miễn, giảm và kinh phí đề nghị cấp bù) và toàn bộ hồ sơ xét duyệt các đối tượng được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; (iii) Giấy rút dự toán theo quy định để rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí”*.

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định hồ sơ bao gồm: đơn đề nghị miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí, giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí, bản xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, sổ trợ cấp, bằng tốt nghiệp ... Với nhiều loại giấy tờ như vậy sẽ gây khó khăn và áp lực cho Kho bạc Nhà nước trong công tác kiểm soát chi, làm tăng thủ tục hành chính mà bản chất *“toàn bộ hồ sơ xét duyệt các đối tượng được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập”* là hồ sơ nghiệp vụ phát sinh tại đơn vị không thuộc thành phần hồ sơ lưu tại KBNN, Kho bạc cũng không có thẩm quyền xét duyệt và thẩm định hồ sơ, chỉ với vai trò kiểm soát chi khi chứng từ thanh toán qua KBNN. Trên đây là những vướng mắc khi kiểm soát chi các đơn vị thuộc khối Giáo dục theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP qua KBNN Cao Bằng. Đề nghị Bộ giáo dục sửa đổi thủ tục thanh toán qua KBNN cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước./.

Với các nội dung trên, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo UBND tỉnh Cao Bằng và Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, KH.

GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Dương

**UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1125 /SGDDĐT-KHTC
V/v tham gia ý kiến về đề xuất xây dựng
Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 2798	Ngày nhận: 10/5
VT Dựm	CV chủ trì: <i>CĐ</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 2010/UBND-KGVX ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc góp ý về đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức xin ý kiến góp ý của Sở Tài chính; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban Dân tộc tỉnh; UBND các huyện, thành phố; Trường Cao đẳng Thái Nguyên và các đơn vị trực thuộc.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, địa phương, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo như sau:

1. Về đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Nhất trí .

2. Về quy định khung học phí từ năm học 2023-2024: Nhất trí với dự thảo.

3. Về điều chỉnh lộ trình thực hiện tăng học phí: Nhất trí với dự thảo.

Trên đây là nội dung tham gia ý kiến

Với nội dung trên, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên báo cáo UBND tỉnh Thái Nguyên và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Thịnh

Số: 1194/SGDĐT-KHTC
V/v đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi,
bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
của Chính phủ

Hải Phòng, ngày 5 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 2023/ ngày nhận: 10/5/23	
VT Đạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu, Sở Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo nhất trí với Dự thảo đề xuất không quy định mức sản học phí tại Phụ lục 3 đính kèm Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Một số vướng mắc đối với các khoản thu dịch vụ tại thành phố Hải Phòng:

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định: mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tối đa bằng mức trần học phí hàng năm do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, ban hành.

Năm 2022, Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố. Theo đó, các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tối đa không vượt quá mức trần học phí được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

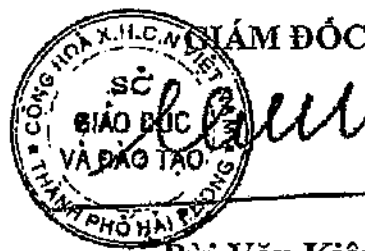
Hiện nay, một số các khoản thu dịch vụ tại một số cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố như: học IELTS, học STEM; học chứng chỉ tin học MOS đều vượt quá mức trần được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

Do đó, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, đề xuất Chính phủ sửa đổi nội dung quy định về các khoản thu hỗ trợ dịch vụ giáo dục không được vượt quá mức trần theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 28 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Trên đây là ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố (để b/c);
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, KHTC.



Bùi Văn Kiệm

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:1018 /SGDDĐT- KHTC
V/v tham gia ý kiến về đề xuất xây dựng
Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Bắc Kạn, ngày 05 tháng 5 năm 2023

Bộ GD&ĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 188 Ngày nhận: 10/5	
VT Đạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 2665/UBND-VXNV ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc góp ý về đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Bắc Kạn đã tổ chức xin ý kiến góp ý của Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thành phố, Trường Cao đẳng Bắc Kạn và các đơn vị trực thuộc.

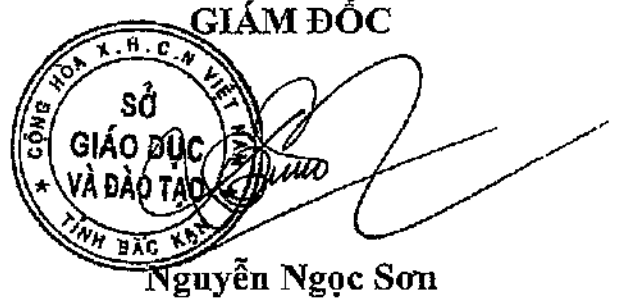
Trên cơ sở tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị, địa phương, Sở GD&ĐT Bắc Kạn báo cáo như sau:

- Về chủ trương đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Nhất trí.
 - Về quy định khung học phí từ năm học 2023 - 2024: Cơ bản các đơn vị, địa phương nhất trí với đề xuất do Bộ GD&ĐT dự thảo. Tuy nhiên, để có cơ sở xây dựng mức học phí năm học 2023 - 2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên đảm bảo có sự thống nhất, đề nghị Bộ GD&ĐT hướng dẫn cách thức để xác định mức học phí.
 - Về điều chỉnh lộ trình thực hiện tăng học phí: Nhất trí với dự thảo.
- Với nội dung trên, Sở GD&ĐT Bắc Kạn báo cáo Bộ GD&ĐT.

Nơi nhận:

- Gửi bản điện tử:
- Như kính gửi (báo cáo);
 - UBND tỉnh (báo cáo);
 - Lãnh đạo Sở;
 - Lưu: VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Sơn

UBND TỈNH HÒA BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1218/SGD&ĐT-KHTC

Hòa Bình, ngày 05 tháng 5 năm 2023

V/v: đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định 81/2021; góp ý dự thảo báo
cáo của Bộ GD&ĐT.

Bộ GD&ĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 1218/SGD&ĐT-KHTC	Ngày nhận: 05/5/2023
VT Đạm	CV chủ trì: <i>C. Đạm</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>C. Thịnh</i>
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Công văn số 3444/VPUBND-NVK ngày 4/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình có ý kiến như sau:

1. Đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Tỉnh Hòa Bình là vùng dân tộc thiểu số và miền núi mức khung học phí (mức sàn – mức trần) quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP là phù hợp.

2. Góp ý đối với dự thảo học phí từ năm học 2023-2024 (từ tháng 9/2023) Bộ Giáo dục và Đào tạo mới phối hợp với Tổng cục Thống kê các đơn vị liên quan đánh giá tác động đến chỉ số CPI, đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP là rất muộn sẽ làm ảnh hưởng đến việc ban hành quy định mức thu học phí của địa phương (Hội đồng nhân dân họp tháng 6).

Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm có phương án, hướng dẫn, để Hòa Bình có căn cứ triển khai thực hiện đảm bảo thời gian năm học theo đúng quy định./.

Nơi nhận

- Như đề gửi;
- UBND tỉnh;
- Giám đốc;
- Các phó giám đốc Sở;
- Lưu VT- KHTC (V7b)

GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Kim Tuyền
Bùi Thị Kim Tuyền

UBND TỈNH BÌNH THUẬN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1071/SGDDĐT-KHTC

Bình Thuận, ngày 05 tháng 5 năm 2023

V/v tham gia có ý kiến theo nội dung
Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC
ngày 27/4/2023 của Bộ GDĐT

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 2781	Ngày nhận 10/5
VT Đạm	CV chủ trì
PVT Thịnh	CV phối hợp
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu nội dung công văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận có ý kiến như sau:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận cơ bản thống nhất đối với việc đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành; đồng thời thống nhất đối với dự thảo báo cáo tại các Phụ lục 01, 02, 03 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đính kèm Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC.

Tuy nhiên Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận có ý kiến góp ý Phụ lục 03 như sau:

Tại phần I.1 Đối với học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập, có đề xuất lộ trình học phí của khung học phí năm học 2022-2023: “*Khung học phí năm học 2022-2023 giữ ổn định như năm học 2021-2022.*”

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần khung học phí hoặc mức học phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành năm học 2021 - 2022 đối với từng cấp học và từng khu vực thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương”.

Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét không đưa nội dung này vào lộ trình học phí quy định tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Nguyên nhân: Học phí năm học 2022-2023 được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023 và Công văn số 694/BGDĐT-KHTC ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP. Ngoài ra, hiện nay đã sắp kết thúc năm học 2022-2023 (theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 2159/QĐ-BGDĐT ngày 05/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), trường hợp quy định khung học phí năm học 2022-2023 vào Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, thì khi Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-

CP được ban hành, có quy định khung học phí năm học 2022-2023 nhưng tại thời điểm đó năm học 2022-2023 đã kết thúc thi không phù hợp.

2. Ngoài ra, liên quan đến học phí và giá dịch vụ quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Hiện nay, địa phương đang gặp khó khăn trong việc xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ giáo dục (chưa biết căn cứ, quy trình, phương pháp xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ giáo dục...)

Theo đó, tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định:

“Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ, ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với học phí, giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo:

a) Hướng dẫn quy trình và xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, phương pháp xác định học phí, giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo áp dụng chung trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo phân cấp quản lý”.


Để có cơ sở xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm, có văn bản hướng dẫn để địa phương thực hiện.

Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận kính báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc, các P.GĐ Sở;
- Lưu: VT, KHTC (1.02b).

GIÁM ĐỐC



Phan Đoàn Thái

UBND TỈNH THÁI BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 331/SGDDĐT-KHTC

Thái Bình, ngày 08 tháng 5 năm 2023

V/v tham gia ý kiến dự thảo báo cáo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Van thư số: Ngày nhận: 10/5/23	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>CĐ</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>Nguyễn Viết Hiện</i>
PVT Tăng	

Thực hiện Công văn số 1896/BGDDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Công văn số 1358/UBND-KGVX ngày 04/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc góp ý dự thảo Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ kết quả tổng hợp ý kiến góp ý của các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình báo cáo như sau:

1. Nhất trí với đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh lộ trình học phí lùi 01 (một) năm so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Mức học phí sẽ thực hiện theo khung quy định của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP từ năm học 2023-2024.

2. Khung học phí có quy định mức sàn, mức trần như Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi: bỏ mức sàn để phù hợp với tình hình kinh tế xã hội các địa phương này.

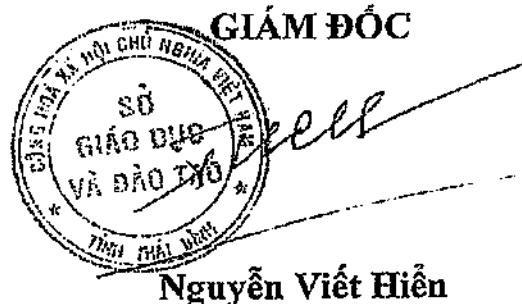
3. Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm trình Chính phủ để các địa phương có cơ sở trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mức học phí cho năm học 2023-2024.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Trần Thị Bích Hằng, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Viết Hiện

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số 935 /SGDDĐT-KHTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý đề xuất xây dựng Nghị định

sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.	
Văn thư số 935/SGDDĐT-KHTC	Ngày nhận 4/5/2023
VT Đạm	CV chủ trì
PVT Thịnh	CV phối hợp
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC);

Thừa uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, trên cơ sở nghiên cứu nội dung Văn bản của Bộ và xem xét ý kiến góp ý của các Sở Tư pháp, Sở Tài chính; Sở Giáo dục và Đào tạo có một số ý kiến góp ý, cụ thể như sau:

1. Đối với Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tỉnh Ninh Thuận nhận thấy việc Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ là cần thiết và có cơ sở.

2. Đối với đề xuất “Khung học phí từ năm học 2023-2024” (tại điểm b khoản 1 Mục I của Phụ lục 3 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC):

Việc đề xuất quy khung học phí của năm học 2023-2024, dự thảo chỉ quy định mức trần chứ không quy định mức sàn với mục đích tháo gỡ đối với những địa phương có điều kiện kinh tế xã hội đang còn khó khăn trong giai đoạn hiện nay;

Tuy nhiên, để đảm bảo tính khoa học, khi quy định lại khung học phí vẫn nên đưa vào mức sàn, nhưng hạ giá trị xuống cho phù hợp với các địa phương mà hiện nay có điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn. Mức sàn đưa vào cho năm học 2023-2024 đề xuất bằng mức của địa phương nào vừa qua quy định thấp nhất.

Lý do:

- Để tất cả các địa phương một mặt phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội hiện tại, nhưng đồng thời phải có sự cố gắng để hướng đến việc thực hiện tốt các chủ trương về: tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công; thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ/TW và Luật Giáo dục 2019.

- Đã gọi là “Khung học phí” thì nên thiết kế có mức sàn và mức trần.

Tỉnh Ninh Thuận đóng góp một số ý kiến như trên, kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Ban VHXX (HĐND);
- GD, PGD Sở;
- Các phòng chức năng thuộc Sở (để góp ý);
- Lưu: VT, P.KHTC (BTT, NTQ, LTMH).



Nguyễn Huệ Khải

UBND TỈNH YÊN BÁI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 538 /SGDĐT-KHTC

Yên Bái, ngày 09 tháng 5 năm 2023

V/v tham gia ý kiến đề xuất xây dựng
Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định
số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 274 ngày nhận 09/5/2023	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>[Chữ ký]</i>
VT Thịnh	CV phối hợp: <i>[Chữ ký]</i>
PVT Tùng	

Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được Văn bản số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Sau khi nghiên cứu dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục 1, 2, 3 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, tình hình thực tế tại địa phương. Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia ý kiến như sau:

1. Thực tế mức thu học phí tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP sẽ bắt đầu thực hiện từ năm học 2023-2024 vì mức học phí của năm học 2021-2022 giữ ổn định bằng mức học phí năm học 2020-2021, mức thu học phí của năm học 2022-2023 giữ ổn định bằng mức học phí năm học 2021-2022 theo quy định tại Nghị quyết số 165/2022/NQ-CP. Do vậy để đảm bảo tính ổn định của một nghị quyết, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP theo hướng kéo dài mức thu học phí đến năm học 2027-2028 (05 năm).

2. Tại khoản a mục 2 phần I của Phụ lục số 3 theo dự thảo là: “Trên học phí từ năm học 2022-2023 đến năm học 2026-2027”. Đề nghị sửa lại là “Trên học phí từ năm học 2023-2024 đến năm học 2026-2027” cho khớp với biểu chi tiết.

Các nội dung khác thống nhất như dự thảo báo cáo của Bộ GDĐT tại Phụ lục 1, 2, 3 đính kèm Công văn 1896/BGDĐT-KHTC.

Trên đây là một số ý kiến tham gia của Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái vào Phụ lục 1, 2, 3 đính kèm Công văn 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KHTC, PĐH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
[Chữ ký]
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH YÊN BÁI
Đào Anh Tuấn

**UBND TỈNH BẠC LIÊU
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Số: 625/SGDDĐT-KHTC

V/v góp ý dự thảo báo cáo của Bộ GD-ĐT về đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 08 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 5778 Ngày nhận: 10/5/23	
VT Đạm	CV chỉ trì: <i>C. B. [Signature]</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>C. [Signature]</i>
PVT Tùng	

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại Công văn số 1602/UBND-KGVX ngày 05/5/2023 về việc phân công góp ý dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại các Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023,

Sau khi nghiên cứu nội dung Công văn 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ GDĐT và tình hình điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, Sở Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

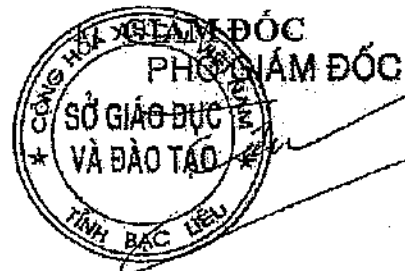
- Thống nhất kiến nghị Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành.

- Thống nhất dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại các Phụ lục 1, 2 và 3 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023.

Sở Giáo dục và Đào tạo xin báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc, PGĐ phụ trách;
- Phòng KHTC, GDMN-GDTH, GDTX-H-QLCL;
- Lưu: VT.



Dương Hồng Tân



Cơ quan: Văn phòng Ủy
ban nhân dân tỉnh, Tỉnh
Bạc Liêu
Thời gian ký: 05.05.2023
16:29:32 +07:00

**UBND TỈNH BẠC LIÊU
VĂN PHÒNG**

Số: 1602 /VP-KGVX

V/v phân công góp ý kiến dự thảo báo
cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ
lục 1, 2, 3 Công văn số 1896/BGDĐT-
KHTC ngày 27/4/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 05 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo.

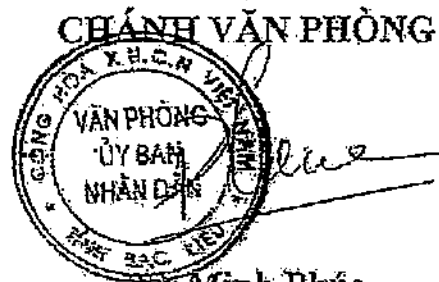
Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo:

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ yêu cầu tại Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tham gia góp ý kiến và gửi về Bộ giáo dục và Đào tạo đúng thời gian quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đến Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện văn bản này./.

Nơi nhận: *fb*

- Như trên (*gửi kèm tất cả file*);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, (TTH-1071) *W*



Từ Minh Phúc

UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 836/SGDĐT-KHTC

Phú Yên, ngày 10 tháng 5 năm 2023

V/v ý kiến góp ý đề xuất sửa đổi
Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
ngày 27/8/2021 của Chính phủ

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 836 Ngày nhận: 10/5	
CV chủ trì:	<i>[Signature]</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	<i>[Signature]</i>

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 1961/BGDĐT-KHTC ngày 04/5/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tham dự Hội nghị góp ý, hoàn thiện Hồ sơ đề xuất sửa đổi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên báo cáo góp ý như sau:

1. Ngày 09/6/2023 Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên đã tham gia Hội nghị trực tuyến góp ý, hoàn thiện Hồ sơ đề xuất sửa đổi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP do Bộ Giáo dục và đào tạo tổ chức.

2. Một số nội dung góp ý dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, bổ sung quy định mức sàn học phí trong Khung học phí từ năm học 2023-2024 trở đi đối với giáo dục mầm non, phổ thông. Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên đề xuất vẫn quy định mức sàn học phí nhưng thấp hơn so với mức sàn quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét bỏ nội dung “năm học 2023-2024” trong bảng Khung học phí từ năm học 2023-2024 trở đi đối với giáo dục mầm non, phổ thông. Vì khung học phí trong bảng quy định cho các năm học từ năm học 2023-2024 trở đi chứ không phải cho riêng năm học 2023-2024.

- Để tránh việc hằng năm địa phương phải ban hành Nghị quyết quy định mức học phí, trong khi mức thu học phí không thay đổi. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét điều chỉnh nội dung “Từ năm học 2023 -2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định” thành “Từ năm học 2023 -2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân

dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể cho từng năm học hoặc từng giai đoạn nhưng không vượt mức trần quy định”

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét sửa đổi, điều chỉnh khoản 4 Điều 18 từ “3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ” thành “3. Trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông; học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ”.

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 đối với Khung học phí từ năm học 2023 - 2024 trở đi các điểm sau (do các quy định này chỉ quy định cho năm học 2022-2023 mà chưa quy định cho từ năm học 2023 - 2024 trở đi):

+ Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên;

+ Mức trần của khung học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;

+ Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thì được tự xác định mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ sở giáo dục ban hành. (Không phải trình qua Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt).

Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo để Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, xem xét điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- GD và các PGD Sở;
- Lưu: VT, KHTC.



Trần Khắc Lễ

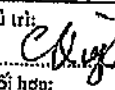
UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 661 /SGDDĐT-KHTC
V/v góp ý hồ sơ đề xuất xây dựng
Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định
số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
của Chính phủ

Ninh Bình, ngày 08 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 3830 Ngày nhận: 10/5/2023	
VT Đệm	CV chủ trì: 
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Căn cứ Văn bản số 314/UBND-VP5 ngày 08/5/2023 của UBND tỉnh về việc tham gia ý kiến xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Văn bản số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu dự thảo đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình có ý kiến như sau:

1. Về đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành: Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình nhất trí với nội dung đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Về góp ý nội dung dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục 1, 2 và 3: Về cơ bản Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình nhất trí với các nội dung ghi trong báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ tình hình thực tiễn tại địa phương, Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình có ý kiến góp ý như sau:

Tại phụ lục 3. Đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất: "Từ năm học 2024-2025, Hội đồng nhân cấp tỉnh quyết định mức học phí điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hằng năm", nội dung này không thống nhất với phụ lục số 2 và dự thảo Tờ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung của Chính phủ là "Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm"

Đề nghị: Nên thống nhất nội dung đề xuất giữa các báo cáo.

3. Về góp ý dự thảo Tờ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và dự thảo Nghị định của Chính phủ: Khoản 1, Điều 1 của dự thảo Nghị quyết và điểm 2.1, Khoản 2, Mục IV của dự thảo Tờ trình quy định "Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội

của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định”.

Đề nghị:

- Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định rõ khung học phí từ năm học 2023-2024 do cấp có thẩm quyền nào quy định;

- Về nội dung điều chỉnh khung học phí từ năm học 2023-2024 trở đi căn cứ vào 4 yếu tố (điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm, khả năng chi trả của người dân), nhưng trong thực tế việc xác định một tỷ lệ % phù hợp trên cơ sở kết hợp cả 4 yếu tố trên chủ yếu dựa vào quan điểm tiếp cận, do vậy rất khó khăn cho các địa phương trong việc xác định, thẩm định, phê duyệt, đề nghị dự thảo Nghị định quy định rõ cách xác định nội dung này.

4. Kiến nghị

- Việc điều chỉnh mức học phí từ năm học 2024-2025 trở đi được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo (như nội dung quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP).

- Sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ để các địa phương có cơ sở kịp ban hành Nghị quyết quy định mức học phí áp dụng cho các cơ sở giáo dục từ năm học 2023-2024.

Sở Giáo dục và Đào tạo trân trọng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Ninh Bình;
- Lưu VT, KHTG.



Bùi Thị Khuyên

UBND TỈNH THÁI BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 331 /SGDDĐT-KHTC

Thái Bình, ngày 08 tháng 5 năm 2023

V/v tham gia ý kiến dự thảo báo cáo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

BỘ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 3826 Ngày nhận: 10/5	
VT Dựm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Thực hiện Công văn số 1896/BGDDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Công văn số 1358/UBND-KGVX ngày 04/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc góp ý dự thảo Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ kết quả tổng hợp ý kiến góp ý của các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình báo cáo như sau:

1. Nhất trí với đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh lộ trình học phí lùi 01 (một) năm so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Mức học phí sẽ thực hiện theo khung quy định của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP từ năm học 2023-2024.

2. Khung học phí có quy định mức sàn, mức trần như Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi: bỏ mức sàn để phù hợp với tình hình kinh tế xã hội các địa phương này.

3. Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm trình Chính phủ để các địa phương có cơ sở trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mức học phí cho năm học 2023-2024.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Trần Thị Bích Hằng, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Viết Hiền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



dân tỉnh Tây
Ninh
10.05.2023
NAM 12 +07:00

Số: 1355 /UBND-KGVX

V/v đề xuất xây dựng Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP

Tây Ninh, ngày 09 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 2811 Ngày nhận: 10/5	
VT Đạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo đề xuất như sau:

1. Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục. Theo đó, sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 theo hướng lùi thêm 01 năm so lộ trình cũ tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; đưa nội dung khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (khung học phí thực hiện năm 2022-2023) thành khoản 3 Điều 9 Nghị định sửa đổi (khung học phí năm học 2023-2024) đồng thời không quy định mức sàn.

Bộ Giáo dục và Đào tạo không quy định mức sàn sẽ gặp khó khăn cho các địa phương phải xây dựng lại giá học phí để làm cơ sở trình Nghị quyết mức học phí năm học 2023-2024. Mặt khác, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn quy trình và xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, phương pháp xác định học phí. Đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo giữ nguyên mức sàn khung học phí từ năm học 2023-2024 trở đi.

2. Thống nhất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10, sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 11 và sửa đổi bổ sung khoản 4 Điều 18 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

3. Sau đại dịch Covid có nhiều gia đình có hoàn cảnh khó khăn, vì vậy đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu bổ sung các chính sách miễn giảm học phí ở Chương IV, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, tạo hành lang pháp lý để địa phương ban hành chính sách đặc thù của tỉnh về hỗ trợ các đối tượng (Cha mẹ chết do covid phải ở ông bà; cha hoặc mẹ mắc bệnh nan y; cha mẹ ly hôn ở với người thân, ông bà già yếu neo đơn...).

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- LĐVP;
- PKGVX;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Chiến

UBND TỈNH HÀ GIANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 721 /SGDĐT-KHTC
V/v đề xuất xây dựng Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định
số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Hà Giang, ngày 08 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 3814	Ngày nhận: 10/5
VT Đạm	CV chủ trì: <i>Chánh</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>Chánh</i>
PVT Tùng	<i>Chánh, M. Hoàng</i>

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC, ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Thực hiện Công văn số 1273/UBND-VHXH ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngày 05/5/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 695/SGDĐT-KHTC đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ gửi xin ý kiến tham gia góp ý của Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang.

Sau khi nghiên cứu, xem xét "Dự thảo" Báo cáo rà soát và đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí để áp dụng từ năm 2023-2024 do Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo tại các Phụ lục 1, 2, 3 đính kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC và tổng hợp ý kiến tham gia của các Sở nêu trên. **Kết quả:** 100% các Sở tham gia góp ý kiến đều nhất trí với dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và không có ý kiến gì thêm.

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang trân trọng gửi ý kiến để Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- GD, các PGD Sở;
- Các đơn vị thuộc Sở;
- Vnptioffice;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Bình

**UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Số: 936/SGDDĐT-KHTC

V/v đề xuất xây dựng Nghị định sửa
đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lai Châu, ngày 08 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 381/ ngày nhận: 10/5	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>CĐ</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>CĐ</i>
PVT Tùng	<i>M. Huy</i>

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Sau khi nghiên cứu, Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu có ý kiến như sau:

1. Đối với nội dung xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ:

Tại điểm b mục 1, phần I, phụ lục III Đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “.....*Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất không quy định Mức sàn học phí...*”

Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Mức sàn học phí theo từng đối tượng, để làm căn cứ tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành mức thu học phí phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và khả năng chi trả của người dân ở địa phương.

2. Đối với nội dung góp ý dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu nhất trí với nội dung dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị quyết số 19-NQ/TW) yêu cầu: “*đến năm 2021 hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp*”. Tại khoản 1 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 đã giao Chính phủ quy định mức học phí được xác định theo lộ trình bảo đảm chi phí dịch vụ giáo dục, đào tạo.

Như vậy, Nghị quyết số 19-NQ/TW cũng như quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 đã khẳng định học phí sẽ thực hiện theo cơ chế giá (giá dịch vụ giáo dục) và phải thực hiện lộ trình tính đủ chi phí dịch vụ giáo dục. Trong khi đó nguồn thu duy nhất trong các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh là thu học phí nhằm chia sẻ giữa Nhà nước và nhân dân tỉnh Lai Châu chỉ có thể ban hành mức thu học phí với mức tối thiểu theo quy định của Chính phủ. Mặt khác, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế tự

chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập yêu cầu hàng năm đơn vị sự nghiệp công lập nâng mức độ tự chủ để đảm bảo tính đủ chi phí dịch vụ (giáo dục).

Do đó, việc quy định thu học phí tính đủ chi phí dịch vụ giáo dục thực hiện lộ trình tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị quyết số 19-NQ/TW cũng như quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 là nhiệm vụ khó thực hiện đối với tỉnh Lai Châu. Do tỷ lệ học sinh dân tộc chiếm trên 80% nhiệm vụ xóa mù chữ, việc thực hiện phổ cập giáo dục, vận động học sinh ra lớp nâng cao tỷ lệ chuyên cần bảo đảm an ninh chính trị là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét đề xuất với Chính phủ lộ trình không thu học phí đối với tỉnh vùng cao biên giới như tỉnh Lai Châu, góp phần hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục, bảo đảm ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi còn nhiều khó khăn như tỉnh Lai Châu.

Trên đây là ý kiến đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu kính chuyển Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC
 Ký bởi: Sở Giáo dục và Đào tạo
 Thời gian ký: 08/05/2023 17:06:11



Đình Trung Tuấn

**UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 135 /SGDĐT-TCCBTC
V/v góp ý đề xuất xây dựng Nghị
định sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Đắk Nông, ngày 08 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 135	Ngày nhận: 08/5
VT Đạm	CV chủ trì: <i>Chị Nguyễn Thị Ngọc</i>
PVT Thịnh	Ngày: 27/4/2023
Ngày: 27/4/2023	CV chủ trì: <i>Chị Nguyễn Thị Ngọc</i>

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Công văn số 2344/UBND-KGVX ngày 4/5/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc khẩn trương nghiên cứu, đề xuất và góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; sau khi nghiên cứu, Sở Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

1. Đối với nội dung tại điểm b mục 1 phần I của phụ lục 3 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC: kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, giữ nguyên khung học phí theo “mức sàn và mức trần”; lý do: để các địa phương có cơ sở làm căn cứ triển khai thực hiện.

2. Các nội dung khác theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông thống nhất với nội dung dự thảo.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông, kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./. *Nguyễn Thị Ngọc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Đắk Nông (thay b/cáo);
- Lưu: VT, TCCBTC(D).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Thanh Hải



Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số: 1874/UBND-KGVX

Điện Biên, ngày 08 tháng 5 năm 2023

V/v tham gia ý kiến đối với đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

BỘ GDĐT - VU KHTC	
Văn thư số <u>3854</u> ngày nhận <u>11/5/23</u>	
VT Đạm	CV chủ trì: <u>Ch. Anh</u>
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ; trên cơ sở kết quả rà soát và tình hình thực tế triển khai thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên có ý kiến như sau:

1. Nhất trí với đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Nhất trí đối với dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên đây là ý kiến tham gia đối với đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, KGVX^(VVB).

4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vừ A Bằng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 515/UBND-KGVX

An Giang, ngày 10 tháng 5 năm 2023

V/v đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 3842 ngày nhận: 11/5/23	
VT Đạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Văn bản số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cơ bản thống nhất với dự thảo Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, có một số ý kiến góp ý, như sau:

1. Đề nghị xem xét giảm mức thu học phí các cấp học cho phù hợp với thu nhập của người dân tại địa phương¹ trong điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho con em gia đình có thu nhập thấp được tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục công lập.

2. Xem xét mở rộng đối tượng miễn học phí tại Điều 15 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Bổ sung đối tượng hộ cận nghèo và đối tượng có cha, mẹ hoặc người đỡ đầu (trong trường hợp không ở với cha, mẹ) là cán, phạm nhân vào đối tượng được miễn học phí (hiện tỉnh An Giang đang triển khai, thực hiện mô hình "Lực lượng phòng, chống tội phạm chăm lo cho con cán, phạm nhân trên địa bàn tỉnh"). Do hầu hết các đối tượng này thuộc diện gia đình nghèo khó khăn, không đủ điều kiện về kinh tế để tham gia học tập tại cơ sở giáo dục công lập.

3. Xem xét điều chỉnh, bổ sung Điều 9 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: (1) Bổ sung "cơ sở giáo dục thường xuyên" vào đối tượng quy định mức thu học phí; (2) đối với các cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Đề nghị xem xét, hướng dẫn cụ thể các căn cứ pháp lý để các đơn vị xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, nhằm đảm bảo triển khai thực hiện đúng theo

¹ Tỉnh An Giang phần lớn học sinh là con em gia đình nông dân, thu nhập thấp; nhiều gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nhất là vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới.

tinh thần của Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên đây là ý kiến đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (Cục Vụ KH-TC) (để b/c);
- TT.UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các Phòng: KGVX, TH, KTTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Minh Thúy

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:1334 /SGDDĐT-KHTC

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 5 năm 2023

V/v đề xuất xây dựng Nghị định sửa
đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 3247	Ngày nhận 11/5
VT Đạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh ✓	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Sau khi nghiên cứu báo cáo rà soát của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thống nhất ý kiến đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

Tuy nhiên, đối với đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí so với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP, căn cứ tình hình, điều kiện của từng địa phương, cần sửa đổi, điều chỉnh quy định mức sàn – mức trần học phí cho phù hợp (phụ lục 3).

Sở Giáo dục và Đào tạo gửi Bộ nghiên cứu tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Đình Thuận

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1053 /SGDĐT-KHTC

Sóc Trăng, ngày 11 tháng 5 năm 2023

V/v đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị
định số 81/2021/NĐ-CP ngày
27/8/2021 của Chính phủ

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 3878 ngày nhận 12/5/23	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>C. Q. V. P.</i>
PVT Thịnh ✓	CV phối hợp: <i>Chào, M. H. G.</i>
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ;

Thực hiện Công văn số 2297/VP-VX ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc nghiên cứu, góp ý nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và dự thảo Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng có ý kiến về nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ như sau:

1. Đề xuất phương án lùi lộ trình 01 năm so với phương án tại phụ lục số 1 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đề xuất khung học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (có mức sàn-trần) năm học 2023-2024 sẽ bằng khung học phí năm học 2022-2023 đã được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

3. Đề xuất nghiên cứu sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, như sau:

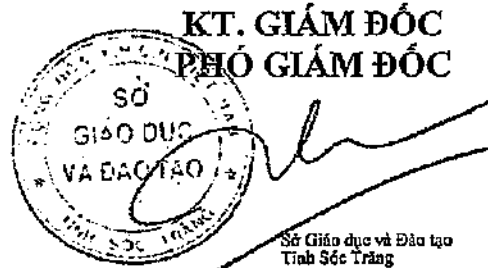
- Theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 19 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: Thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự thực có trách nhiệm xác nhận hồ sơ miễn, giảm học phí đối với người học; đồng thời lập danh sách người học được miễn, giảm học phí theo mẫu gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người học đăng ký thường trú để thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, quy định: "Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí trực tiếp cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh; sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học trên địa bàn" gây khó khăn, nhầm lẫn trong quá trình thực hiện.

Do vậy, kiến nghị sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, như sau: “Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí trực tiếp cho học sinh, sinh viên hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ của học sinh; sinh viên đăng ký thường trú trên địa bàn đang theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo quy định”.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng kính gửi ý kiến góp ý đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ KHTC;
- UBND tỉnh;
- Sở LĐTĐBXH;
- Lưu: VT, KHTC.



Nguyễn Việt Mười

UBND TỈNH LONG AN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1585 /SGDDĐT-HCQT
V/v đề xuất xây dựng Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định số

Long An, ngày 12 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Vào thư số: 3874	Ngày nhận: 12.15.23
VT Đam	CV chủ trì: C.Đ.Đ., C.Đ.Đ., M.Đ.Đ.
PVT Thịnh	Số Giáo dục và Đào tạo nhận được Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/04/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/04/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

Về vấn đề này, Sở Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

- Thống nhất điều chỉnh lộ trình học phí lùi 01 năm so với lộ trình học phí Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

- Đề xuất giữ nguyên Khung học phí (mức sàn - mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2023 - 2024			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 650	Từ 300 đến 650
Nông thôn	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 270	Từ 200 đến 330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 170	Từ 100 đến 220

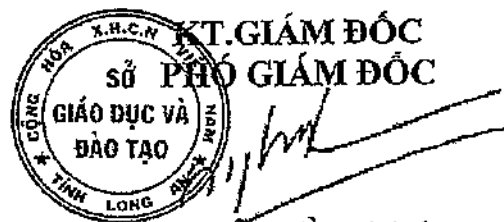
- Sửa đổi Điều 19. Bộ "sổ hộ khẩu thường trú" sửa thành thực hiện dữ liệu dân cư nơi cư trú.

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo chưa phù hợp. Lý do: Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 có hiệu lực từ ngày 15/10/2021, đã thay thế Nghị 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ đã hết hiệu lực.

Trên đây là ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo kính gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Kế hoạch-Tài chính
- Lưu VT, HC-QT.



Nguyễn Hồng Phúc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1924/UBND-THVX

V/v tham gia ý kiến về đề xuất xây dựng
Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 3882 Ngày nhận 12/5/23	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>C.Đ.Đ.</i>
PVT Thịnh ✓	CV phối hợp: <i>C.Đ.Đ., M.Đ.Đ.</i>
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Văn bản số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang cơ bản nhất trí với dự thảo đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có ý kiến tham gia cụ thể như sau:

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cách thức để xác định mức học phí năm học 2023-2024. Lý do: Trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP không quy định mức sàn học phí, nên chưa có cơ sở xây dựng mức học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên (Báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (Báo cáo);
- PCT UBND tỉnh Hoàng Việt Phương;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh Nguyễn Thanh;
- Lưu: VT, THVX (VB).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Việt Phương



Cơ quan: UBND tỉnh Quảng Bình
Giờ ký: 11/05/2023 15:24:54

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **885** /UBND-NCVX
V/v góp ý phương án đề xuất sửa
đổi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

Quảng Bình, ngày **11** tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 3852	Ngày nhận 12/5/23
VT Đạm	CV chủ trì
PVT Thịnh	CV phối hợp
PVT Tùng	

của Chính phủ

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ; sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình có ý kiến như sau:

- Nhất trí đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành. Đồng thời đề nghị Chính phủ sớm ban hành nghị định sửa đổi để các địa phương kịp thời ban hành nghị quyết triển khai thực hiện trong năm học 2023-2024.

- Cơ bản nhất trí đối với dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục 1, 2, 3 đính kèm Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC; đồng thời đề nghị điều chỉnh như sau:

+ Điểm a, khoản 1, mục I, Phụ lục 3: đề nghị sửa lại để phù hợp với Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023:

"1. Đối với học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập

a) Khung học phí năm học 2022-2023 giữ ổn định như năm học 2021-2022:

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần khung học phí hoặc mức học phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành năm học 2021 - 2022 đối với từng cấp học và từng khu vực thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương. Trường hợp địa phương tăng học phí năm học 2022 - 2023 thì ngân sách địa phương đảm bảo phân chênh lệch tăng thêm so với số thu học phí năm học 2021 - 2022. Mức hỗ trợ cho từng cơ sở giáo dục do địa phương xem xét quyết định."

+ Đối với nội dung quy định tại điểm b, khoản 1, mục I, Phụ lục 3: đề nghị vẫn quy định mức sàn học phí như đã quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, LĐTBXH, TC;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NVX.



Hồ An Phong

NTG

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ^{57/2} /UBND-KGVX

V/v góp ý xây dựng Nghị định sửa
đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của chính phủ

Lạng Sơn, ngày tháng 5 năm 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: 44.585
	Ngày: 21/5/2023
Kính chuyển:	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn có ý kiến như sau:

1. Việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP là cần thiết và đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP là phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Việc Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP theo hướng lùi thêm 01 năm so với lộ trình cũ để hỗ trợ một phần khó khăn của các cơ sở giáo dục, giữ ổn định thị trường và hỗ trợ phụ huynh, học sinh là cần thiết.

3. Đối với Phụ lục 2 - Mức thu học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét điều chỉnh như sau:

- Tại ý b Mục 3. "Học phí từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026...": Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, bổ sung như sau: "*Mức trần học phí từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026...*".

- Tại gạch đầu dòng thứ 2, ý b, Mục 3. Đề nghị bổ sung như sau: "*Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Mức học phí tối đa không quá 2 lần so với mức trần học phí của cơ sở chưa tự đảm bảo chi thường xuyên quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 10*".

- Tại gạch đầu dòng thứ 5, Mục 3, ý b. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau: "*Đối với các chương trình đào tạo đã đạt chuẩn kiểm định tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đảm bảo một phần chi thường xuyên và cơ sở giáo dục nghề nghiệp do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên mức học phí tối đa không quá 2,5 lần so với mức trần học phí quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 10*".

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- C,PCVP UBND tỉnh,
các Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, KGVX(NTH).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Xuân Huyền

NTA

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1924/UBND-THVX

V/v tham gia ý kiến về đề xuất xây dựng
Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 5 năm 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ST. SỐ	15 M 2
PH. N	12/5/2023

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Văn bản số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang cơ bản nhất trí với dự thảo đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có ý kiến tham gia cụ thể như sau:

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cách thức để xác định mức học phí năm học 2023-2024. Lý do: Trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP không quy định mức sàn học phí, nên chưa có cơ sở xây dựng mức học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: *✍*

- Như trên (Báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (Báo cáo);
- PCT UBND tỉnh Hoàng Việt Phương;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh Nguyễn Thanh;
- Lưu: VT, THVX (VB).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Việt Phương

Hoàng Việt Phương

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1037 /SGD&ĐT-KHTC
V/v tham gia ý kiến về đề xuất xây dựng
Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Nghệ An, ngày 11 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ GD&ĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 3927	Nghị quyết 15/5/23
VT Dự án	CV chủ trì: <i>Chuyên</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An nhận được Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Công văn số 3451/UBND-VX ngày 05 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc tham gia ý kiến về đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ,

Sau khi nghiên cứu các tài liệu liên quan về đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để báo cáo Chính phủ xem xét ban hành và dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại phụ lục số 01, 02, 03 gửi kèm theo, Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An cơ bản thống nhất các nội dung dự thảo và đề nghị xem xét một số nội dung như sau:

1. Sửa đổi nội dung tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Tại mục a khoản 3 Điều 9 của Dự thảo:

"a) Khung học phí (mức sàn, mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên như sau

Đơn vị: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2023 - 2024			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 540	Từ 300 đến 650	Từ 300 đến 650
Nông thôn	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 220	Từ 100 đến 270	Từ 200 đến 330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 110	Từ 50 đến 170	Từ 100 đến 220

2. Sửa đổi, bổ sung vào Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

2.1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 8, khoản 15 Điều 15 và mục c khoản 1 Điều 16 như sau

- Tại khoản 5 Điều 15

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2067 /UBND-VX

Lào Cai, ngày 09 tháng 05 năm 2023

V/v đề xuất nội dung sửa đổi, bổ
sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

của Chính phủ

Bộ GD&ĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 3924 Ngày nhận: 15/5/23	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>[Signature]</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>[Signature]</i>
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, UBND tỉnh Lào Cai đề xuất một số nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định trên như sau:

(chi tiết tại phụ lục kèm theo)

UBND tỉnh Lào Cai trân trọng đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT₃;
- Sở: GD&ĐT, LĐTBXH,
Tài chính, KH&ĐT;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- CVP, PCVP₂;
- Lưu: VT, TH₁, VX₁.



Giàng Thị Dung

UBND TỈNH VĨNH LONG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1314 /SGDDĐT-VP

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý dự thảo báo cáo và đề xuất
sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 3913 Ngày nhận: 15/5/23	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>CĐ</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu dự thảo báo cáo và đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long ý kiến như sau:

Đối với đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí so với quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP tại Phụ lục 3 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC, Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long đề xuất quy định mức sàn (tối thiểu bằng mức sàn của năm học 2021-2022 hoặc đề xuất mức sàn phù hợp tình hình thực tế với thu nhập của người dân sau đại dịch).

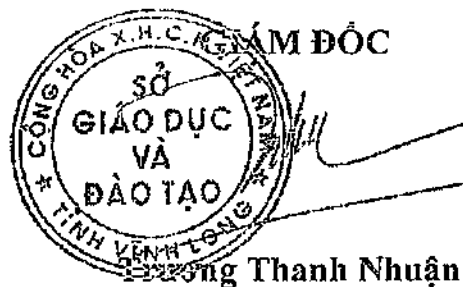
Hiện nay thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long đang tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức học phí năm học 2023-2024¹ mức thu dự kiến bằng mức sàn của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP so với mức thu học phí năm học 2022-2023² là khá cao, do đó đề nghị mở rộng đối tượng miễn giảm học phí cho các em học sinh khó khăn sau đại dịch COVID-19, các đối tượng này giao UBND xã xác nhận để kịp thời hỗ trợ các hộ gia đình gặp khó khăn.

Đồng thời, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo có hướng dẫn cụ thể cho các Sở Giáo dục và Đào tạo để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức kỹ thuật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại địa phương phù hợp theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Do đó để kịp tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương đề nghị giữ nguyên lộ trình học phí theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, VP.



¹ Đã lấy ý kiến dự thảo nghị quyết.

² Mức học phí năm học 2022-2023 giữ nguyên bằng mức năm học 2021-2022 theo Nghị quyết 165/NQ-CP.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2124/UBND-KGVX
V/v góp ý đề xuất xây dựng
Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
của Chính phủ

Quảng Ngãi, ngày 2 tháng 5 năm 2023

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 3914 ngày nhận 15/5/23	
VT Đạm	CV chủ trì: <i>ChyS</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Theo đề nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023, UBND tỉnh Quảng Ngãi tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập (sau đây viết tắt là *Nghị định số 81 của Chính phủ*) như sau:

UBND tỉnh Quảng Ngãi cơ bản thống nhất dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81 của Chính phủ do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì soạn thảo. Tuy nhiên, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cần xem xét, điều chỉnh một số nội dung sau:

1. Bổ sung cụm từ "khu vực miền núi; hải đảo" vào khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81 của Chính phủ, cụ thể:

Khung học phí (mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên như sau:

Đơn vị: Nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2023-2024			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	540	540	650	650
Nông thôn	220	220	270	330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi; khu vực miền núi; hải đảo	110	110	170	220

Lý do: Ngoài Vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, tỉnh Quảng Ngãi còn có khu vực các xã miền núi và huyện đảo Lý Sơn còn nhiều khó khăn. Riêng huyện Lý Sơn thuộc danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022. Trường hợp không được bổ sung "khu vực miền núi; hải đảo" thì 02 vùng này sẽ

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 818 /SGDĐT-KHTC

Trà Vinh, ngày 12 tháng 05 năm 2023.

V/v rà soát và đề xuất điều chỉnh
lộ trình học phí áp dụng từ
năm học 2023-2024.

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 3058 ngày nhận: 15/5/23	
VT Dạm	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ; công văn số 799/UBND-KGVX ngày 02/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo có công văn số 765/SGDĐT-KHTC ngày 05/5/2023 gửi Trường Đại học Trà Vinh và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xin ý kiến đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí áp dụng từ năm học 2023-2024.

Trên cơ sở nghiên cứu đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và ý kiến Sở LĐTBXH, Sở Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

Cơ bản thống nhất với các nội dung tại phụ lục 01, 02 và 03 theo đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Thống nhất mức giá trần theo phụ lục 3 kèm theo công văn số 1896/BGDĐT-KHTC.

Đề xuất bổ sung qui định mức sàn học phí như sau: Mức thu học phí tối thiểu của năm học 2023-2024, được tính trên cơ sở mức thu học phí của năm học 2022-2023 nhân chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân nhưng của tỉnh, nhưng không vượt quá 7,5%. Từ năm học 2024-2025 trở đi, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức học phí tối thiểu điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm nhưng không vượt quá 7,5%

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Trà Vinh báo cáo đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí áp dụng từ năm học 2023-2024.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP UBND tỉnh (báo cáo)
- GEĐ và các Phó GEĐ;
- Lưu: VT, KHTC.



Nguyễn Thị Bạch Vân

**UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Số: 782 /SGDDĐT-KHTC
Về việc góp ý đề xuất
xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ
sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
của Chính phủ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 5 năm 2023

BỘ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 3909 ngày nhận 15/05/23	
VT Dạm	CV chủ trì
PVT Thịnh	<input checked="" type="checkbox"/> CV phối hợp
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Sau khi xem xét, Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk có ý kiến như sau:

Việc lộ trình tăng học phí theo đề nghị của Bộ GDĐT phù hợp với Luật Giáo dục năm 2019 và lộ trình tính giá để bù đắp chi phí hoạt động thương xuyên, nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện lộ trình tự chủ tài chính. Tuy nhiên, năm 2020, 2021 do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội trên cả nước nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng. Do vậy, năm học 2022-2023, Sở GDĐT Đắk Lắk đã tham mưu xây dựng Nghị Quyết thu học phí để áp dụng từ năm học 2022-2023 thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP chuẩn bị ban hành. Nhưng sau khi có văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT không tăng học phí năm học 2022-2023, Sở GDĐT tham mưu xây dựng mức thu học phí năm học 2022-2023 theo mức thu học phí giữ nguyên như năm học 2021-2022 chưa xây dựng mức học phí mới theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.


Vậy, Sở GDĐT Đắk Lắk đề nghị đối với mức thu học phí các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2023-2024 vẫn giữ nguyên khung mức thu học phí như Nghị định số 81/2021/NĐ-CP chưa sửa đổi, điều chỉnh. Đồng thời để áp dụng cho các năm tiếp theo vẫn tiếp tục tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để áp dụng cho lộ trình từ năm học 2024-2025 trở đi, khung học phí sửa đổi phải quy định mức sàn và mức trần nếu không quy định mức sàn các địa phương rất khó xây dựng Nghị quyết (tâm lý người dân ai cũng muốn mức thu học phí thấp). Các nội dung khác thống nhất theo dự thảo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên đây là góp ý góp ý đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Sở GDĐT Đắk Lắk kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Phạm Đăng Khoa

UBND TỈNH HẬU GIANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 758 /SGDĐT-KHTC
V/v góp ý lộ trình học phí và mức học
phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP

Hậu Giang, ngày 16 tháng 5 năm 2023

Bộ GD&ĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 4014	Ngày nhận: 16/5/23
VT Đạm	CV chủ trì: [Chữ ký]
PVT Thịnh	CV phối hợp: [Chữ ký]
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

Thực hiện Công văn 2198/VP UBND ngày 05/5/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Hậu Giang về việc góp ý dự thảo báo cáo sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

Sở Giáo dục và Đào tạo Hậu Giang ý kiến góp ý dự thảo báo cáo của Bộ GD&ĐT Phụ lục 1, 2 và 3 của Công văn 1896/BGDĐT-KHTC với các nội dung cụ thể sau:

1. Đối với Phụ lục 1 – Báo cáo rà soát và đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí để áp dụng từ năm học 2023-2024.

Sở GD&ĐT thống nhất nội dung của Bộ GD&ĐT về điều chỉnh lộ trình học phí lùi 01 năm so với lộ trình học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công.

2. Đối với Phụ lục 2 – Mức thu học phí theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Sở GD&ĐT thống nhất nội dung của Bộ GD&ĐT về khung học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

3. Đối với Phụ lục 3 – Đề xuất điều chỉnh lộ trình học phí so với quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Khung học phí từ năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

Sở GD&ĐT đề nghị tiếp tục giữ nguyên quy định mức sàn học phí tuy nhiên điều chỉnh giảm từ 300.000 đồng xuống còn 100.000 đồng để địa phương thuận lợi trong công tác tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân ban hành mức học phí hằng năm theo quy định.

Trên đây là góp ý lộ trình học phí và mức học phí quy định theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoài Thuý Hằng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 802 /UBND-KGVX
V/v góp ý, đề xuất xây dựng
Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
ngày 27/8/2021 của Chính phủ

Kiên Giang, ngày 15 tháng 5 năm 2023

BỘ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 402/ Ngày nhận 16/5/23	
VT Đạm	CV chủ trì
PVT Thịnh	CV phối hợp
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang góp ý, đề xuất như sau:

1. Khung học phí năm học 2023-2024

- Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Không quy định Mức sàn học phí.

- Mức trần đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên bằng mức trần năm học 2022-2023 tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

Đơn vị: Nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2023-2024			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	300	300	300	300
Nông thôn	100	100	100	200
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	50	50	50	100

2. Khung học phí từ năm học 2024-2025

Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức học phí điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hằng năm.



UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *237* /SGDDĐT-KHTC
V/v góp ý đối với dự thảo báo cáo của
Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung Nghị định
số 81/2021/NĐ-CP

Hải Dương, ngày 7 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số <i>4.004</i> Ngày nhận <i>16/5/23</i>	
VT Dạm	CV chủ trì: <i>[Chữ ký]</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>[Chữ ký]</i>
PVT Tùng	

Thực hiện tinh thần công văn số 1896/BGDĐT - KHTC ngày *27/4/2023* của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương xin tham gia ý kiến như sau:

1. Tình hình thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP tại địa phương

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Ngày 08/12/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành Nghị quyết số 08/2022/NQ - HĐND quy định mức thu học phí tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh năm học 2022-2023, lộ trình đến năm học 2025-2026.

Để chia sẻ khó khăn với học sinh, phụ huynh do tác động của việc tăng học phí. Ngày 08/12/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành Nghị quyết số 36/NQ - HĐND về việc hỗ trợ mức thu học phí cho các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm học 2022-2023. Theo đó, ngân sách địa phương đảm bảo toàn bộ phần chênh lệch tăng thêm giữa mức thu học phí năm học 2022-2023 so với mức thu học phí năm học 2021-2022 (phù hợp với Nghị quyết số 165/2022/NQ-CP ngày 25/12/2022 của Chính phủ về học phí năm học 2022-2023 của các cơ sở giáo dục đào tạo công lập).

2. Sự cần thiết áp dụng mức thu học phí theo lộ trình quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

Mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII:

Giai đoạn đến năm 2021:

Hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

Đến năm 2025

- Phân đầu có tối thiểu 20% đơn vị tự chủ tài chính.

- Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016 - 2020.

Đến năm 2030

**UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *237* /SGDDĐT-KHTC

Hải Dương, ngày 9 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý đối với dự thảo báo cáo của
Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung Nghị định
số 81/2021/NĐ-CP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: <i>155.94</i>
	Ngày: <i>15/5</i>
Kính chuyển:	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện tinh thần công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương xin tham gia ý kiến như sau:

1. Tình hình thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP tại địa phương

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Ngày 08/12/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành Nghị quyết số 08/2022/NQ - HĐND quy định mức thu học phí tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh năm học 2022-2023, lộ trình đến năm học 2025-2026.

Để chia sẻ khó khăn với học sinh, phụ huynh do tác động của việc tăng học phí. Ngày 08/12/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành Nghị quyết số 36/NQ - HĐND về việc hỗ trợ mức thu học phí cho các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm học 2022-2023. Theo đó, ngân sách địa phương đảm bảo toàn bộ phần chênh lệch tăng thêm giữa mức thu học phí năm học 2022-2023 so với mức thu học phí năm học 2021-2022 (phù hợp với Nghị quyết số 165/2022/NQ-CP ngày 25/12/2022 của Chính phủ về học phí năm học 2022-2023 của các cơ sở giáo dục đào tạo công lập).

2. Sự cần thiết áp dụng mức thu học phí theo lộ trình quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

Mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII:

Giai đoạn đến năm 2021:

Hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

Đến năm 2025

- Phần đầu có tối thiểu 20% đơn vị tự chủ tài chính.
- Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016 - 2020.

Đến năm 2030

KHTC

Giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

Khoản 1 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định:

Học phí là khoản tiền người học phải nộp để chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo. Mức học phí được xác định theo lộ trình bảo đảm chi phí dịch vụ giáo dục, đào tạo do Chính phủ quy định.

Như vậy, học phí sẽ thực hiện theo cơ chế giá (giá dịch vụ giáo dục) và phải thực hiện lộ trình tính đủ chi phí dịch vụ giáo dục. Ngân sách nhà nước chi trực tiếp cho các cơ sở giáo dục giảm dần hàng năm.

Mặt khác, trong điều kiện ngân sách địa phương nói chung và ngân sách địa phương đầu tư cho lĩnh vực giáo dục nói riêng (bao gồm cả chi đầu tư và chi thường xuyên) còn rất hạn chế; khả năng khai thác từ các nguồn thu khác hầu như không có vì hoạt động chính của các nhà trường là hoạt động giảng dạy nên việc giữ ổn định mức thu học phí (03 năm) đã gây khó khăn cho các cơ sở giáo dục trong việc cân đối nguồn lực tài chính để đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục.

Vì vậy, việc áp dụng mức thu học phí theo lộ trình quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của các cơ sở giáo dục là cần thiết để bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên, đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và thực hiện lộ trình tự chủ.

Căn cứ những nội dung nêu trên, việc Bộ Giáo dục và Đào tạo kiến nghị điều chỉnh lộ trình học phí lùi 01 năm so với lộ trình học phí tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (chi tiết theo Phụ lục số 3 kèm theo công văn số 1896/BGDĐT - KHTC) phù hợp với thực tế đã triển khai tại địa phương (Nghị quyết số 08/2022/NQ - HĐND đã ban hành), hỗ trợ một phần khó khăn cho học sinh, phụ huynh cũng như các cơ sở giáo dục.

Kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./. *or*

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VP, KHTC *or*



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 1817 /ĐHCT-TC

Cần Thơ, ngày 22 tháng 5 năm 2023

Về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP

Kính gửi: - Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: <u>1817</u>
	Ngày: <u>22/5/2023</u>
Kính chuyển:	

Căn cứ Công văn 2194/BGDĐT-KHTC ngày 16/5/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 81/2021/NĐ-CP;

Căn cứ khoản 4 điều 12 Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/7/2014 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học,

Trường Đại học Cần Thơ xin góp ý sửa đổi Khoản 3 Điều 3 và Khoản 3 Điều 32 Nghị định 81/2021/NĐ-CP như sau:

1. Góp ý Khoản 3 Điều 3

- Đối với cơ sở giáo dục đại học đã đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đã kiểm định đạt trên 30% chương trình đào tạo thì được công nhận đạt kiểm định tất cả chương trình đào tạo.
- Chu kỳ kiểm định chương trình đào tạo bằng 2 lần thời gian thiết kế của chương trình đào tạo.

2. Góp ý Khoản 3 Điều 32

"3. Đối với cơ sở giáo dục đại học đang thực hiện chương trình chất lượng cao theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ nếu đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hoặc đạt mức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn nước ngoài hoặc tương đương được tự xác định học phí của chương trình đó trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ sở giáo dục ban hành, thực hiện công khai giải trình với người học và xã hội.

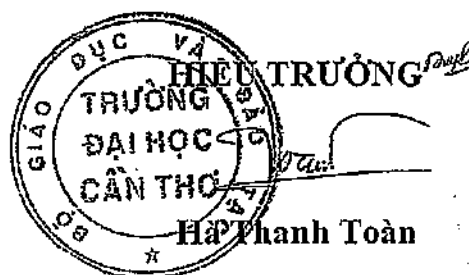
Trường hợp không đạt kiểm định chất lượng chương trình theo quy định trên thì được áp dụng mức thu học phí theo Đề án chương trình chất lượng cao đã được phê duyệt trong thời gian tối đa 06 năm tính từ năm học 2021 - 2022 để thực hiện công tác kiểm định chất lượng. Nếu sau thời gian 06 năm vẫn không đạt yêu cầu kiểm định chất lượng thì áp dụng mức trần học phí tương ứng với từng nhóm ngành và mức độ tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định này."

Lý do: Nghị định 81/2021/NĐ-CP ban hành ngày 27/8/2021, tức là bắt đầu áp dụng từ năm học 2021-2022, như vậy những khoá tuyển sinh trong năm học này cần 06 năm bắt đầu từ năm học 2021-2022 mới đủ điều kiện để kiểm định chương trình tạo theo Khoản 4 Điều 12 Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KHTH, TC.



Handwritten mark

BỘ GD&ĐT		Ngày nhận: 2/6/23
VT Đạm		CV chủ trì: <i>Công</i>
PVT Thịnh	✓	CV phối hợp: <i>Nguyễn</i>
PVT Tùng		

**UBND TỈNH THANH HOÁ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1311 /SGDĐT-KHTC
V/v xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày
27/8/2021 của Chính phủ.

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 6069/UBND-VX ngày 05/5/2023.

Sau khi nghiên cứu dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục 1, 2 và 3 đính kèm Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023; trên cơ sở ý kiến tham gia của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 1848/SLĐTĐTBXH-GDNN ngày 08/5/2023 về việc thực hiện Công văn số 6069/UBND-VX ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thanh Hóa thống nhất với đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành. Đồng thời, thống nhất với nội dung dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo nêu trên.

Sở Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn
Tạ Hồng Lưu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2269** /UBND-VX
Về đề xuất xây dựng Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **30** tháng **5** năm 2023

BỘ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 444	Ngày nhận 16/5/2023
VT Đam	CV chỉ đạo C. Quý
PVT Thịnh	CV phối hợp C. Quý
Đào tạo	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tiếp nhận Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 4 năm 2023 và Công văn số 2533/ BGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định 81).

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cơ bản thống nhất với dự thảo, tuy nhiên có một số ý kiến như sau:

1. Đối với đề xuất lộ trình học phí và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Đề nghị tiếp tục giữ nguyên lộ trình học phí và việc quy định mức sàn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 81 và có điều khoản quy định riêng đối với trường hợp các địa phương vùng địa bàn khó khăn đang quy định thấp hơn mức sàn học phí tại Nghị định số 81 theo tiêu chí phù hợp.

Hiện nay, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tham mưu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ trên mức sàn tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Đồng thời có chính sách hỗ trợ phần chênh lệch học phí tại Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022 - 2023 (bao gồm học sinh ngoài công lập) được dư luận xã hội đồng tình.

Việc bỏ mức sàn học phí sẽ gây xôn xao dư luận, tạo sức ép đối với các địa phương đã thực hiện lộ trình phải điều chỉnh lại mức học phí, làm phát sinh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3848 /UBND-KGVX

Cà Mau, ngày 26 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý xây dựng Nghị định sửa đổi,
bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
của Chính phủ về học phí

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 9006	Ngày nhận: 26/5/2023
VT Đạm	CV chủ trì: <i>CĐ</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>CĐ</i>
PVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Công văn số 2533/BGDĐT-KHTC ngày 25/5/2023 về việc đôn đốc góp ý đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cơ bản thống nhất với dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại phụ lục 1, 2, 3 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023. Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh có một số ý kiến góp ý "Về học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập" của Phụ lục 3 như sau:

- Đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức sàn học phí năm học 2023 - 2024 tính theo lộ trình chỉ số giá tiêu dùng tăng hàng năm và so với mức sàn được quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ (tăng tương đương khoảng 25%), cụ thể:

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Vùng	Năm học 2023 - 2024			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	Từ 75 đến 540	Từ 75 đến 540	Từ 75 đến 650	Từ 75 đến 650
Nông thôn	Từ 40 đến 220	Từ 40 đến 220	Từ 40 đến 270	Từ 40 đến 330
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Từ 10 đến 110	Từ 10 đến 110	Từ 10 đến 170	Từ 10 đến 220

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí năm học 2023 - 2024 cụ thể tại địa phương.

**UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 895/SGDĐT-KHTC

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 5 năm 2023

V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị
định sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

BỘ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số: 4609	Ngày nhận: 11/6/2023
VT Đại	CV chủ trì: <i>C. Dũng</i>
PVT Thành	CV phối hợp: <i>C. Mạnh</i>
BVT Tùng	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Văn bản số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu các dự thảo, Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng xin góp ý một số nội dung như sau:

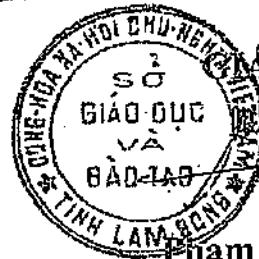
1. Giữ quy định mức sàn để các địa phương có cơ sở xây dựng Nghị quyết quy định mức học phí.

2. Khung học phí vẫn thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và không lùi 01 năm so với lộ trình tăng học phí theo Nghị định.

Trên đây là góp ý của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp./. *Huu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.



Phạm Thị Hồng Hải

Số: 1730/SGDDĐT-KHTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2023

V/v đề xuất nội dung sửa đổi,
bổ sung một số điều của
Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Vấn đề số: 1730	Ngày soạn: 21/5/2023
VT Đạm	CV chủ trì: <i>C.Đạm</i>
PVT Thịnh	CV phối hợp: <i>C.Đạm</i>
PVT Tùng	<i>C.Đạm</i>

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP);

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC).

Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội tại Công văn số 4843/VP-KGVX ngày 05/5/2023 về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Sau khi nghiên cứu Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC và các hồ sơ có liên quan; xin ý kiến của các Sở Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Thống nhất nội dung tại phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC.

2. Đối với nội dung phụ lục số 03 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội có ý kiến cụ thể như sau:

a) Đối với học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập

Thống nhất nội dung đề xuất không quy định mức sàn học phí năm học 2023-2024.

b) Đối với học phí giáo dục đại học công lập

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, đề xuất giữ nguyên lộ trình học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Không thống nhất với đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo điều chỉnh lùi lộ trình học phí thêm 01 năm so với lộ trình quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

3. Ngoài các nội dung nêu trên, để giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 81/2021/NĐ-CP tại địa phương. Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét tổng hợp báo cáo Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

**UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 895/SGDDĐT-KHTC

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 5 năm 2023

V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị
định sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

BỘ GDĐT - VỊ KHTC	
Văn bản số: 4587/SGDDĐT-KHTC ngày nhận: 11/6/2023	
VT Đạm	CV chỉ đạo
PVT Thịnh	CV phối hợp
TRƯỞNG Tùng	

Chuyến
C. Đình, Mai Thị Hằng

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Văn bản số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu các dự thảo, Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng xin góp ý một số nội dung như sau:

1. Giữ quy định mức sàn để các địa phương có cơ sở xây dựng Nghị quyết quy định mức học phí.

2. Khung học phí vẫn thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và không lùi 01 năm so với lộ trình tăng học phí theo Nghị định.

Trên đây là góp ý của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp./. *Huu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.



Phạm Thị Hồng Hải

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 980 /ĐHSPNTTW-KHTC&QTTB
V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa
đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP
của Chính phủ

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: 17382
	Ngày: 30.5.2023
Kính chuyển: Đào tạo	

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Vị trí: VT Đạm	Ngày nhận: 2/6/23
PVT Thịnh	CV chủ trì: [Chữ ký]
PVT Tùng	CV phối hợp: [Chữ ký]

Kính gửi: Vụ KHTC, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 2194/BGDĐT ngày 16/05/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW xin báo cáo một số ý kiến, góp ý đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và dự thảo Tờ trình Chính phủ như sau:

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW là cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thực hiện theo khung học phí từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026, lộ trình điều chỉnh không quá 12,5%/năm từ năm học 2026-2027. Tuy nhiên, thời gian qua, việc thực hiện Nghị định 81 còn rất khó khăn. Đặc biệt, từ năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên tác động toàn diện đến nền kinh tế nước ta. Để chia sẻ khó khăn với phụ huynh, học viên, sinh viên thì Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 165 ngày 20/12/2022 về giữ nguyên mức học phí các cơ sở giáo dục công lập qua ba năm học 2020-2021, 2021-2022 và 2022-2023. Trường ĐHSP Nghệ thuật TW đã thực hiện điều chỉnh mức thu học phí kịp thời theo Nghị quyết 165 để đảm bảo cho học viên, sinh viên yên tâm học tập.

Tuy nhiên, việc giữ ổn định học phí đã gây khó khăn cho Nhà trường trong cân đối nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục, đầu tư cơ sở vật chất trong điều kiện kinh tế còn hạn chế, ngân sách chi thường xuyên bị cắt giảm hàng năm. Hiện tại, nguồn thu học phí chiếm tỉ trọng trên 80% tổng nguồn thu của trường. Vì thế, việc áp dụng ngay mức thu học phí theo lộ trình quy định tại

Nghị định 81/2021 của Chính phủ là cần thiết để bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên, nâng chất lượng giáo dục.

Vì vậy, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, giữ nguyên mức học phí từ năm học 2023-2024 đến năm học 2025-2026 như điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 đã ban hành.

Trân trọng!

Nơi gửi:

- Như trên;
- BGH (để b/c);
- Lưu VT, KHTC&QTTB.(5)

HIỆU TRƯỞNG



Đào Đăng Phượng



Số: 1730/SGDĐT-KHTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2023

V/v đề xuất nội dung sửa đổi,
bổ sung một số điều của
Nghị định số 81/2021/NĐ-CP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN SỐ: 1730	Ngày: 26/05/23
Kính chuyển:	

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Ngày nhận: 16/5/23	Ngày:
VT Đam
PVT Thịnh
PV

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP);

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC).

Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội tại Công văn số 4843/VP-KGVX ngày 05/5/2023 về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Sau khi nghiên cứu Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC và các hồ sơ có liên quan; xin ý kiến của các Sở Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Thống nhất nội dung tại phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC.

2. Đối với nội dung phụ lục số 03 kèm theo Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội có ý kiến cụ thể như sau:

a) Đối với học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập

Thống nhất nội dung đề xuất không quy định mức sàn học phí năm học 2023-2024.

b) Đối với học phí giáo dục đại học công lập

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, đề xuất giữ nguyên lộ trình học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Không thống nhất với đề xuất của Bộ Giáo dục và Đào tạo điều chỉnh lùi lộ trình học phí thêm 01 năm so với lộ trình quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

3. Ngoài các nội dung nêu trên, để giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 81/2021/NĐ-CP tại địa phương. Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét tổng hợp báo cáo Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1.672

a) Đề nghị sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

“d) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thì được tự xác định mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ sở giáo dục ban hành; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt mức thu học phí cụ thể không phụ thuộc vào quy định mức trần tối đa đã nêu tại điểm b, điểm c”.

Lý do đề xuất sửa đổi bổ sung: Đề xuất bổ sung cụm từ *“không phụ thuộc vào quy định mức trần tối đa đã nêu tại điểm b, điểm c”* vào điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Do hiện nay thực tế tại cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên của thành phố Hà Nội mức thu học phí để đảm bảo tính đủ chi phí đã vượt quy định 2 lần mức trần tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (chưa bao gồm tăng mức lương cơ sở vào tháng 7 năm 2023 với mức tăng 20,8%), nhằm đảm bảo làm rõ về cơ sở pháp lý khi trình HĐND Thành phố quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên của thành phố Hà Nội.

b) Đề nghị sửa đổi đối với khoản 4 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, như sau:

“Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương và khả năng đóng góp của người học, căn cứ chính sách phát triển giáo dục của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định khung học phí hoặc mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập) trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành bảo đảm mức thu học phí tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục đồng thời phải bảo đảm thực hiện các mục tiêu giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành”.

Lý do đề xuất sửa đổi: Thay thế cụm từ *“địa bàn có khả năng xã hội hóa cao”* bằng cụm từ *“Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương và khả năng đóng góp của người học”*. Do việc xác định địa bàn có khả năng xã hội hóa cao là rất khó do không có các cơ sở pháp lý liên quan để xác định địa bàn làm căn cứ để xây dựng mức thu học phí theo quy định.

c) Đề nghị sửa đổi đối với khoản 3 Điều 27 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, như sau:

“Mức trần của giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đào tạo đại học, giáo dục nghề nghiệp thực hiện đặt hàng ở các địa phương có khả năng cân đối ngân sách hoặc có yêu cầu đặc biệt về chất lượng đào tạo do bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét

phê duyệt trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành, đảm bảo bù đắp chi phí hợp lý, hợp lệ, nhu cầu đào tạo và tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo”.

Lý do đề xuất sửa đổi: Thay thế cụm từ “các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao” bằng cụm từ “các địa phương có khả năng cân đối ngân sách” do việc xác định địa bàn có khả năng xã hội hóa cao là rất khó vì không có các cơ sở pháp lý liên quan để xác định địa bàn làm căn cứ để xây dựng giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập nhằm triển khai việc đặt hàng dịch vụ giáo dục.

d) Đề nghị sửa đổi đối với khoản 2 Điều 28 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, như sau:

“2. Mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông từ năm học 2022 - 2023 như sau:

a) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng mức trần học phí vùng thành thị quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định này. Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông được điều chỉnh đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương và khả năng chi trả của người dân nhưng tối đa không vượt 7,5%/năm;

b) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng mức trần học phí vùng thành thị quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 9 Nghị định này;

c) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Tối đa bằng mức trần học phí vùng thành thị quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 9 Nghị định này;

d) Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư nếu đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định được tự xác định mức giá dịch vụ trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ sở giáo dục ban hành; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt mức giá dịch vụ, không phụ thuộc vào quy định mức trần tối đa đã nêu tại điểm a, điểm b, điểm c”.

Lý do đề xuất sửa đổi:

- Bổ sung cụm từ “vùng thành thị” tại các điểm a, b và c: Theo quy định mức trần học phí vùng miền núi và vùng nông thôn chỉ đạt từ 20,4% đến 50,7% mức trần học phí vùng thành thị, trong khi chi phí cho một học sinh/vùng miền núi và vùng nông thôn thường cao hơn chi phí một học sinh/vùng thành thị (do số học sinh/lớp vùng thành thị thường đông hơn số học sinh/lớp vùng nông thôn và vùng miền núi) mặt khác chi phí/lớp học vùng miền núi còn cao hơn vùng thành thị do tỷ lệ % hưởng phụ cấp ưu đãi miền núi cao hơn...

- Bổ sung cụm từ: “không phụ thuộc vào quy định mức trần tối đa đã nêu tại điểm a, điểm b, điểm c” tại điểm d, nhằm đảm bảo làm rõ về cơ sở pháp lý khi trình HĐND Thành phố quy định giá dịch vụ của thành phố Hà Nội.

đ) Đề nghị sửa đổi đối với khoản 3 Điều 31 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, như sau:

“3. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và các chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức tăng học phí hàng năm không quá 7,5%/năm từ năm học 2026 - 2027; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập xác định mức học phí tương ứng với mức độ tự chủ tài chính và kiểm định chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 và khoản 2 Điều 11, mức tăng học phí không quá 12,5%/năm từ năm học 2026 - 2027”.


Lý do đề xuất sửa đổi: Đề xuất quy định về “mức tăng học phí hàng năm không quá 7,5%/năm thực hiện từ năm học 2026 - 2027” (theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP từ năm học 2023-2024) là do trong thời gian qua mức thu học phí giữ nguyên từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023 (do tác động của dịch bệnh), đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên nếu từ năm học 2023-2024 trở đi mức tăng học phí không quá 7,5%/năm sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc không đảm bảo đủ kinh phí để chi hoạt động của đơn vị do năm 2023 dự kiến mức lương cơ sở tăng 20,8% dẫn đến chi phí phục vụ giảng dạy học tập của đơn vị tăng cao.

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét tổng hợp trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Trần Thế Cường

NTQ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2269** /UBND-VX
Về đề xuất xây dựng Nghị định
sửa đổi, bổ sung Nghị định số
81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **30** tháng **5** năm **2023**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: <u>17.661</u>
	Ngày: <u>1.6.2023</u>
Kính chuyển:	

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tiếp nhận Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 4 năm 2023 và Công văn số 2533/ BGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định 81).

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cơ bản thống nhất với dự thảo, tuy nhiên có một số ý kiến như sau:

1. Đối với đề xuất lộ trình học phí và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ

Đề nghị tiếp tục giữ nguyên lộ trình học phí và việc quy định mức sàn học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 81 và có điều khoản quy định riêng đối với trường hợp các địa phương vùng địa bàn khó khăn đang quy định thấp hơn mức sàn học phí tại Nghị định số 81 theo tiêu chí phù hợp.

Hiện nay, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tham mưu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ trên mức sàn tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Đồng thời có chính sách hỗ trợ phần chênh lệch học phí tại Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022 - 2023 (bao gồm học sinh ngoài công lập) được dư luận xã hội đồng tình.

Việc bỏ mức sàn học phí sẽ gây xôn xao dư luận, tạo sức ép đối với các địa phương đã thực hiện lộ trình phải điều chỉnh lại mức học phí, làm phát sinh

thêm thủ tục hành chính... Trong khi đó, mức sàn hiện tại là phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội sau nhiều năm thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, tận dụng được nguồn lực trong nhân dân cùng với nhà nước chăm lo sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, là nguồn lực cần thiết để bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên, nâng cao chất lượng giáo dục, đầu tư cơ sở vật chất trong điều kiện đầu tư hạn chế, ngân sách chi thường xuyên bị cắt giảm hằng năm và thực hiện lộ trình tự chủ.

Trong năm học 2023 - 2024, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện mức học phí theo mức sàn học phí quy định tại Nghị định 81 và sẽ cập nhật điều kiện kinh tế xã hội trong thời gian tới để có đề xuất chính sách hỗ trợ miễn, giảm theo quy định của Chính phủ và các chính sách đặc thù khác của Thành phố với mục tiêu là không để một học sinh nào nghỉ, bỏ học vì điều kiện kinh tế khó khăn.

2. Một số ý kiến đề xuất khác

Đề xuất có hướng dẫn việc thực hiện lộ trình miễn học phí đối với học sinh trung học cơ sở từ năm 2025 theo Luật Giáo dục năm 2019 và xem xét nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ cấp bù học phí đối với các trường tiểu học công lập.

Hiện nay, học sinh tiểu học trường công lập thuộc đối tượng không phải đóng học phí theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tuy nhiên ngân sách không được cấp bù. Bên cạnh đó, việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 dạy học 2 buổi/ngày theo lộ trình từ năm học 2020 - 2021 khiến các trường gặp khó khăn trong nguồn thu để đảm bảo kinh phí hoạt động và nâng cao chất lượng giáo dục.

Kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTUB: CT, PCT;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- Phòng VX;
- Lưu VT, (VX-VN). 2



Dương Anh Đức

NTQ.

UBND TỈNH THANH HOÁ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1311 /SGDĐT-KHTC
V/v xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày
27/8/2021 của Chính phủ.

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bộ GDĐT - Vụ KHTC	
Văn thư số 461/ Ngày nhận 02/6/23	
VT Đam	CV chủ trì:
PVT Thịnh	CV phối hợp:
PVT Tùng	

Thực hiện Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 6069/UBND-VX ngày 05/5/2023.

Sau khi nghiên cứu dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục 1, 2 và 3 đính kèm Công văn số 1896/BGDĐT-KHTC ngày 27/4/2023; trên cơ sở ý kiến tham gia của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 1848/SLĐTBXH-GDNN ngày 08/5/2023 về việc thực hiện Công văn số 6069/UBND-VX ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thanh Hóa thống nhất với đề xuất giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP để báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành. Đồng thời, thống nhất với nội dung dự thảo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo nêu trên.

Sở Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Tạ Hồng Lựu